



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web: <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Xã luận :

Nguyễn Thanh Giang trở thành một biểu tượng lớn của phong trào dân chủ

Chiều ngày 4-3-1999, công an Hà Nội đã chặn bắt tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang ngoài đường phố và đem đi giam giữ ở một địa điểm bí mật. Cũng như vụ bắt Hà Sĩ Phu hơn ba năm về trước, đây là một phương pháp bắt người đầy tính đạo tặc của một chính quyền đã mất chính nghĩa và tự tin.

Nguyễn Thanh Giang là con người đầy ý chí và bản lĩnh. Mới sinh ra đã thiếu mẹ, ông may mắn được nuôi nấng và giáo dục trong tình yêu nhưng trước khi gia đình di cư vào Nam ông đã quyết định ở lại với chế độ cộng sản ở tuổi mười bảy. Trở thành một cấp lãnh đạo thanh niên cộng sản, Nguyễn Thanh Giang đã từ chối gia nhập đảng cộng sản bỏ qua những quyền rũ lớn về quyền lợi. Bằng những hành động này, Nguyễn Thanh Giang đã chứng tỏ ông là người khi đã có ý kiến thì dám chấp nhận trả giá cho ý kiến của mình.

Từ đó, ông đã phải phấn đấu trong những điều kiện vật chất cực kỳ thiếu thốn để đạt tới một học vị và một trình độ kiến thức và lý luận bậc nhất miền Bắc. Kể từ thập niên 1980, khi đã thấy rõ những tệ hại của chế độ, Nguyễn Thanh Giang đã công khai phê phán, bất chấp mọi hậu quả. Ông dần dần trở thành một khuôn mặt dân chủ nổi tiếng. Có thể tóm tắt con người và sự nghiệp của Nguyễn Thanh Giang trong ba chữ kép: kiệt xuất, kiên trì và dũng cảm. Không những thế, Nguyễn Thanh Giang còn giao thiệp rộng, có nhiều quan hệ xã hội và cũng có tham vọng tác động một cách tích cực và trực tiếp lên sinh hoạt của đất nước. Ông không phải chỉ có lập trường mà còn dám hành động cho thắng lợi của lập trường.

Những đức tính ấy đã khiến ông chính phục được sự tin nhiệm và trọng nể của

mọi người, từ những người rất bình thường đến những nhân vật có quyền chức hoặc uy tín lớn nhất của chế độ như các cựu trung tướng Trần Độ và Phạm Hồng Sơn, cựu thủ tướng Phạm Văn Đồng, cựu phó chủ tịch quốc hội Nguyễn Xiển, cựu bí thư thành ủy Hải Phòng Hoàng Hữu Nhân, cựu bí thư thành ủy Hà Nội Nguyễn Văn Đào, kể cả chủ tịch nước Trần Đức Lương và thường trực bộ chính trị Phạm Thế Duyệt. Trong những tháng gần đây, Nguyễn Thanh Giang đã xuất hiện như khuôn mặt lãnh đạo phong trào dân chủ tại Hà Nội. Đó chính là lý do khiến chính quyền cộng sản quyết định bắt giam ông và đã gặp những phản ứng không ngờ.

Trái với những vụ bắt giam người đối lập trước đây, phản ứng của thế giới đã tức khắc và mạnh mẽ. Bộ ngoại giao Hoa Kỳ và hầu hết mọi tổ chức nhân quyền quốc tế đã mau chóng lên tiếng đòi Hà Nội trả tự do tức khắc và không điều kiện cho Nguyễn Thanh Giang.

Một cách đầy ý nghĩa, cộng đồng người Việt hải ngoại đã nhất loạt lên tiếng bênh vực Nguyễn Thanh Giang. Hoàn toàn không còn một do dự hay ngờ vực nào như những lần trước. Người Việt hải ngoại vừa chứng tỏ một trình độ trưởng thành đầy hứa hẹn. Từ nay các làn ranh cũ đã bị xóa bỏ, chỉ còn lại trận tuyến dân chủ và những người dân chủ đã nhận diện được nhau.

Hà Nội vừa nhận ra một cách muộn màng rằng đàn áp những tiếng nói dân chủ không còn dễ như trước nữa. Họ đang bế tắc. Trả tự do cho Nguyễn Thanh Giang là thú nhận bất lực, là chấp nhận một cuộc đầu hàng mở đầu cho nhiều đầu hàng khác. Tiếp tục giam giữ Nguyễn Thanh Giang họ sẽ phải gánh chịu những thiệt hại

lớn hơn. Và đằng nào thì họ cũng đã biến Nguyễn Thanh Giang thành một biểu tượng lớn của phong trào dân chủ Việt Nam. Cần nhấn mạnh một đặc điểm của Nguyễn Thanh Giang, ông không đòi cải thiện đảng cộng sản, ông dứt khoát đòi dân chủ đa nguyên.

Tệ hơn một sự hung bạo, việc bắt giam Nguyễn Thanh Giang là một sự đại dột. Tại sao đảng cộng sản lại đại dột như vậy? Đó là vì, như một người mất trí, khi một chế độ đã mất lý do tồn tại, nó sẽ tự làm những hành động tự sát.

Hai trong năm ủy viên thường trực bộ chính trị, ông Trần Đức Lương và ông Phạm Thế Duyệt, sẽ nghĩ gì khi chế độ mà họ đứng đầu phải bắt một người mà họ kính nể cả về tài năng lẫn tư cách? Họ không thể không bắt Nguyễn Thanh Giang vì Nguyễn Thanh Giang là biểu tượng của một phong trào dân chủ đang lên nhanh và lan rộng. Họ phải phản ứng, nhưng phản ứng chỉ đặt họ vào một tình thế khó khăn hơn. Thế của họ là thế sa lầy, không cử động thì chìm dần, mà cử động thì lại càng chìm mau hơn.

Chỉ còn một lối thoát là bám lấy sợi dây cấp cứu. Sợi dây đó có thể là chính là những người như Nguyễn Thanh Giang, những người hiếm hoi được mọi người chấp nhận và, may mắn hơn cho ban lãnh đạo cộng sản, cũng là những người đã từng ở cùng hàng ngũ với họ và vẫn dành cho họ một cái nhìn thân thiện.

Những người cộng sản có thể không đủ sáng suốt để nhìn thấy lối thoát đó. Họ có thể phạm vào điều không thể sửa chữa. Bản phận tức thời của những người dân chủ Việt Nam là bảo vệ Nguyễn Thanh Giang.

Thông Luận

Dân chủ hay là chết

Những nhà lãnh đạo độc tài các nước châu Á vẫn cho rằng dân chủ là một khái niệm của phương Tây vì nó xuất phát từ Hy Lạp. Do đó, nó không phù hợp với dân tộc tính của dân châu Á.

Đó là một nhận định hoàn toàn sai.

Dân chủ là một khái niệm đã có từ thời đại cổ thạch khí (paléolithique), thời đại con người cổ sơ thời tiền sử sinh sống bằng săn thú vật và bắt cá, ăn tươi nuốt sống với một nền kinh tế được gọi là nền kinh tế săn bắt, trước khi đi vào thời đại kinh tế sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi). Trong thời đại này, dân chủ đã thể hiện qua hình thức người tiền sử bình thường đã tín nhiệm một số người tiền sử khác có khả năng hơn mình (hiển nhiên trong địa hạt săn bắt) lãnh đạo cộng đồng trong cuộc sống tập thể, giải quyết những khó khăn cũng như những tranh chấp có thể xảy ra. Khi người này vì một lý do nào đó - sức khỏe, bệnh tật-, không còn khả năng lãnh đạo, một người tiền sử khác sẽ được tín nhiệm thay thế người lãnh đạo cũ. Đó là nguyên tắc cốt lõi của dân chủ: người dân vì bận rộn với công ăn việc làm, hoặc vì thiếu khả năng, đã ủy nhiệm và tín nhiệm một số người có khả năng đại diện mình trong việc quản trị đời sống cộng đồng. Sự tín nhiệm và ủy nhiệm này có giới hạn trong thời gian và không mang tính cha truyền con nối.

Đời sống dân chủ Athènes chỉ là một hình thức hoàn hảo hơn, hệ thống hóa hơn và định chế hóa hơn khái niệm dân chủ của người tiền sử thời đại cổ thạch khí mà thôi.

Do đó dân chủ là một khái niệm có tính phổ cập và là di sản chung của nền văn hóa và văn minh nhân loại. Ai cho rằng dân chủ là khái niệm của người phương tây, thì đó hoặc là những người không văn minh, hoặc không có văn hóa hoặc tự cho mình đứng trên nhân loại, là thánh là thần, nếu không muốn nói là thượng đế, có quyền phán xét cái gì là gia tài của người da trắng, cái gì là gia tài của người da vàng, người da đen, người da đỏ...

Đừng nhầm lẫn dân chủ là một khái niệm phổ cập với cá nhân chủ nghĩa là một khái niệm hoàn toàn bắt nguồn từ phương Tây.

Từ thế kỷ 15, tại Bắc nước Ý, phong trào Phục Hưng được phát động với những tư tưởng hoàn toàn mới mẻ thay đổi hẳn con người và xã hội tây phương. Những tư tưởng nhân bản được phát triển mạnh và dẫn đến triết lý chủ nghĩa cá nhân đưa con người cá thể lên một mức giá trị rất cao. Con người không những được xem như là một cấu phần của giống người, mà là cá nhân độc nhất vô nhị. Cá nhân độc nhất do Thượng đế sinh ra, nhưng không phải để thờ phụng Thượng đế, như những triết lý trung cổ, mà để sống như và cho cá nhân, một cách sống mới.

Sự tin tưởng vào giá trị của cá nhân độc nhất cho phép con người phát triển vô cùng tận những khả năng phong phú tiềm tàng trong con người. Nó đưa đến sự khai phóng toàn diện của con người trên mọi phương diện, cho phép con người càng ngày càng tiến xa hơn nữa. Con người được xem như sống sung sướng trong thế gian này, chứ không phải sống tạm bợ để sửa soạn chờ ngày lên Trời. Thế gian do đó được xem như một điều dương cho phép con người có một niềm lạc quan mới về số phận và sứ mệnh của mình trên thế gian này. Đó là sự khai phóng, giải thoát con người ra khỏi giáo quyền, sau khi con người được giải phóng ra khỏi các thần quyền.

Chủ nghĩa cá nhân nguyên thủy là một phát kiến khai phóng, nhưng những quá trớn của nó tràn ngập trong xã hội phương Tây và xâm nhập vào xã hội phương Đông, đã bị một số người hỗn hợp với dân chủ trong ý đồ lừa đảo và mê hoặc. Đó là luận điệu được dùng như là một khí giới để kết án dân chủ về mặt xã hội, văn hóa: dân chủ sẽ dẫn đến băng hoại những giá trị luân lý cổ truyền. Luận điệu này xảo diệu đến nỗi nó lừa bịp cả những người yêu dân chủ nhưng không chấp nhận sự đánh đổ những giá trị luân lý, đạo đức cổ truyền, được xem như là những giá trị phương đông. Do đó khẩu hiệu "Dân chủ không phải là một giá trị của phương đông" trong một chừng mực nào đó đã có ít nhiều hiệu quả.

Hiện nay, mọi người, ngay cả lãnh tụ các nước theo xã hội chủ nghĩa, đều chấp nhận nguyên tắc muốn phát triển phải nhờ đến kinh tế thị trường. Nhưng họ vẫn

không chấp nhận liên hệ nhân quả và hữu cơ giữa dân chủ và kinh tế thị trường. Vô tình hay cố ý, đây lại là một nhận định sai lầm khác.

Thật vậy, khi có dân chủ, các khái niệm về quyền tư hữu sẽ được triển khai. Lòng ham muốn tư hữu càng lớn, tài sản quốc gia càng tăng. Trong một xã hội dân chủ, quyền tư hữu không bị tước bỏ một cách tùy tiện và được điều tiết bằng các luật lệ. Đây là nguyên tắc căn bản của một nền kinh tế thị trường. Do đó, muốn phát triển, cần phải có kinh tế thị trường, muốn có kinh tế thị trường phải có dân chủ. Một tam đoạn luận tự nó chuyên chở một thực tế toán học.

Nhưng tại sao một nước không có dân chủ như Trung Quốc có thể đạt đến một phát triển kinh tế trong một chừng mực nào đó được xem là đáng kể? Đó cũng là tiến trình của các nước trong quá khứ đã sống dưới một nền độc tài cảnh hữu như Thái Lan, Nam Dương, Đại Hàn, Đài Loan...

Trung Quốc với mức tăng trưởng kinh tế trên 8% của sản lượng nội địa (GDP) từ năm 1991 đến 1997, được các nhà lãnh đạo Việt Nam xem như là một khuôn vàng thước ngọc trong chính sách phát triển kinh tế không cần đến dân chủ, được gọi một cách biện chứng là đường lối kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nhưng thật ra, phát triển kinh tế của Trung Quốc cũng như các con rồng Á châu vẫn không thoát khỏi quy luật tất yếu của kinh tế thị trường được điều tiết theo các quy luật của mô thức dân chủ. Nhưng thị trường này không phải là thị trường nội địa mà là thị trường ngoại quốc, nhất là thị trường của các nước Tây phương, nghĩa là của các nước dân chủ. Từ năm 1994, cán cân thương mại của Trung Quốc luôn luôn thặng dư. Ngay trong hai năm 1997, 1998, khi đồng tiền các nước Nhật, Đại Hàn, Thái Lan, Nam Dương bị phá giá, và đồng nhân dân tệ (yuan) vẫn giữ nguyên giá - nghĩa là hàng xuất khẩu của Trung Quốc bị cạnh tranh kịch liệt -, thặng dư của cán cân thương mại vẫn tăng từ 40,3 tỷ đến 45 tỷ USD.

Việt Nam đã trở về một chuyến tàu. Các thị trường phương Tây đã bị Trung Quốc, Nhật và các con rồng đóng chốt. Trước cơn khủng hoảng kinh tế thế giới, các thị trường càng ngày càng thu hẹp. Con đường thoát duy nhất của Việt Nam bằng kinh tế thị trường là dân chủ. Dân chủ hay là chết.

Huỳnh Hùng

Thông Luận 125 - Tháng 04.99

Tu chính Hiến Pháp và triển vọng phát triển kinh tế ở Trung Quốc

Nguyễn Phi Phụng

Quốc Hội Trung Quốc đã triệu tập gần 3000 "đại biểu" từ ngày 6 đến 15 tháng 3 để làm tu chính Hiến Pháp và nghe báo cáo sinh hoạt của chính phủ trong năm qua cũng như phương hướng cho năm nay. Trái với Quốc Hội của một chế độ dân chủ làm việc trong nhiều khóa họp hàng năm, Quốc Hội các nước cộng sản chỉ làm việc trong 10 ngày. Người ta không biết 355 ngày kia, các đại biểu "gật" này làm gì? Và chẳng, người ta có thể đoán trước kết quả một cách dễ dàng. Tu chính Hiến Pháp và báo cáo chính phủ được thông qua, chỉ có 21 người chống đối và 24 phiếu trắng trên 2.866 đại biểu có mặt.

Tu chính Hiến Pháp lần này chủ yếu là đưa "lý luận" của Đặng Tiểu Bình vào mào đầu (preamble) của Hiến Pháp ngang hàng với chủ thuyết Mác-Lê và "tư tưởng" Mao Trạch Đông và đồng thời công nhận thực thể của khu vực kinh tế tư nhân.

Bản báo cáo về hoạt động chính phủ Chu Dung Cơ có 1,5 vạn chữ và được chia ra thành 10 bộ phận (toàn văn được đăng trên báo Nhân Dân ngày 18 tháng 3-1999).

Điều được mọi người chú ý là trong bản báo cáo của chính phủ, những thành tựu "to lớn" chỉ được nói thoáng qua, không được đề cao như trước đây. Trái lại, người ta thấy một Chu Dung Cơ thẳng thắn công nhận có nhiều khuyết điểm trong công tác chính phủ. Về cái gọi là mâu thuẫn trong quần chúng (chống đối nhà nước), họ Chu nói "Trong bất cứ hoàn cảnh nào, phải giải quyết mâu thuẫn khi bắt đầu xuất hiện và tránh mọi giải pháp đơn thuần và thô bạo, lại càng không thể dùng những thủ đoạn chuyên chính đối xử nhân dân". Đường lối chủ trương của ông Chu hoàn toàn trái ngược với đường lối của một số đồng các bạn đồng hành đứng đầu là Giang Trạch Dân khi ông này đã xuống, vào cuối tháng 12, phải tiêu diệt mọi bạo động từ trong "trứng nước" (Xiao miè zài méng yá zhuàng tài) hay cho phép quần đội nổ súng vào các người biểu tình.

Về Đài Loan, ông Chu kêu gọi đối thoại hợp tác và phát triển quan hệ giữa hai bờ eo biển.

Tu chính Hiến Pháp

Hiến Pháp 1982 của Trung Quốc đã hai lần được tu chính trong năm 1988 và 1993 sau Đại Hội lần thứ 13 (1987) và Đại Hội lần thứ 14 (1992). Trong năm 1988, chế độ Bắc Kinh lần đầu tiên công nhận sự hiện hữu của khu vực kinh tế tư nhân, nhưng khu vực này chỉ "bỏ sung" cho kinh tế nhà nước. Các đặc khu kinh tế ở Quảng Đông (Thẩm Quyển, Chu Hải, Sán Đầu) và ở Phúc Kiến (Hạ Môn) đang được mở rộng để đón nhận đầu tư nước ngoài là động cơ cho sự công nhận sự hiện hữu này. Trong năm 1993, sau chuyến "Nam Du" của Đặng Tiểu Bình năm 1992 ở các vùng duyên hải, hai khái niệm mới được đưa vào Hiến Pháp. Khái niệm kinh tế thị trường theo "định hướng XHCN" trong giai đoạn "sơ cấp" của XHCN được thêm vào để biện minh thuyết Mác-Lê rất "uyển chuyển" không cứng nhắc như mọi người lầm tưởng. Thực sự, chế độ công nhận kinh tế thị trường với cá tính cạnh tranh làm kinh tế sinh động và phát triển mạnh nhưng không dám nói huých toét ra. Trong những năm này, số tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc (trừ năm 1990 sau sự kiện Thiên An Môn) vượt ngoài hai số để lên đến 14,2% năm 1992 và 13,5% năm 1993. Từ đó trở đi, khu vực kinh tế tư hữu mỗi ngày càng lớn mạnh. Cuối năm 1998, khu vực này chỉ có 32 triệu công nhân nhưng lại chiếm 45% tổng sản lượng quốc nội (GDP) trong khi khu vực nhà nước có công nhân nhiều hơn 6 lần chiếm số còn lại. Tu chính Hiến Pháp lần này cũng chỉ thừa nhận thực tế nói trên. Khu vực kinh tế tư hữu được đưa lên thành một "bộ phận quan trọng" của kinh tế thị trường XHCN và nhà nước phải bảo đảm quyền lợi và lợi ích chính đáng. Dù vậy, chế độ vẫn còn lo sợ phá giáo điều với chủ thuyết Mác-Lê trách móc nên vẫn khẳng định rằng khu vực nhà nước vẫn còn chiếm địa vị then chốt. Theo đà tăng trưởng hiện nay, khu vực kinh tế tư hữu sẽ vượt hẳn khu vực nhà nước trong một thời gian ngắn. Ông Chu Dung Cơ đã thấy rõ điều đó và hy vọng khu vực này sẽ có khả năng tạo lập công ăn việc làm cho thanh thiếu niên vừa vào nghề và đồng thời hấp

thụ những công nhân bị sa thải trong khu vực quốc doanh để giải quyết nạn thất nghiệp. Về thời kỳ "sơ cấp" của XHCN, nếu Hiến Pháp trước đây nói "Trung Quốc hiện nay đang ở trong thời kỳ sơ cấp của XHCN" thì tu chính sửa lại là "Trung Quốc sẽ vào thời kỳ sơ cấp XHCN trong thời gian còn dài". Nói một cách khác, chế độ Bắc Kinh muốn duy trì chế độ hiện nay trong nhiều thế kỷ! Hoặc chế độ đã thừa nhận rằng đoạn đường để đến cái "thiên đàng" XHCN trong đó mọi người trở thành bình đẳng, còn dài, không nên mơ tưởng quá mà thất vọng. Ngoại trừ những người còn ngây thơ, không ai còn ảo vọng về con đường thần tiên này.

Song song với tu chính về kinh tế, ba tu chính về chính trị cũng được đưa vào. Trước hết là tu chính nói về "nhà nước pháp trị". Điều 5 của Hiến Pháp được thêm vào như sau: "Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa kiến thiết XHCN dựa theo nhà nước pháp trị". Chế độ đã nhận thức sự lạm quyền của cán bộ đã trở nên quá trầm trọng nên bắt buộc phải ghi vào cho có lệ. Ở nông thôn, cán bộ địa phương đặt ra thêm cả chục thuế khóa mới để bóc lột và làm giàu trên xương máu nông dân. Hiện tượng này cũng chẳng mới mẻ gì, nó đã xảy ra từ nhiều thập niên nhưng chính quyền hoàn toàn bất lực. Điều mới là nhiều bạo động lớn đã xảy ra trong những tháng qua ở Hồ Nam, quê hương của Mao và đồng thời là "tiền đồn" của cách mạng Trung Quốc. Trong năm 1996, số người lạm quyền bị đưa ra tòa lên tới 260.000 người trong đó có nhiều thứ trưởng hay cục trưởng không kể trường hợp của ủy viên bộ chính trị kiêm bí thư Thành Ủy Bắc Kinh Trần Hy Đồng đã biển thủ hơn 2 tỷ USD và đang bị tù ở. Tu chính kế tiếp là sửa đổi điều 26 của Hiến pháp có liên hệ đến sinh hoạt chính trị. Khái niệm "hoạt động phản cách mạng" được thay bằng "Tội phạm có hại đến nền An Ninh Quốc Gia". Nếu trước đây chỉ cần gán "phản cách mạng" là bị tù chung thân không cần phải xét xử thì ngày nay phải đưa ra tòa án. Khái niệm này đã được đem ra áp dụng từ nhiều năm qua nhưng trong thực tế tòa án vẫn thừa hành theo chỉ thị của chính phủ.

Những cuộc phán xử các nhà đổi lập dân chủ gần đây đã cho thấy điều đó. Tu chính cuối cùng là đưa "lý luận" của Đặng Tiểu Bình vào mào đầu của Hiến Pháp ngang hàng với chủ thuyết Mác-Lê và "tư tưởng" của họ Mao. Đây cũng là điều thừa nhận sự hữu hiệu của kinh tế thị trường vì lý luận của Đặng Tiểu Bình là đem áp dụng đường lối này ở Trung Quốc vào cuối thập niên 70. Nhưng có điều người ta chưa hiểu tại sao lý luận của ông Đặng lại cùng hàng với chủ thuyết Mác-Lê? Không lẽ chủ thuyết Mác-Lê cũng đã xướng kinh tế thị trường? Các nhà lãnh đạo Bắc Kinh không thể giải thích được điều nghịch lý này. Họ nói cho lấy được là chỉ "mượn" những nhân tố tích cực của tư bản chủ nghĩa để bổ sung cho kinh tế điều khiển.

Báo cáo hoạt động của chính phủ trong năm qua và phương hướng cho năm nay

Cách đây đúng một năm, chính phủ Chu Dung Cơ thay thế chính phủ Lý Bằng trong hoàn cảnh không mấy thuận lợi. Phòng bảo vệ tiền tệ ở Á Châu đã bắt đầu có ảnh hưởng vào kinh tế Trung Quốc nhưng chính phủ Lý Bằng không đưa ra biện pháp để ứng phó. Số tăng trưởng kinh tế vẫn qui định là 8% cho năm 1998 so với 8,8% của năm 1997, lại nói thêm là phải đạt được bất cứ với giá nào. Kết quả là chính phủ Chu Dung Cơ phải bỏ thêm ra 15 tỷ USD đầu tư cho các đồ án hạ tầng cơ sở, tăng gấp đôi thâm hụt ngân quỹ (96 tỷ nhân dân tệ thay vì 46 tỷ) và tăng trái phiếu từ 280 tỷ nhân dân tệ lên 380 tỷ để đạt gần được số chỉ tiêu 7,8%. Nhưng con số "kỳ diệu" này bị nghi ngờ và chính quyền công nhận là cán bộ địa phương có phóng đại về số thống kê. Ngân Hàng Quốc Tế cho số tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc không quá 6% trong năm 1998. Ông Chu trong phần đầu bản báo cáo thừa nhận là phong bão tiền tệ ở Á Châu đã vượt ngoài dự liệu của chính phủ ông và chỉ tiêu 7,8% đạt được "không dễ" (lái zhi bù yì). Ông lại nói thêm là nạn hồng thủy của ba sông Trường Giang, Nộn Giang và Tùng Hoa trong vòng hơn một tháng đã làm tổn thất hơn 200 tỷ nhân dân tệ và làm nhiều hầm mỏ bị đình chỉ. Những điều này làm ảnh hưởng quan trọng đến nền kiến thiết sinh sản và mậu dịch trong và ngoài nước. Số tăng trưởng xuất cảng bị dậm chân tại chỗ (+0,5%) so với gần 21% trong năm trước. Cán cân

thương mại tuy còn thặng dư (+43,5 tỷ USD) nhưng do nhập cảng bị giảm xuống (-1,4%). Đầu tư ngoại quốc cũng bị giảm 11% (40 tỷ USD thay vì 45 tỷ). Sự phá sản trong năm 1998 của một số ngân hàng CITIC (China International Trust and Investment Corporation), đặc biệt là các CITIC Quảng Đông và Phúc Kiến làm các nhà đầu tư ngoại quốc do dự và suy nghĩ ba lần trước khi bỏ vốn. Buôn lậu trở thành quốc nạn vì nó làm ngân quỹ hàng năm tổn thất đến 12 tỷ USD. Càng trầm trọng hơn nữa là "các tổ chức của đảng, chính phủ, quân đội, ngành tư pháp, cảnh sát đều tham dự buôn lậu" như báo Nhân Dân đã lên tiếng. Ông La Cán (Luo Gan) ủy viên bộ chính trị, đặc trách An Ninh Công Cộng, bắt buộc phải lên tiếng báo động: "Buôn lậu không những làm lung đoạn kinh tế quốc gia mà còn làm nguy hại đến sự sống còn của đảng".

Trong khi nhậm chức vào tháng ba 1998, ông Chu đã đề xướng giải thể các xí nghiệp quốc doanh bị thua lỗ làm gánh nặng cho ngân quỹ nhà nước và đồng thời cho giảm phân nửa công chức nhà nước. Tuy nhiên, ông Chu xuất thân từ Ủy Ban Kế Hoạch Nhà Nước không đề xướng tư hữu hóa để giải thể khu vực nhà nước. Nguồn gốc của vấn đề, theo ông, là do sự bất tài và thiếu liêm chính của người quản lý. Chủ trương kinh tế của ông là tạo lập những đại công ty nhà nước tiến triển trong môi trường cạnh tranh của toàn cầu hoá. Trái với những nhận xét ở Âu Mỹ, ông Chu không phải là người chủ trương kinh tế tự do nhưng phải công nhận ông là người có tinh thần trách nhiệm quốc gia. Từ khi lên cầm quyền, ông không ngừng chống tham nhũng, buôn lậu, sự phung phí của cải nhà nước, những vết tích tồn tại của phong kiến. Ông vấp phải nhiều khó khăn lớn hầu như nan giải vì chính đảng cộng sản tượng trưng cho phong kiến! Ông Chu không cho biết có bao nhiêu xí nghiệp bị giải thể cũng như số người bị thất nghiệp trong năm qua, chỉ nói có sáu triệu nhân công bị sa thải (xia gang) tìm được công ăn việc làm. Báo chí nước ngoài, trái lại, cho biết số người thất nghiệp trong năm qua lên đến 15 triệu và sẽ thêm 15 triệu khác cho năm nay. Số người thất nghiệp ở thành phố được ước lượng từ 15% đến 20%. Ông Hồ An Cương (Hu An Gang), một nhà kinh tế của chế độ trước đây có du học ở Mỹ ước lượng số thất nghiệp hiện nay lên đến 8% dân số lao động thay vì 3,1% như chính

quyền thường rêu rao.

Về phương hướng phát triển cho năm 1999, số tăng trưởng kinh tế dự trù là 7% nhưng ông Chu lại nói thêm là đây cũng chỉ là mục tiêu không dễ đạt vì tiêu thụ nội địa còn yếu kém và triển vọng xuất cảng không sáng sủa. Do đó, ông chủ trương tăng 15% ngân quỹ từ 1307 lên 1503 tỷ nhân dân tệ (từ 157,6 lên 181,3 tỷ USD). Thâm hụt ngân quỹ theo đó cũng tăng 56% từ 11,7 lên 18,2 tỷ USD nghĩa là độ 2% của GDP. Chính phủ ông hy vọng quản chúng với số tiền tiết kiệm khoảng 60 (655 tỷ USD) sẽ lấy ra tiêu dùng. Ông đã cho chỉ thị các ngân hàng thương mại mở tín dụng theo chiều hướng này. Nhưng đó cũng chỉ là ước vọng vì triển vọng kinh tế còn mù mờ và nạn thất nghiệp vẫn đe dọa trong mọi tầng lớp các giới. Xuất cảng dự trù sẽ không tăng có thể giảm trong khi nhập cảng sẽ tăng 5%.

Về điều chỉnh xí nghiệp, ông đề xướng tiếp tục cải tạo và đồng thời cải thiện hệ thống ngân hàng. Để tránh sự phản đối mạnh mẽ trong quần chúng và ngay cả trong đảng, ông cho đặt ra một chế độ bảo an sinh cho những người mất việc. Đây có lẽ là điều gay gắt nhất cho ông Chu vì chính sách của ông không có sự đồng nhất ở bộ chính trị và trong đảng vì nó có khả năng đưa đến sự mất ổn định của xã hội, điều mà chế độ lo ngại nhất. Theo số thống kê chính thức, trong năm 1998 có 50 ngàn vụ tập trung bạo động trong toàn xứ, phần lớn dân chúng xuống đường phản đối mất việc hoặc bị sưu cao thuế nặng. Ở Mãn Châu, nơi tập trung nhiều xí nghiệp quốc doanh về gang thép, một công nhân đã thổ lộ: "Mao cho chúng tôi chén cơm sắt, Đặng Tiểu Bình làm chọc thủng, Giang Trạch Dân đập dẹp" (Mao nous a donné le bol de riz en fer, Deng l'a percé, Jiang Ze Min l'a aplati!). Dù cũng chỉ là những chỉ trích mỉa mai, nhưng nó thể hiện trạng thái của số đông công nhân về chính sách điều chỉnh xí nghiệp của chính phủ.

Về chính sách sa thải phân nửa công chức, ông Chu gặp phải sự chống đối của gần như toàn bộ guồng máy của nhà nước vì ông đã đụng chạm tới đặc quyền và đặc lợi của giai cấp "Thái tử đảng" (con cháu cán bộ cao cấp) đến đôi Giang Trạch Dân bắt buộc phải lên tiếng khi ông ta nói: "Một cán bộ lãnh đạo có tư tưởng hẹp hòi hoặc thiếu bao dung lại từ chối chấp nhận

quan điểm dị biệt trở thành một cá nhân cô lập". Điều phán xét này ám chỉ ông Chu. Trước sự phản kháng ngay từ trong đảng, ông Chu bắt buộc phải nhượng bộ. Ông bắt đầu tán dương Giang Trạch Dân như phần lớn các thành viên của bộ chính trị khi ông nói : "Chúng ta thu được thành quả lớn trong năm qua, chủ yếu là do sự lãnh đạo kiên cường của Trung ương Đảng mà đồng chí Giang Trạch Dân là hạch tâm (hệ xin)..., điều mà từ trước đến nay ông không làm. Ông chấp nhận di chuyển công chức vào các xí nghiệp quốc doanh và sa thải theo từng giai đoạn .

Về phương diện chính trị, chính phủ Chu Dung Cơ phải đương đầu với đối lập dân chủ trong năm qua. Lần đầu tiên các nhà ly khai đi xin đăng ký lập đảng Dân Chủ. Họ đòi chính phủ làm tu chính Hiến Pháp theo chiều hướng dân chủ, công nhận đa đảng như chính quyền vừa ký công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị. Họ lại còn đòi dẹp lãng Mao, phá hủy các trại lao động cải tạo (Lao Gai), công nhận sai lầm sự kiện Thiên An Môn, công khai xin lỗi và bồi thường những người bị thiệt mạng oan uổng. Sau một thời gian tranh cãi ở thượng đỉnh, chính quyền cho bắt và kết án nặng từ 10 đến 13 năm các thủ lĩnh đối lập. Thực tế, chính quyền lo ngại các nhà ly khai có cơ hội kết tinh những bất mãn của quần chúng vào lúc Trung Quốc có nhiều kỷ niệm lịch sử như kỷ niệm lần thứ 10 sự kiện Thiên An Môn, kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập "Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa", kỷ niệm thu hồi chủ quyền trên đảo Úc Môn (Macao).

Nhân loại sắp đi vào thiên niên kỷ thứ ba nhưng chính quyền Bắc Kinh, một lần nữa, đã bỏ mất cơ hội dân chủ hóa chế độ. Tu chính Hiến Pháp lẽ ra là dịp để dẹp bỏ thể chế chuyên chính vô sản và các chủ thuyết lỗi thời không còn phù hợp với xu hướng của thời đại. Thay vào đó, họ vẫn tránh né sự thực hiện nhiên, vẫn phủ nhận phát triển kinh tế không cần có tự do dân chủ. Phong bão tiền tệ ở Á Châu cũng chỉ là một khía cạnh của sự suy thoái về kinh tế, nền tảng là thiếu tự do dân chủ. Chia khóa để giải tỏa cho mọi khó khăn là chính trị đa đảng. Ngày nào các nước cộng sản chưa nhận thức được khái niệm cơ bản này, ngày đó họ sẽ còn tiếp tục chìm trong tụt hậu và cuối cùng bị đào thải.

Nguyễn Phi Phụng

Bài học Nam Tư :

Chủ nghĩa quốc gia cực đoan phản quyền lợi dân tộc

Diệp Tường Bảo

Sau khi đã gây tang tóc và đau thương ở khắp nơi tại các nước thuộc Nam Tư cũ, tới phiên họ, người Xéc Bi cũng nếm mùi cay đắng của chiến tranh. Cuộc oanh tạc những địa điểm quân sự trên đất còn lại hiện nay của nước Nam Tư bởi Tổ chức Minh ước Bắc Đại Tây Dương đánh dấu cực điểm của cuộc phiêu lưu "quốc-cộng" đã khởi đầu cách đây mười năm. Muốn hiểu rõ hơn nguyên do và diễn tiến của các biến cố đã và đang xảy ra tại vùng Ban Căng từ mười năm nay, chúng ta cần nhìn lại tình trạng của nước Nam Tư sau Đệ nhị Thế Chiến. Cấu trúc nhà nước Nam Tư dưới thời Ti Tô tương tự như Liên Xô. Trên giấy tờ, nó là một liên bang không những chấp nhận mà còn "phát huy" ý tưởng dân tộc. Trên thực tế, tất cả quyền hành tập trung vào Liên minh Cộng sản Nam Tư và lãnh tụ Ti Tô. Chánh sách của cố chủ tịch trọn đời là chia để trị với tôn chỉ "*Xéc Bi yếu, Nam Tư mạnh*". Nước Nam Tư được chia thành sáu tiểu bang, Xéc Bi, Crô A Xi, Xlô Vê Ni, Bo Xni - Héc Xê Gô Vin, Mông Tê Nê Grô, Ma Xê Đơan và hai vùng tự trị thuộc tiểu bang Xéc Bi là Kô Xô Vô và Voi Vô Đin. Những yếu tố văn hóa và lịch sử đã chỉ đóng vai trò phụ trong việc phân cắt lãnh thổ vì chủ yếu là do những tính toán chính trị. Bên cạnh những dân tộc đã được lịch sử công nhận, chánh quyền Ti Tô đã không ngần ngại sáng chế một số quốc tịch mới như quốc tịch Hồi giáo cho những người Xéc Bi theo đạo này hay quốc tịch Ma Xê Đơan cho các dân tộc Xéc Bi và Bun Ga Ri sinh sống trên tiểu bang này. Hậu quả của chánh sách dân tộc vô đoan và tùy tiện này là sự bức bối của tất cả các dân tộc hợp thành nước Nam Tư. Người Xéc Bi phẫn nộ vì bị phân tán ở nhiều tiểu bang. Người An Ba Ni thất vọng vì vùng Kô Xô Vô trong đó họ chiếm 90% dân số không được một quy chế ngang hàng với các tiểu bang kia. Người Xlô Vê Ni và Crô A Xi, vốn là những dân tộc hướng về Tây Âu, bất mãn về tánh cách lạc hậu của một nhà nước mà quyền lực ở trong tay người Xéc Bi.

Cuộc cách mạng văn hóa ở Xéc Bi

Vào năm 1986, lợi dụng cái chết của

Ti Tô nói riêng và các chế độ cộng sản Đông Âu nói chung, một số nhà "trí thức" thuộc Viện hàn lâm Khoa học Xéc Bi công bố một *Giác thư* trong đó họ lên án những bất công gây cho dân tộc Xéc Bi và bảo động những cuộc hành hung người Xéc Bi xảy ra trong vùng Kô Xô Vô. Vào lúc đó, Xlô Bô Đan Mi Lô Xê Vích chỉ là lãnh tụ cộng sản thứ hai của tiểu bang Xéc Bi. Nhưng ông đã đủ khôn để nhận ra tác dụng chánh trị của văn kiện này nói riêng và sự bức tức của người Xéc Bi nói chung. Bằng những cuộc biểu tình ngày càng quy mô, ông khởi xướng và lung đoạn một phong trào đã không cần quá ba năm để cuốn đi tất cả thành tích thuộc thời Ti Tô. Những cuộc thanh trừng trước tiên nhắm vào những phần tử An Ba Ni của Liên minh Cộng sản Xéc Bi. Sau đó là tất cả những thành phần chống đối chánh sách Mi Lô Xê Vích cho dù họ là người An Ba Ni hay Xéc Bi. Đỉnh cao của cuộc "cách mạng văn hóa" này xảy ra vào năm 1989 khi Mi Lô Xê Vích hủy bỏ quy chế tự trị của hai vùng Voi Vô Đin và Kô Xô Vô. Nhưng các cuộc sách động quần chúng đã không chỉ tác động trên người Xéc Bi thuộc tiểu bang Xéc Bi. Bị nhồi sọ bởi một bộ máy tuyên truyền thổi phồng những cuộc giết chóc xảy ra trong vùng Kô Xô Vô (tám nạn nhân trong tám năm), người Xéc Bi ở các tiểu bang Crô A Xi, Bo Xni bùng bùng nổi dậy. Họ so sánh hoàn cảnh của mình với số phận đồng hương ở Kô Xô Vô. Trong cơn mê tập thể này, người Xéc Bi phát giác những kẻ thù cũ, người láng giềng Hồi giáo trở thành kẻ xâm lăng Thổ Nhĩ Kỳ sáu thế kỷ trước đó, người bạn Crô A Xi bỗng nhiên thể hiện chế độ phát xít U Xta Sĩ trong thời Đệ nhị Thế Chiến. Hoang tưởng Đại Xéc Bi tái hiện với mục đích là "*chính phục tất cả những mảnh đất có người Xéc Bi*". Và nếu cần, loại trừ những sắc tộc khác để cho người Xéc Bi trở thành đa số.

Tiến trình ly khai

Thái độ hung hăng của người Xéc Bi là một trong những yếu tố thúc đẩy các chủng tộc khác xét lại chỗ đứng của mình trong Liên bang Nam Tư. Một trong những dân tộc có nhiều lý do nhứt để ly

khai là người Xlô Vê Ni. Họ chỉ là 8% dân số Nam Tư nhưng thực hiện 1/3 tổng sản lượng nội địa Nam Tư. Giờ đây, họ muốn bước thẳng vào nền kinh tế thị trường và đánh giá một cách chí lý rằng dân chủ là điều kiện thiết yếu để thực hiện mục tiêu đó. Với một đảng cộng sản đủ sáng suốt để không những không ngăn cản diễn biến dân chủ mà còn khuyến khích nó, tiến trình dân chủ Xlô Vê Ni đã xảy ra một cách vừa nhanh chóng vừa ôn hòa. Hai năm sau sự xuất hiện của phong trào dân chủ, nước Xlô Vê Ni bước vào chế độ đa đảng. Một nhà xã hội học Xlô Vê Ni đã đặt cho quá trình triệt để nhưng hòa bình này danh từ "refolution", "cải cách - cách mạng". Một hiện tượng tương tự cũng xảy ra ở Crô A Xi tuy đã diễn tiến một cách chậm chạp hơn một chút. Vào năm 1989, một năm sau Xlô Vê Ni, lần đầu tiên ở Crô A Xi phát sanh một số đảng phái không cộng sản. Trái với người cộng sản Xlô Vê Ni, Liên minh Cộng sản Crô A Xi đã không chịu hợp pháp hóa các tổ chức này ngay lập tức. Người ta phải chờ tới đầu năm 1990 khi khối Liên Xô sụp đổ mới thấy họ ban hành một đạo luật thừa nhận chế độ đa đảng.

Trong hoàn cảnh này những gì phải xảy ra đã xảy ra. Trong lúc các tiểu bang Xlô Vê Ni và Crô A Xi bước vào dân chủ, nước Xéc Bi, dưới sự lãnh đạo của Mi Lô Xê Vích ngày càng trở nên chuyên chế và đàn áp ngày càng tàn bạo và quy mô người dân An Ba Ni thuộc vùng Kô Xô Vô. Cái hồ chia cắt nước Xéc Bi và các tiểu bang khác không còn thuần túy vì quyền lợi mà còn mang cả ý nghĩa nhơn sinh quan. Trong trường hợp đó, tất cả những thỏa hiệp ở mức liên bang không thể hòa hợp được những dân tộc đang nhìn về tương lai với một dân tộc bị ám ảnh bởi quá khứ. Các cuộc trưng cầu dân ý ở Crô A Xi và Xlô Vê Ni đều gặt hái được hơn 90% lá phiếu ủng hộ độc lập và ngày 26-6-1990, chánh quyền của hai nước đồng thời tuyên bố độc lập. Cuộc chiến Ban Căng bắt đầu thực sự từ đây.

Các cuộc chiến Ban Căng ngoài nước Xéc Bi

Tại Xlô Vê Ni cuộc chiến giữa người Xlô Vê Ni và Xéc Bi đã không lâu dài. Người Xlô Vê Ni vốn thuộc nền văn minh Áo-Đức, là một dân tộc rất tổ chức. Họ đã dự đoán phản ứng của quân đội liên bang và đã trang bị vũ khí đầy đủ. Trong khi đó, người Xéc Bi lại không có một ý chí mạnh mẽ để giữ gìn tiểu bang này vì nó không có một cộng đồng Xéc Bi đáng kể.

Người Xéc Bi lựa chọn danh sách cho hai trận đánh quyết định ở Crô A Xi và Bo Xni và những gì xảy ra trong ba năm đầu cho phép người ta nghĩ đó là một chiến lược đúng đắn. Sức mạnh áp đảo của quân đội liên bang cộng với các lực lượng dân quân của những cộng đồng Xéc Bi ở các nước Crô A Xi và Bo Xni đã cho phép phe Xéc Bi thôn tính nhanh chóng gần phân nửa Crô A Xi và hơn 2/3 Bo Xni - Héc Xê Gô Vin. Nhưng khác với một thái độ đế quốc "cổ điển", mục tiêu của chánh sách quốc gia cực đoan của người Xéc Bi không những chỉ là chinh phục đất đai mà còn là thay đổi cơ cấu sắc tộc ở những nơi mà họ kiểm soát ngõ hầu thiết lập một Đại Xéc Bi thuần nhất về mặt nhơn chủng. Để đạt đến mục tiêu đó, họ phải đánh đuổi và khủng bố những thành phần không là người Xéc Bi đủ để những người này không còn có ý trở lại. Vì thế, các cuộc tàn phá, giết chóc, hãm hiếp đã không là những hành động "lệch hướng" tàn khốc của chiến tranh mà là công cụ của chánh sách "sàng lọc sắc tộc" đã được một số nhà tư tưởng quốc gia Xéc Bi đề xướng từ lâu. Như nhiều nền chuyên chế khác, điểm yếu chết người của chánh quyền Xéc Bi là họ không biết ngừng lại để giữ gìn những thắng lợi mà cứ tiếp tục khiến cho các nước dân chủ bắt buộc phải can thiệp. Với một dân tộc có tổ chức hơn người Bo Xni, nước Crô A Xi đã biết lợi dụng tối đa hậu thuẫn tạo bởi sự can thiệp của Liên hiệp Quốc và trong vòng không quá hai năm đã tìm lại chủ quyền trên toàn thể lãnh thổ. Do chánh sách phiêu lưu của các lãnh tụ và sự cuồng tín của một số đồng hương, từ rày sắp tới, cộng đồng Xéc Bi thuộc nước Crô A Xi sẽ phải sinh sống trong một quốc gia đã hình thành qua cuộc chiến chống lại mẫu quốc. Song song, những cuộc oanh tạc bởi lực lượng đồng minh đã bắt buộc chánh quyền Ben Grát phải gây áp lực lên phe Xéc Bi thuộc nước Bo Xni để họ ký kết hiệp định Dayton. Nước Bo Xni trở thành một liên bang với hai thực thể, một bên là Hợp bang Crô A Xi - Hồi giáo, một bên là nước Cộng hòa Xéc Bi. Ước mong được sáp nhập vào mẫu quốc của người Xéc Bi thuộc nước Bo Xni tan biến. Hơn thế nữa không gian dành cho họ chỉ là 4/5 của lãnh thổ mà họ kiểm soát trước đó.

Chiến tranh bùng nổ ở Kô Xô Vô

Nhưng ông Mi Lô Xê Vích đã không biết rút bài học những thất bại ở Xlô Vê Ni, Crô A Xi và một phần nào đó ở Bo

Xni để cai trị nước Xéc Bi và những gì còn lại của Liên bang Nam Tư (Xéc Bi và Mông Tê Nê Grô) một cách phù hợp với tình thế hơn. Thay vì chấp nhận đối thoại với phe đối lập ôn hòa An Ba Ni và tái lập nền tự trị ở Kô Xô Vô, ông lại tăng cường chánh sách đàn áp khiến cho lực lượng kháng chiến vô trang ngày càng đông đảo. Cuộc xung đột bùng nổ vào hè 1998, lan tràn nhanh chóng với những cuộc tàn sát ngày càng khủng khiếp làm cho Tây phương một lần nữa lại phải nhúng tay. Thái độ ngoan cố của Mi Lô Xê Vích đã khiến dân tộc của ông phải chịu những hậu quả mà các cộng đồng Xéc Bi ở Crô A Xi và Bo Xni đã phải gánh chịu ba năm trước. Nhưng kỳ này đối tượng của cuộc chiến quan trọng hơn nhiều đối với người Xéc Bi, đó là sự trồn vẹn của nước Xéc Bi và sự tồn tại của Cộng hòa Liên bang Nam Tư. Thực vậy, đường lối háo chiến của Mi Lô Xê Vích đã khiến cho người bạn trung thành cuối cùng là Mông Tê Nê Grô cũng phải mất kiên nhẫn. Ngay giữa những cuộc oanh tạc bởi Tổ chức Minh ước Bắc Đại Tây Dương, chủ tịch tiểu bang Mông Tê Nê Grô đã kêu gọi Mi Lô Xê Vích "chấm dứt một chánh sách làm cho chúng ta trở thành đối thủ của cả thế giới". Quốc tế không phủ nhận chủ quyền lịch sử của người Xéc Bi trên mảnh đất Kô Xô Vô. Nhưng lịch sử đã khiến cho người An Ba Ni giờ đây chiếm hơn 90% dân số Kô Xô Vô và người Xéc Bi, nếu không là lãnh tụ Mi Lô Xê Vích, phải ý thức rằng người ta không thể không chế mãi cả một dân tộc. Đường lối duy nhất của người Xéc Bi để giữ gìn Kô Xô Vô là tái lập nền tự trị của vùng Kô Xô Vô và hòa giải với người An Ba Ni. Lịch sử thế giới không thiếu những ví dụ chứng minh rằng dân chủ đa nguyên là giải pháp thích ứng nhất để kết hợp những quốc gia đa chủng. Nhưng phải thú thực là giả thuyết này rất mong manh khi người ta nhận xét phản ứng của người Xéc Bi sau những đợt bom đầu tiên. Mi Lô Xê Vích đã tuyên bố "chẳng thà mất Kô Xô Vô còn hơn thỏa hiệp". Điều đáng buồn là dường như đó không phải chỉ là tâm lý của một lãnh tụ điên cuồng mà còn là tinh thần của một phần lớn dân tộc Xéc Bi. Người Xéc Bi có tục lệ truy điệu những cuộc bại trận để hun đúc các mối hận thù. Tinh thần dân tộc của người Xéc Bi là một thí dụ sống cho câu về Pháp: "lòng ái quốc là yêu thương đồng bào, chủ nghĩa quốc gia [cực đoan] là thù ghét người lạ".

Diệp Tường Báo

Một bản cáo trạng

Phạm Ngọc Lân

"Báo cáo viên Đặc biệt đã gặp trở ngại lớn và nghiêm trọng trong khi thực hiện những cuộc phỏng vấn riêng tư và trong việc di chuyển. Ông đã không được nhà cầm quyền Việt Nam cho phép đi thăm Đà Nẵng và huyện Nghĩa Hành tỉnh Quảng Ngãi; do đó ông không được gặp Hòa Thượng Thích Huyền Quang, vị lãnh đạo tối cao (Patriarch) của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN). Ông cũng bị cản trở - trên thân thể (physically) - bởi nhiều người mặc thường phục, tự nhận là đại diện chính quyền nhưng không chịu cho biết danh tánh, không cho ông gặp Hòa Thượng Thích Quảng Độ và các Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ và Thích Trí Siêu, thành viên của GHPGVNTN, mới được phóng thích trong khuôn khổ một đợt ân xá của nhà cầm quyền Việt Nam." "Nhiều cuộc gặp gỡ riêng tư đã được sắp xếp từ trước với những thành viên của các cộng đồng Cao Đài, Hòa Hảo và Khmer Krom cũng không thực hiện được vì những lý do cần được làm sáng tỏ."

Đó là những lời cáo buộc nặng nề của ông Amor ngay trong phần mở đầu (đoạn 4) của bản báo cáo về chuyến viếng thăm Việt Nam của ông. Abdelfattah Amor là Báo cáo viên Đặc biệt của Liên Hiệp Quốc về các quyền dân sự và chính trị, bao gồm cả vấn đề bất dung tôn giáo. Ông viếng thăm Việt Nam từ ngày 19 đến ngày 28 tháng 10 năm 1998, "theo lời yêu cầu của ông và theo lời mời của chính quyền Việt Nam". (đoạn 1 bản báo cáo)

Bản báo cáo của ông Amor được phổ biến vào trung tuần tháng 3-1999, nhân dịp Ủy Ban Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc họp kỳ thứ 55 tại Genève, Thụy Sĩ. Những ai quen thuộc với mạng lưới Internet đều có thể đọc được tài liệu này. (1) Phần liên quan đến chuyến viếng thăm Việt Nam là một phụ đính (addendum) gồm 123 đoạn: phần mở đầu gồm 7 đoạn, phần còn lại chia làm bốn chương.

Tuy là bản báo cáo về một chuyến viếng thăm, nhưng thực chất là một bản cáo trạng lên án nhà cầm quyền Việt Nam xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng và tự do

tôn giáo.

Như để xác nhận những cáo buộc của ông Amor, chỉ vài ngày sau khi bản báo cáo được phổ biến, nhà cầm quyền đã làm khó dễ Hòa Thượng Quảng Độ và Hòa Thượng Huyền Quang. Ngày 22 tháng 3, trong lúc Hòa Thượng Quảng Độ (mới được phóng thích trong đợt tháng 9 năm rồi) từ Sài Gòn ra thăm Hòa Thượng Huyền Quang tại Quảng Ngãi, cả hai đã bị mời lên "làm việc", và sau đó Hòa Thượng Quảng Độ đã bị ép buộc bỏ dở cuộc viếng thăm các tỉnh miền Trung, và cưỡng bách đưa về lại Thanh Minh Thiền viện ở Sài Gòn. Đúng là "rời nhà tù nhỏ để vào nhà tù lớn" như lời của Thượng Tọa Thích Nhật Ban đã được ông Amor ghi lại trong đoạn 46.

Bản báo cáo của ông Amor đã làm chính quyền Hà Nội giận dữ. Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam, trong phần "Trả lời phóng viên nước ngoài ngày 18/3/1999", đoạn số 35, đã phải nói: "Rất tiếc là, mặc dù được chứng kiến cảnh tự do sinh hoạt tôn giáo của người dân Việt Nam, được hoàn toàn tự do đi lại và được tự do tiếp xúc với những nhân vật mà ông quan tâm trong chuyến thăm Việt Nam dịp tháng 10/98, ông Amor đã đưa ra báo cáo không khách quan và thiếu thiện chí về tình hình tôn giáo ở Việt Nam." (2)

Sơ sán nội dung của đoạn 4 bản báo cáo Amor ("gặp trở ngại lớn và nghiêm trọng") và lời của người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam ("được hoàn toàn tự do đi lại và được tự do tiếp xúc"), người đọc không khỏi đặt câu hỏi: ông Amor bịa chuyện để bêu xấu nhà nước Việt Nam hay người phát ngôn Bộ Ngoại giao "nói như vẹt" theo một truyền thống cố hữu? Thế mới biết con người bị nhào nặn bởi cơ chế tổ chức xã hội như thế nào. Dù có hào đổi mới, dù có chuyển hướng đường lối kinh tế, nhưng khi mà cơ chế chính trị chưa đổi thì cung cách suy nghĩ và làm việc của con người bị giam hãm trong cơ chế đó vẫn thế thôi.

Vẫn trong lời phát biểu trên, sau khi dùng cái lưới gỗ - chắc phải là loại gỗ tốt

lắm, vì nó rất cứng - khẳng định lại "Trước sau như một, Nhà nước Việt Nam luôn luôn tôn trọng tự do tín ngưỡng", người phát ngôn nói tiếp: "Một điều đương nhiên là bất cứ tôn giáo nào cũng đều nằm trong cộng đồng dân tộc nhất định, một quốc gia nhất định. Do đó tôn giáo đó, bên cạnh việc hành đạo phải tôn trọng pháp luật của chính quốc gia đó."

Nghệ có vẻ hợp lý. Nhưng pháp luật của quốc gia đó có tôn trọng sự tự do tín ngưỡng không? Và đây mới chính là điểm mà báo cáo Amor đánh nặng nhất vào chế độ: sau khi phân tích các điều khoản luật pháp liên quan đến các cộng đồng tôn giáo, ông đi đến kết luận là còn quá nhiều hạn chế và phiền toái cho tất cả các giáo hội tại Việt Nam hiện nay.

Sau phần mở đầu, chương thứ nhất của báo cáo (gồm 25 đoạn) dành để nghiên cứu pháp chế (legislation) và chương thứ hai (gồm 8 đoạn) phân tích chính sách (policy) của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam liên quan đến tự do tôn giáo và tự do tín ngưỡng. Trong mục đích đó, ông Amor đã xem xét tỉ mỉ từ hiến pháp xuống đến các nghị định, chỉ thị và cả các điều khoản của bộ luật hình sự.

Trước tiên, điều 70 của Hiến pháp 1992 được đem ra mổ xẻ. Điều này ghi rõ công dân có quyền tự do tín ngưỡng và tự do tôn giáo, nhưng ông Amor đặc biệt chú ý đến câu thông trong điều 70, nghiêm cấm "lợi dụng tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo để có hành động chống lại luật pháp và chính sách của Nhà nước". Ông Amor thắc mắc về điều khoản này, vì nó "thiết lập nguyên tắc 'sự ưu tiên của chính sách Nhà nước', mà chính sách này là một khái niệm mơ hồ và co giãn, có khả năng giới hạn quyền tự do tôn giáo và những biểu lộ của quyền đó". Và ông tiếp ngay sau đó để minh chứng cho nỗi lo âu của mình: "Điều 4 của Hiến pháp khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam... là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội (3). Hai điều này (điều 4 và điều 70), với cách hành văn và mối liên kết của chúng, có khả năng cản trở quyền tự do tôn giáo, thậm chí giảm thiểu quyền tự do đó đến một mức độ rất

thấp" (đoạn 9). Văn tự ngoại giao dài dòng như thế, nếu nói nôm na thì rất đơn giản thôi: điều 70 phối hợp với điều 4 Hiến pháp cho phép nhà cầm quyền giới hạn tối đa quyền tự do tôn giáo theo ý của họ.

Và thực tế đã chứng minh điều đó. Khi đi vào phần nghiên cứu các nghị định, ông Amor tỏ mối quan tâm sâu sắc về hai nghị định: nghị định 69/HDBT và nghị định 31/CP (mà tài liệu ghi là CP/31).

Nghị định 69/HDBT của Hội đồng Bộ trưởng ký ngày 21 tháng 3-1991 về các sinh hoạt tôn giáo được ông Amor dành 5 đoạn (đoạn 12 đến 16) để phân tích những điều có chủ đích giới hạn quyền tự do tín ngưỡng và tự do tôn giáo. Đặc biệt điều 5 có những giới hạn rất mơ hồ về "lợi dụng tôn giáo", tương tự như điều 70 Hiến pháp. Ông Amor đặc biệt quan tâm đến sự kiện là rất nhiều sinh hoạt tôn giáo phải được Ủy ban Nhân dân tỉnh cho phép, thậm chí có những trường hợp phải lên đến Hội đồng Bộ trưởng.

Nghị định 31/CP cho phép cơ quan hành chính (thực chất là công an) địa phương có quyền ra lệnh quản chế một công dân trong vòng hai năm mà không cần tòa án xét xử. Ông Amor đã đặc biệt "bày tỏ mối quan tâm" của ông về "những quyền lực phi thường" (extraordinary powers) được trao cho các cơ quan an ninh địa phương (đoạn 19). Cũng nên biết là tất cả các tổ chức nhân quyền quốc tế đều đã lên tiếng yêu cầu nhà cầm quyền Việt Nam hủy bỏ nghị định quái đản này. Hai nạn nhân đầu tiên được biết đến tại hải ngoại là nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự và nhà thơ Bùi Minh Quốc hiện bị quản chế tại Đà Lạt. Tuy nhiên, hủy bỏ một nghị định chưa phải là thay đổi một cơ chế, một nghị định này được hủy bỏ thì lại có những biện pháp khác thay vào, nếu không có một thay đổi thực sự của chế độ. Bằng chứng là nhà nghiên cứu Hà Sĩ Phu, cư ngụ tại Đà Lạt, không bị quản chế bởi nghị định 31/CP, nhưng cũng bị công an kiểm soát chặt chẽ không kém gì hai người bạn của ông là Bùi Minh Quốc và Tiêu Dao Bảo Cự.

Về bộ luật hình sự, ông Amor chú ý đến điều 73, trong đó tội danh "phá hoại an ninh quốc gia" không phân biệt có dùng bạo lực hay không dùng bạo lực. Ông lo ngại những người chỉ dùng quyền tự do phát biểu của mình cũng có thể bị quy kết. Điều ông lo ngại đã xảy ra không biết bao nhiêu lần rồi, và chỉ mới đây thôi,

vài ngày trước khi bản báo cáo của ông được phổ biến, ông Nguyễn Thanh Giang, một khoa học gia được quốc tế biết đến, bị bắt ngay trên đường phố Hà Nội. Nguyễn Thanh Giang đã có nhiều bài viết kêu gọi dân chủ hóa đất nước. Từ ngày 4 tháng 3 đến hôm nay (29 tháng 3), sau gần một tháng bị bắt giữ, vẫn không ai biết ông bị giam giữ ở đâu, số phận ông ra sao, và nhà cầm quyền vẫn không công bố lý do tại sao bắt ông.

Qua phần chính sách của Nhà nước, là đề tài của chương 2 của bản báo cáo, ông Amor cho biết có sự thay đổi trong chính sách tôn giáo sau năm 1990. Nhà cầm quyền cộng sản đã thừa nhận "giá trị thực dụng" của tôn giáo và quyết định sáp nhập vào chính sách của Nhà nước, không còn xem tôn giáo là "thuốc phiện của nhân dân" và cần hủy diệt nữa. Nhưng chính sách mới vẫn duy trì những hạn chế để bảo đảm sự kiểm soát của Nhà nước. Bản báo cáo nêu rõ những công cụ dùng để kiểm soát tôn giáo: 1. pháp luật như đã nói trên đây; 2. guồng máy hành chính (gồm Ban tôn giáo chính phủ, Ban Dân vận, Mặt trận Tổ quốc và Bộ Công an); 3. các cơ cấu tôn giáo nhà nước ("quốc doanh") và 4. các cơ cấu kiểm soát (công an khu vực, hộ khẩu và chế độ lý lịch).

Chương 3 của bản báo cáo trình bày hiện trạng các cộng đồng tôn giáo tại Việt Nam: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo, Cao Đài, Hòa Hảo. Trong phần Phật giáo, ông mô tả chi tiết những trở ngại ông đã gặp, và đã được trình bày sơ lược trong phần mở đầu, kể cả những khó khăn ông đã trải qua trong trại cải tạo Z30A khi tiếp xúc với hai Thượng Tọa Thích Không Tánh và Thích Thiện Minh. Những thông tin từ mọi phía được ông trình bày một cách rõ ràng: thông tin từ phía chính quyền, từ phía Giáo hội Phật Giáo Việt Nam, từ phía những Thượng Tọa bị cầm tù, và từ phía những Hội ngoài chính phủ.

Bài viết ngắn ngủi này không thể kể hết những điều ông Amor phân tích về sự giới hạn của quyền tự do tín ngưỡng và tự do tôn giáo tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Nhưng chúng ta cũng hình dung được sự trầm trọng của những cáo buộc ông đưa ra qua phản ứng của người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam, trả lời câu hỏi của một số phóng viên ngoại quốc ngày 18 tháng 3 như đã nói

trên.

Hỏi: "Tiếp sau báo cáo này, liệu Việt Nam có khuyến khích các báo cáo viên của Liên hợp quốc hay các quan chức của các nước khác tới Việt Nam điều tra về các vấn đề liên quan đến tôn giáo hay quyền con người không?"

Trả lời: "Việt Nam hoan nghênh những cá nhân và tổ chức nước ngoài muốn vào thăm Việt Nam nhằm trao đổi quan hệ, hoạt động nhân đạo và hợp tác làm ăn. Đồng thời, là một nước độc lập, có chủ quyền Việt Nam không chấp nhận bất cứ cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài nào vào Việt Nam với ý đồ "điều tra" như phóng viên nêu vì điều đó can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam, trái với những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ quốc tế."

Không hiểu khi ông Amor được "mời" đến Việt Nam, nhà cầm quyền hy vọng gì? Rằng ông sẽ báo cáo theo chiều hướng của họ? Rằng ông sẽ lờ đi tất cả những vi phạm trong lãnh vực tôn giáo và nhân quyền mà cả thế giới đều biết và lên án?

Cách đây 35 năm, một ông Amor khác, Mohammed Amor, cũng đến Việt Nam trong một phái đoàn Liên Hiệp Quốc gồm bảy người, cũng về vấn đề tôn giáo, cũng theo lời mời của chính phủ miền Nam Việt Nam thời đó. Nguyên ủy là vào tháng 9 năm 1963, có 16 nước tổ chức chính quyền ông Ngô Đình Diệm vi phạm nhân quyền trong vụ Phật Giáo. Phái đoàn này đến Sài Gòn ngày 24 tháng 10 năm 1963 khi còn chính quyền ông Diệm, và rời Sài Gòn ngày 3 tháng 11 khi các tướng lãnh đã đảo chánh thành công.(4)

Hai ông Amor 98 và Amor 63 không có liên hệ huyết thống gì với nhau, nhưng một sự ngẫu nhiên kỳ lạ đã khiến hai ông trùng tên đến Việt Nam với cùng mục đích, cùng do Liên Hiệp Quốc phái đi, vào cùng tháng 10, chỉ cách nhau có... 35 năm! Trong 35 năm đó đã có bao nhiêu nước chảy qua cầu, nhưng phải chăng lịch sử vẫn cứ là một sự tái diễn không ngừng?

Phúc trình Amor 63 dài hơn 300 trang chỉ tường trình chi tiết các cuộc gặp gỡ phỏng vấn các viên chức chính quyền ông Diệm, các nhà sư và sinh viên tranh đấu, có người đang bị cầm tù, tổng cộng 47 chứng nhân, nhưng không đưa ra một kết luận nào về việc chính quyền Ngô Đình Diệm có đàn áp Phật giáo hay không. Cũng không có phân tích những luật lệ liên quan đến tự do tôn giáo và tự do tín ngưỡng của nền Đệ nhất Cộng hòa Việt Nam.(5)

Trái lại, báo cáo Amor 98 tuy rất ngắn so với phúc trình Amor 63, vì không đi vào chi tiết từng cuộc tiếp xúc, nhưng có một phần mở đầu từ đoạn 1 đến đoạn 7 và phần kết luận và khuyến dụ gồm 25 đoạn, từ đoạn 99 đến đoạn 123 lên án gắt gao nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam hiện tại.

Để kết thúc bài viết này, xin trích một câu trong những khuyến dụ của Báo cáo viên Đặc biệt Abdelfattah Amor khi nói đến các cộng đồng tôn giáo nói chung: *"Không nên có sự chi phối [của Nhà nước] có khả năng phương hại đến quyền tự do tôn giáo và tín ngưỡng và những biểu lộ của quyền đó, đặc biệt bằng cách hạn chế, cưỡng ép, ngăn cấm hoặc trừng phạt đối với các vị lãnh đạo tôn giáo, các cá nhân, các tổ chức, các nơi thờ phượng và những tài sản khác của các giáo hội, công việc ấn loát và các hoạt động khác"*. (đoạn 122)

Không thể nào rõ ràng hơn.

Phạm Ngọc Lân

(1) Địa chỉ Web của Cao ủy Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc tại Thụy Sĩ: <http://www.unhchr.ch>

(2) Còn lưu trữ trên mạng lưới Internet: địa chỉ Web của Bộ Ngoại giao Việt Nam là <http://www.mofa.gov.vn>. Riêng URL của trang tài liệu trích dẫn là http://www.mofa.gov.vn/thong_cao/1999/180399.htm

(3) Hiến pháp 1992 đã bỏ chữ "duy nhất" trong câu "...là lực lượng duy nhất lãnh đạo Nhà nước và xã hội" của điều 4 trong những bản hiến pháp trước

(4) Xem bài "Chuyện hai ông Amor", cùng tác giả, Thông Luận 121, tháng 12-1998.

(5) Tài liệu nhan đề "Violation des droits de l'homme au Viet-Nam du Sud - Rapport de la Mission d'enquête des Nations Unies au Viet-Nam du Sud" (Vi phạm nhân quyền tại Nam Việt Nam - Bản tường trình của Phái đoàn điều tra của Liên Hiệp Quốc tại Nam Việt Nam). Tài liệu mang số A/5630 đề ngày 7 tháng 12 năm 1963, Liên Hiệp Quốc, Đại Hội Đồng, kỳ thứ 18, điểm số 77 của nhật thứ. Tài liệu gồm 266 trang khổ A4 (kể cả ba trang mục lục ở đầu tài liệu), và 16 phụ lục với tổng số 63 trang. Một bản tiếng Pháp của tài liệu này hiện lưu trữ tại kho lưu trữ tài liệu của Bộ Ngoại Giao Pháp (Quai d'Orsay, Paris), série CLV, Sud-Vietnam, Volume 72, document 32-23-3-1.

Sao lại khai trừ nhà cách mạng trung kiên Trần Độ?

Nguyễn Thanh Giang

Nhà cách mạng lão thành Trần Độ - một trong những trí tuệ cao cả, những tấm lòng trung kiên của Đảng Cộng Sản Việt Nam - sẽ bị chính thức khai trừ, có phải không? Lý do khai trừ sẽ được ghi như thế nào trong quyết định và trong thông báo với toàn thể đoàn viên?

Ở "Đôi lời phát biểu nhân quyết định khai trừ", ông Trần Độ viết: *"Chiều ngày 4 tháng 1 năm 1999, chi vụ Văn hóa Giáo dục đã quyết định khai trừ Trần Độ vì đã có lời phân phát các bài viết của mình, và để lọt ra các hàng thông tấn quốc tế những bài viết đó"*.

Tôi vừa tin, vừa không tin điều này. Tin rằng Trần Độ nói thật, vì ông vốn là người trung trinh, tiết tháo. Không tin vì cái lý do ấy nó trái lẽ đời quá!

Làm sao mà việc phân phát các bài viết, việc phát biểu ý kiến cá nhân, việc truyền bá tư tưởng lại xem là tội lỗi, trong khi mà Tuyên ngôn toàn Thế giới về Nhân quyền đã ghi: *"Mỗi người đều có quyền tự do có ý kiến và phát biểu; quyền này cho phép bất cứ ai đều không phải lo ngại về những ý kiến phát biểu của mình. Nó bao gồm cả quyền tìm kiếm, thu nhận và truyền bá các thông tin và các ý tưởng, bất chấp biên giới, bằng bất cứ phương tiện nào"* (Điều 19). Trong khi mà Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị còn khẳng định rõ hơn: *"Mọi người đều có quyền giữ quan điểm của mình mà không bị ai can thiệp vào. Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận; quyền này bao gồm cả quyền tự do tìm kiếm, thu nhận và truyền đạt mọi loại tin tức, ý tưởng, không phân biệt ranh giới, hoặc bằng lời nói, hoặc bằng bản in, hoặc bằng hình thức nghệ thuật, hoặc thông báo bất kỳ một phương tiện nào khác tùy sự chọn lựa của họ"* (Điều 19). Lưu ý rằng, cả hai văn kiện này đều đã được Việt Nam chấp nhận và công khai cam kết thực hiện. Nó được phản ánh một phần trong Hiến pháp CHXHCNVN 1992: *"Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật"* (Điều 69).

Có ai muốn ngụy biện rằng đảng viên phải khác, phải chịu ràng buộc bởi những quy ước nghiêm minh hơn, khắt khe hơn không? Vâng, kỷ luật có thể cao hơn, quy định có thể chặt chẽ hơn, nhưng dứt khoát không thể quai dị với nhân loại, với dân tộc. Bởi vì Đảng không thể đứng trên dân tộc. Công dân có thể không là đảng viên, nhưng đảng viên không thể không là công dân, phải tuân thủ mọi cam kết, thực hiện mọi nghĩa vụ và được hưởng mọi quyền lợi của một công dân. Và chẳng, chính Điều lệ Đảng mà Đại hội 8 đã thông qua ngày 1 tháng 7 năm 1996 cũng xác nhận đảng viên có quyền: *"Được thông tin và thảo luận các vấn đề về cương lĩnh chính trị, điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, biểu quyết công việc của Đảng"*.

Không được ngăn cấm việc phát biểu ý kiến, truyền bá tư tưởng mà chỉ có thể xem xét để bắt lỗi thông qua nội dung các ý kiến, các tư tưởng đó. Nói khác, nghi khác, thậm chí ngược hẳn 180 độ với bất kỳ ai cũng không thể được xem là có tội. Hướng chi, những ý kiến Trần Độ chưa hề được thảo luận công khai, nghiêm túc. Tôi chưa được đọc, được nghe những ý kiến bàn luận, phê phán Trần Độ một cách có lý, có tình, đủ sức thuyết phục mà chỉ được biết một nhận xét tổng quan gần đây hết sức xác đáng của ông Hoàng Hữu Nhân về ông Trần Độ: *"Qua nỗi lo lắng và những hoạt động mạnh của Trần Độ trong những năm lưu trí, càng thấy rõ anh Trần Độ là một đảng viên cộng sản gương mẫu, suốt đời lo làm tròn nghĩa vụ với tổ quốc, dân tộc thân yêu, là tấm gương về các mặt: học tập nghiên cứu, hiểu biết rộng, nắm vững tinh thần của chủ nghĩa Mác-Lênin, liên hệ chặt lý luận với thực tiễn, tác phong giản dị, chân thật, cởi mở, dễ hòa vào mọi người và rất có nhân cách"*.

Lão tướng Trần Độ tuyệt nhiên không tự mãn, huyền hoặc khi ông tuyên bố: *"Tôi đã là đảng viên 58 năm (1940-1998). Tôi không có gì ân hận trong 58 năm đó. Đối với tôi, như thế cũng là đủ cho tôi báo đền tổ quốc và dân tộc, và tôi"*

cùng đã được đền bù xứng đáng... Tôi vào Đảng là để tự nguyện phục vụ nhân dân và phụng sự tổ quốc". Đối với một con người như vậy ta hoàn toàn tin được khi ông hứa: "Tôi không ở trong Đảng nữa, nhưng tôi vẫn là một công dân có trách nhiệm. Tôi nguyện vẫn vì tổ quốc, vì nhân dân; vẫn suy nghĩ và sống với tất cả tâm lực của mình. Tôi kiên trì những ý kiến mà tôi đã phát biểu trong các bài viết và sẵn sàng đón nhận những lời phán xét của công luận".

Tôi đồng tình và tin vào những đánh giá của ông Hoàng Hữu Nhân đối với ông Trần Độ không chỉ vì biết ông Hoàng Hữu Nhân đã từng tham gia hoạt động cách mạng gần chục năm trước thời kỳ dẫn đến cách mạng Tháng Tám (1936), đã từng được tặng huân chương Hồ Chí Minh mà còn vì ông đã đọc với một trí tuệ thật minh mẫn, với ý thức trách nhiệm rất cao tất cả các bài viết của Trần Độ. Trong khi đó, đáng tiếc là, tuyệt đại đa số quần chúng và đảng viên đều chưa hoặc không có điều kiện đọc các bài viết đó. Với tình trạng ngăn cấm, bưng bít như thế này, không biết những người tham gia bỏ phiếu khai trừ cũng đã được đọc Trần Độ một cách đầy đủ, nghiêm túc chưa?

Tôi tán thưởng những nhận xét đánh giá của ông Hoàng Hữu Nhân còn vì chẳng những tôi đã đọc Trần Độ rất kỹ mà từng có dịp tiếp xúc trực tiếp với ông. Tôi thấy ông rất ung dung tự tại, biết quý trẻ, nhường già và đặc biệt tôn trọng trí thức. Lòng tự trọng xui tôi thường không chịu vị nể quá mức bất kỳ chính kiến nào, bất kỳ đối tượng giao tiếp nào, tuy nhiên đàm đạo với ông, tôi vẫn như có ấn tượng ông đáng bậc cha chú mình.

Sao lại có thể quy tội ông "để lọt ra các hàng thông tấn quốc tế những bài viết"? Chắc chắn những người biết tôn trọng lẽ phải, tôn trọng luật pháp và từng đã đọc những điều khoản nêu trên trong các Công ước quốc tế, trong Hiến pháp nước ta, trong điều lệ Đảng Cộng Sản Việt Nam đều thấy việc quy tội đó không thỏa đáng. Và chẳng, thật là bất công, thật là vô lý khi xử lý trường hợp Trần Độ mà lại cố tình làm ngơ nhiều trường hợp rất tệ hại khác.

Ai cũng biết cách đây vài năm tất cả các đài Phương Tây đều điểm rất kỹ bức thư của nguyên ủy viên Bộ Chính trị, thủ tướng chính phủ Võ Văn Kiệt với nhiều luận điểm khác xa cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng. Vậy mà có ai sao

đâu, ngoại trừ mấy ông Lê Hồng Hà, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Kiến Giang bị vạ lây. Cách đây ít lâu báo chí và các đài Phương Tây lại cùng vạ đảng tải một bài viết ký tên tác giả là TA bêu rếu thậm tệ rất nhiều cán bộ thượng cấp trong Trung ương, trong Bộ Chính trị của Đảng... Bài viết nặc danh, nhưng mặc dầu thế, tác hại của nó hết sức lớn, lớn hơn nhiều những hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực bên ngoài chứ. Vậy mà sao người ta cũng lờ đi trong khi việc truy lùng tác giả nặc danh chắc không khó khăn quá mức, việc xác định tính đúng đắn của một số tình tiết nêu trong bài cũng hoàn toàn có thể vì một số nhân chứng sống liên quan đã được chỉ ra ngay trong bài viết, hiện đang sống ở Hà Nội. Quá tệ hơn, cựu ủy viên Trung ương Đảng, phó thủ tướng Trần Quỳnh còn ngang nhiên tán phát rộng rãi trong và ngoài nước tập hồi ký xuyên tạc lịch sử Đảng, bôi bác đến mức hạ nhục cả các bậc lão thành: Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng và... ngay cả Bác Hồ! Vậy mà, người ta cũng lờ đi. Hiện thời, đâu đó lại vừa cho tán phát bừa bãi một tập tài liệu cực kỳ nguy hại chia thẳng mũi nhọn vào cố vấn Võ Văn Kiệt cùng các đương kim ủy viên Bộ Chính trị Nguyễn Mạnh Cầm, Nguyễn Minh Triết... buộc tội phá Đảng, phản bội tổ quốc cho các đồng chí này. Hậu quả có thể sẽ dẫn tới là: sự phân liệt tan hoang, sự thanh trừng đau đớn. Vậy mà, người ta lại vẫn cứ làm ngơ để chỉ tập trung xử lý Trần Độ một cách sai trái.

Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ.

Hỡi tất cả những lương tri, những tâm huyết, những tác lòng còn chút ưu tư với đất nước, với dân tộc! Sao không biết chia sẻ nỗi đau cùng Trần Độ. Cái nỗi đau "Tôi không ngờ rằng những ước mơ xây dựng xã hội tốt đẹp thuở ban đầu lại biến thành hiện thực chua chát ngày nay. Một xã hội với một bộ máy cai trị đồ sộ rất nhiều bệnh hoạn và tệ nạn... Tôi cũng không ngờ ý kiến khác nhau lại thành ra thù địch".

Cái nỗi đau vì phải thừa nhận rằng: "Cái Đảng này hiện nay, với tất cả thực trạng của nó, đã khác rất xa Đảng của những năm 40, 50, 60. Vì vậy, nó hầu như không còn là Đảng của tôi nữa". Vậy mà, ông vẫn bần thần lưu luyến, vẫn "không mong muốn" rời bỏ nó. Ông có thể bình thản ra đi nhưng mối sàu tương tư cùng nỗi hận lòng trong ông chắc là xuống tuyền đài cùng chưa nguôi được!

Bởi vì, trong cái cuộc tình 58 năm ấy, ông đã có mối tình đầu cuồng nhiệt sấm sét, ông đã đi với nó qua khổ ải, lao lung, qua tù đầy, gươm súng; ông đã chung thủy với nó ngay cả khi nó đã tha hóa, chẳng còn như xưa... Và, đến bây giờ, nó phụ bạc ông!

Tôi thấy tổng bí thư Lê Khả Phiêu đã từng to ra có thủy, có chung, có nghĩa, có tình, biết trên, biết dưới khi mới Tết này ông còn đến thăm thủ trưởng cũ; mới tháng 11-1998 ông còn đàm đạo thân ái, còn chân tình lắng nghe lão tướng Trần Độ. Vậy mà, sự quá lời nào, sự hiểu nhầm nào, sự ép tàn bạo của thế lực đen tối nào đã đột ngột cường bức dẫn đến hậu quả tai hại này?

Tôi không nghĩ đây là hậu quả tai hại đối với tướng Trần Độ, bởi vì, cùng như ông, tôi tin rằng: "Lịch sử sẽ phán xét. Tương lai có thể xa nhưng có thể rất gần. Tôi vững tin vào sự công minh của lịch sử, vào nhân dân đất nước tôi".

Trong lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam, cũng như Đảng Cộng Sản Trung Quốc, việc khai trừ những đảng viên ưu tú, kiệt xuất diễn ra đã nhiều. Chu Ân Lai, Lưu Thiếu Kỳ... đều từng đã bị khai trừ. Nếu tôi nhớ không nhầm thì chính Đặng Tiểu Bình cũng từng bị khai trừ tới bốn lần. Vậy mà, người đảng viên sáng danh nhất đối với Đảng Cộng Sản Trung Quốc ngày nay lại là Đặng Tiểu Bình chứ không phải những người đã bỏ phiếu và những người đã quyết định khai trừ ông.

Như mấy vần thơ hiểm hoi trong bài bút ký mới đây của Trần Độ:

*Những mơ xóa ác ở trên đời
Ta phó thân ta với đất trời*

Vâng, ông đã phó thác cả tuổi trẻ sung mãn ngày xưa, cả tuổi già tật nguyền ngày nay cho ước mơ trong sáng đó vì nhân dân, vì đất nước. Một ký giả nước ngoài đã vinh danh ông là "Người cầm đuốc trong đêm". Tôi, tôi thấy ông đang nâng cao trái tim Đankô rực chói của mình, góp phần soi đường cho đất nước, cho dân tộc, vượt qua bãi lầy, tiến lên con đường sáng.

Hà Nội tháng 1 năm 1999

Nguyễn Thanh Giang

Phone: 8.586 012

Email: giangnguyen@hn.vnn.vn

Trở lại vấn đề Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc

Nguyễn Gia Kiểng

Trước hết cần một minh định: trở lại chứ không đặt lại. *Trở lại* để bàn thêm cho rõ nghĩa, với hy vọng đạt tới một cảm thông lớn hơn, chứ không phải *đặt lại* hay *xét lại* vì thấy có điều gì không đúng.

Sau sự minh định trên là một nhắc lại cần thiết. "Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc" chứ không phải "Hòa Hợp Hòa Giải". Hai cụm từ này khác nhau, và cần được phân biệt, nhất là khi cuộc tranh luận lại thường xoay quanh vấn đề thuật ngữ.

Hòa giải là tháo gỡ những hận thù và hiềm khích để tiếp tục sống chung với nhau, trong khi hòa hợp là quý mến nhau và hợp tác mật thiết với nhau. Như thế, khi giữa các cá nhân hay giữa các tập thể đã có sự xung đột và bất hòa thì hòa giải phải được thực hiện trước, hòa hợp chỉ có thể có sau khi đã hòa giải xong. Nói như thế không có nghĩa là hễ cứ hòa giải xong là tự nhiên sẽ có hòa hợp. Còn cần nhiều cố gắng to lớn khác mới đi được đoạn đường từ chỗ "không hận thù nhau nữa" đến chỗ "quý mến nhau và chung sức với nhau". Hòa hợp dân tộc, hay đoàn kết dân tộc cũng thế, là mục đích. Hòa giải là một chặng đường cần thiết để có hòa hợp. Chắc chắn là chúng ta, dân tộc Việt Nam, cần hòa hợp để cùng đưa đất nước ra khỏi thua kém và vươn lên, vì thế chúng ta mới cần hòa giải để có hòa hợp. Nếu chúng ta không quan tâm tới tương lai đất nước, và do đó không cần hòa hợp, thì chúng ta cũng chẳng cần hòa giải làm gì. Hòa giải và hòa hợp như vậy là hai ý niệm khác nhau về nội dung và thứ tự. Chữ "và" trong cụm từ "Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc" cũng cần thiết.

Cụm từ "Hòa Hợp Hòa Giải" hoàn toàn vô nghĩa. Nó lẫn lộn hai khái niệm khác nhau về nội dung, nó đảo ngược thứ tự tự nhiên, giống như đặt con trâu trước cái cày. Nó cần được xóa bỏ dứt khoát và vĩnh viễn để khỏi gây lẫn lộn trong một cuộc thảo luận vốn đã tế nhị.

Và cũng đừng quên "dân tộc" vừa là người chủ động vừa là đối tượng của

hòa giải và hòa hợp. Mặc dầu cụm từ "hòa giải và hòa hợp dân tộc" đã được nhắc lại nhiều lần, vẫn có nhiều người chất vấn "hòa hợp hòa giải với ai?"; vẫn có những người lên án "bọn chủ trương hòa hợp hòa giải với cộng sản", hay ngộ nghĩnh hơn nữa, như tôi đã được đọc một vài lần, "bọn chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc với cộng sản"! Lẫn lộn trong từ ngữ là bằng chứng rằng vấn đề chưa được suy nghĩ một cách nghiêm chỉnh.

Đến đây xin nhắc lại, lập trường "hòa giải và hòa hợp dân tộc" chủ trương hòa giải người Việt Nam với nhau để tiến đến hòa hợp dân tộc, nghĩa là tiến đến tình trạng trong đó người Việt tin tưởng và quý trọng nhau để cùng bắt tay nhau xây dựng một tương lai chung. Hòa giải và hòa hợp dân tộc là vấn đề tình cảm giữa người và người, chứ không phải giữa các lực lượng và phe phái. Giữa các lực lượng và phe phái cùng lắm chỉ có vấn đề hợp tác hay thỏa hiệp.

Nhưng tại sao lại cần trở lại vấn đề hòa giải và hòa hợp dân tộc?

Lý do thứ nhất là vì vấn đề chưa được thảo luận một cách đầy đủ. Ngay khi lập trường này vừa được đưa ra, nó đã gây sôi nổi đến nỗi chúng ta mất bình tĩnh và chỉ tập trung vào một trong những khía cạnh của vấn đề là cuộc xung đột quốc-cộng. Chắc chắn cuộc chiến vừa qua đã tạo ra rất nhiều đổ vỡ nhưng nó không phải là tất cả. Chúng ta còn nhiều điều khác để hòa giải.

Một thí dụ. Trong nhóm Thông Luận chúng tôi có anh Nguyễn Văn Đắc, người gốc Chăm (từ đời vua Minh Mạng gia đình anh bị bắt đổi sang họ Nguyễn). Trong một cuộc hội thảo, chúng tôi ủy nhiệm anh Đắc mời các anh em người gốc Chăm tham dự. Anh Đắc đi vận động và trở về cho hay người Chăm không chấp nhận nói chuyện với người Việt. Cũng may cộng đồng người Chăm không khai trừ anh Đắc vì đã gia nhập Thông Luận vì họ đánh giá Thông Luận là tổ chức Việt Nam tôn trọng họ, nếu

không thì anh Đắc đã bị đặt trước một chọn lựa rất khó xử.

Một thí dụ khác. Tôi có một người bạn tên Claude, viên chức cao cấp trong chính quyền Úc. Claude kể cho tôi nghe câu chuyện của anh. Hồi còn đi học tại Paris, anh gặp và yêu một cô gái Việt với cái tên đẹp như người. Hai người muốn lấy nhau nhưng gia đình cô gái chống đối dữ dội. Sau cùng thì sự kiên trì của đôi trẻ đã thắng. Họ lấy nhau. Bà nội Việt Nam đành tự an ủi: "Thôi, chẳng thà nó lấy chồng Tây còn hơn là để nó lấy chồng Bắc Kỳ!".

Quả thật chúng ta là một dân tộc rất cần hòa giải.

Chúng ta cần hòa giải giữa những người đã đứng trong hai phe quốc gia và cộng sản. Chúng ta cần hòa giải giữa các sắc tộc thiểu số và người Kinh. Chúng ta cần hòa giải giữa người Nam và người Bắc. Chúng ta cần hòa giải giữa người Công giáo và phần còn lại của dân tộc, nhất là với Phật giáo. Chúng ta cần hòa giải giữa cộng đồng người Việt hải ngoại với đất nước. Và chúng ta cũng cần hòa giải người Việt Nam với đất nước Việt Nam. Chắc chắn tôi chưa liệt kê hết những đổ vỡ lớn cần được hàn gắn, nhưng nếu chúng ta giải quyết được tạm ổn những khúc mắc đó thì tương lai của chúng ta cũng sẽ khá hơn hẳn. Tất cả những chia rẽ đó làm kiệt quệ sinh lực quốc gia và đã khiến chúng ta là chúng ta ngày nay, nghĩa là một dân tộc không lười biếng, không tối dạ, cũng không bị thiên nhiên quá ngược đãi, nhưng lại thua kém thế giới một cách bi đát, và tệ hơn nữa vẫn chưa trút bỏ nỗi ách độc tài ô nhục trên lưng.

Chúng ta cần hòa giải các sắc tộc ít người với người Kinh vì trong suốt dòng lịch sử các vua chúa người Kinh chỉ biết dùng bạo lực để thống trị các sắc tộc ít người mà hầu như chưa bao giờ chúng tỏ một bổn phận và một sự kính trọng nào đối với họ. Chính sách và thái độ thô bạo này đã khiến các sắc tộc thiểu số hoàn toàn đứng đưng với đất nước Việt

Nam, khi không thù ghét.

Chúng ta cần hòa giải giữa miền Nam và miền Bắc, bởi vì trong hàng thế kỷ hai miền đã bị ngăn chia trong thế tương tranh, làm cho người hai miền trở thành xa lạ và ngờ vực, có khi nhìn nhau như kẻ thù. Phải rất thận trọng. Chúng ta đang đòi bầu cử tự do và thế nào rồi cũng sẽ có bầu cử tự do, nhưng cuộc bầu cử tự do đầu tiên có thể chỉ công khai hóa sự rạn nứt: đảng cộng sản có thể sẽ được 30% tại miền Bắc trong khi không được gì tại miền Nam. Và một cách tương tự, tại quốc hội cũng sẽ có những đảng miền Bắc và những đảng miền Nam.

Chúng ta cần hòa giải giữa người Công giáo và người Phật giáo vì hai tôn giáo đã bị những thế lực chính trị đặt vào thế đối đầu trong hơn một thế kỷ và vẫn có những phần tử muốn lợi dụng sự chia rẽ này cho tham vọng phe nhóm. Chúng ta có một thảm kịch trong đó hàng trăm ngàn người Công giáo đã bị bách hại vì tín ngưỡng của họ và cho tới nay vẫn chưa có biện pháp hàn gắn nào. Hơn một thế kỷ sau vẫn còn những người cho hành động đánh các họ đạo của các phe Cần Vương, Văn Thân là đúng. Đảng cộng sản đã khai thác tối đa sự chia rẽ lương-giáo, trong khi chính sách tôn sùng Công giáo một cách lỗ lã của chính quyền Ngô Đình Diệm cũng đã chỉ mở rộng vết thương.

Chúng ta phải hòa giải cộng đồng người Việt hải ngoại với đất nước, vì sự ra đi của họ đã là một sự ra đi trong tủi hờn. Tất cả ra đi vì thất vọng đối với quê hương, đại đa số đã ra đi sau khi bị hắt hủi và chà đạp, một số đông đã phải chịu đựng những khổ đau và mất mát rất to lớn trên đường vượt biên vì công an, hải tặc, sóng gió. Đối với phần đông người Việt hải ngoại, đất nước là một kỷ niệm đau buồn cần phải quên đi. Hòa giải giữa cộng đồng người Việt hải ngoại và đất nước phải có vì nhu cầu tình cảm, nhưng cũng cần thiết về mặt thực tiễn bởi vì cộng đồng người Việt hải ngoại là một tiềm năng đầy hứa hẹn cho đất nước cần được khai thác triệt để.

Quan trọng hơn hết, nhưng tiếc thay nhiều người lại không nhìn thấy, chúng ta phải hòa giải người Việt với chính đất nước Việt Nam. Phải nói rằng làm người Việt Nam trong suốt thế kỷ

này đã chỉ là chịu đựng và nhục nhằn. Tổ quốc đã chỉ là chiến tranh, đói khổ, thua kém và công an, khi không phải là nhà tù và các đội hành quyết. Người ta không nhân danh tổ quốc để quý mến và nâng đỡ nhau, mà trái lại chỉ nhân danh tổ quốc để buộc tội và tiêu diệt nhau. Tổ quốc đã được sử dụng để biện minh cho quá nhiều tội ác. Tất cả những thất vọng, oan ức, tủi nhục đã khiến cho tinh thần dân tộc và lòng yêu nước của người Việt Nam chúng ta xuống rất thấp, thấp ở mức độ cực kỳ báo động, mộng ước của rất nhiều người Việt Nam hiện nay chỉ giản dị là được bỏ nước ra đi làm công dân một nước khác. Mà khi đã thiếu lòng yêu nước thì không có vấn đề nào, kể cả vấn đề hòa giải dân tộc, có thể giải quyết được. Muốn phục hồi được lòng yêu nước, tổ quốc cũng phải biết ăn năn trước những đau khổ của người dân; nếu không thì như một câu nói đùa của quần chúng miền Nam: "cái cột đèn mà có chân cũng bỏ nước ra đi". Cười, nhưng thật chua xót và đáng lo.

Tất cả những đổ vỡ trên đây đều rất to lớn, cho nên vấn đề của thời đại chúng ta hiện nay thực ra mới chỉ là hòa giải dân tộc và phần sau của bài này sẽ chủ yếu bàn về hòa giải. Tuy vậy, chúng ta cần nêu ngay từ bây giờ lập trường "Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc" vì có như thế chúng ta mới biểu lộ được cứu cánh của hòa giải và lý do tại sao chúng ta quyết tâm hòa giải.

Tới đây, chúng ta có thể định nghĩa hòa giải dân tộc một cách chính xác hơn. Hòa giải là tình cảm, xuất phát từ lòng yêu nước, của một dân tộc quyết tâm sống chung và xây dựng với nhau một tương lai chung mặc dầu đã trải qua nhiều đổ vỡ. Nó là một cuộc phấn đấu, bằng sự nhường nhịn và bằng cố gắng thuyết phục bên bẻ, để vượt lên trên di sản lịch sử và thắng những lực ly tâm chia rẽ dân tộc. Nó là phản ứng tự vệ của một dân tộc trước nguy cơ tan rã.

Cũng cần nhận định là trong thế giới ngày nay những tiến bộ khoa học kỹ thuật làm xáo trộn không ngừng mọi quốc gia, lúc nào cũng có những ngành nghề vươn lên trong khi những ngành khác suy thoái, lúc nào cũng có những thành phần dân tộc được may mắn trong khi những thành phần khác bị thiệt thòi.

Một chính sách dù công bình và hoàn chỉnh đến đâu cũng không thể làm vừa lòng mọi người, luôn luôn có những người thỏa mãn và những người bất mãn. Cho nên quốc gia nào, dân tộc nào cũng liên tục phải hòa giải vì những mối bất hòa liên tục xảy ra. Hòa giải đã trở thành một triết lý điều hành quốc gia, chưa nói một quốc gia đã trải qua nhiều xung đột đẫm máu như Việt Nam.

Nói như vậy không phải là để tránh né nhận diện cuộc xung đột quốc cộng. Đó là đổ vỡ to lớn nhất và đau nhức nhất. Vết thương vẫn còn đang chảy máu. Để hàn gắn, chúng ta cần một nhận định khiêm tốn và sáng suốt. Trong cuộc xung đột đẫm máu vừa qua có thể nói, trừ một thiểu số nông cạn, đại bộ phận người Việt đã không có một chọn lựa vừa ý. Chúng ta đã không say mê tranh đấu cho một lý tưởng mà mình thấy là đẹp, trong đại bộ phận chúng ta đã chỉ chống lại một lực lượng mà sau nhiều cân nhắc và do dự chúng ta thấy còn tồi tệ hơn hàng ngũ mà chúng ta đang đứng. Người không chịu đựng nổi sự tồi tàn của các chính quyền phe quốc gia thì ngã theo đảng cộng sản, mặc dầu cũng thừa biết sự tàn bạo và độc đoán của nó. Còn người thấy rằng để đảng cộng sản nắm được chính quyền là một tai họa quá lớn cho đất nước thì cũng chỉ ngậm ngùi mà ủng hộ các chính quyền quốc gia. Anh em ruột thịt, bạn bè thân thích đã chỉ vì một sự lượng định thời cuộc nặng nhẹ khác nhau, hay đáng buồn hơn nữa, chỉ vì hoàn cảnh, mà đã phải quay lưng lại với nhau, mặt sát nhau và bắn giết nhau trong ba thập niên. Đổ vỡ tình cảm còn lớn hơn cả đổ vỡ vật chất và sinh mạng. Để rồi ngày nay đất nước như thế này, tất cả chúng ta đều đã thất bại, tất cả chúng ta đều là nạn nhân. Chẳng ai hơn ai, chẳng có ai có vị thế để lên án và buộc tội ai. Những người đã chọn lựa đứng ngoài mọi biến động của đất nước lại càng không có vị thế để chê trách ai. Cũng không thể đổ lỗi hết cho hoàn cảnh và các thế lực quốc tế. Chúng ta không có chọn lựa tốt bởi vì chúng ta kém cỏi. Tất cả chúng ta đều có trách nhiệm. Hòa giải với nhau để cùng làm lại đất nước chỉ là một lẽ tự nhiên và một thái độ lương thiện.

Nếu phải trình bày một cách thật

giản dị thì lập trường hòa giải và hòa hợp dân tộc là mọi người Việt Nam, không phân biệt thành phần và quá khứ chính trị, cần cố gắng phấn đấu, trước hết với chính mình, vượt lên những hiềm khích do lịch sử để lại để cùng bắt tay nhau xây dựng một nước Việt Nam dân chủ và phồn vinh. Chúng ta muốn hòa giải mọi người, không loại trừ bất cứ ai, nhưng có thực hiện được hòa giải hay không là một chuyện khác bởi vì hòa giải chỉ có thể có trong tinh thần bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau, nghĩa là trên nền tảng dân chủ. Riêng đối với những người lãnh đạo đảng cộng sản cánh cửa hòa giải luôn luôn mở rộng chờ đón họ, nhưng chúng ta lên án chính sách độc tài bạo ngược của họ và chúng ta quyết tâm đánh bại ý đồ của họ, buộc họ phải chấp nhận hòa giải dân tộc và dân chủ.

Lập trường hòa giải dân tộc không hề làm yếu đi cuộc đấu tranh vì tự do dân chủ, trái còn cho nó sức mạnh của sự nhân nghĩa và sự cao cả. Những ai cho rằng lập trường hòa giải dân tộc có lợi cho cộng sản sẽ có một nhận định khác nếu tưởng tượng cái gì sẽ xảy ra trong trường hợp mọi người Việt Nam đồng ý lấy hòa giải dân tộc làm mục tiêu số một. Lúc đó hệ luận tất nhiên là chính quyền phải nằm trong tay những người có tư cách để thực hiện hòa giải dân tộc, hay ít nhất không được nằm trong tay những người đã gây ta đổ vỡ và đã là tác giả của những chính sách lý lịch, phân biệt đối xử. Đảng cộng sản lúc đó sẽ lập tức lọt vào thế việt vị. Chính vì vậy mà đảng cộng sản từ chối hòa giải và hòa hợp dân tộc. Hãy tìm đọc Tạp Chí Cộng Sản để biết đảng cộng sản nghĩ gì về lập trường này. Những người lãnh đạo cộng sản có thể không có kiến thức cao và không có thiện chí, nhưng họ không ngây thơ chút nào. Họ sợ và chống lập trường hòa giải và hòa hợp dân tộc. Hơn nữa, chính quyền này sống nhờ chia rẽ và hận thù. Nếu mọi đảng viên cộng sản đều vững tin rằng dù chính quyền này có sụp đổ an ninh và danh dự của họ vẫn hoàn toàn được bảo đảm thì chắc chắn ban lãnh đạo cộng sản sẽ bị cô lập nhanh chóng.

Nhưng tại sao một số đồng người Việt Nam lại dị ứng với ý niệm hòa giải? Lý do chính là vì hòa giải là một ý

niệm hoàn toàn thiếu vắng trong tâm lý chính trị Việt Nam. Trong gần tám thế kỷ nay, kể từ nhà Trần trở đi, nhỏ cỏ tận gốc, tru di tam tộc, tiêu diệt toàn bộ đã là những biện pháp luôn luôn được người cầm quyền sử dụng để thay cho hòa giải. Đó thực ra cũng là một cách để giải quyết bài toán hòa giải: tiêu diệt hết đối phương để khỏi phải hòa giải. Dần dần cách ứng xử hung bạo đó đã ăn rễ vào tâm lý tập thể làm cho ý niệm hòa giải trở thành xa lạ đối với người Việt Nam. Chính vì thế mà nhiều người Việt Nam không cảm nhận được nhu cầu hòa giải, trong khi thực ra chúng ta là một trong những dân tộc cần hòa giải nhất.

Không quen với hòa giải, chúng ta không hiểu hòa giải và thường lẫn lộn hòa giải với những ý niệm thực ra rất khác, như thỏa hiệp và hợp tác. Không thiếu những người lên án chúng tôi là chủ trương "bắt tay" với cộng sản vì chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc. "Bắt tay" ở đây được hiểu theo nghĩa thỏa hiệp và hợp tác.

Thực ra có thể hòa giải mà không cần thỏa hiệp và cũng có thể có thỏa hiệp mà không cần hòa giải. Khi hai bên lâm chiến đồng ý ngừng bắn trong vài giờ để thu dọn chiến trường và di tản thương binh, họ chỉ thỏa hiệp mà không hòa giải. Ngược lại một cặp vợ chồng có xung khắc muốn hòa giải với nhau thì có thể không cần một thỏa hiệp nào. Thỏa hiệp là một giao kèo giữa các phe phái, trên một tương quan lực lượng nào đó vào một thời điểm nào đó. Câu hỏi "có chấp nhận thỏa hiệp với cộng sản không" là một câu hỏi vô nghĩa. Khi chúng ta đã chấp nhận đấu tranh không dùng bạo lực thì chúng ta cũng đã mặc nhiên chấp nhận rằng thắng lợi của dân chủ sẽ qua nhiều thỏa hiệp giai đoạn. Tất cả vấn đề là thỏa hiệp trên cái gì và vào lúc nào. Điều cần thiết ở đây là biết rõ mình muốn gì. Chúng ta muốn dân chủ đa nguyên và chúng ta muốn dân chủ đa nguyên thật sớm, vậy những thỏa hiệp nào có tác dụng đẩy nhanh hơn tiến trình dân chủ hóa chúng ta sẽ chấp nhận, những thỏa hiệp nào có tác dụng làm chậm lại tiến trình dân chủ hóa và kéo dài chế độ độc tài chúng ta khước từ.

Còn hợp tác? Đó cũng là một khái niệm khác với cả hòa giải lẫn thỏa hiệp. Hợp tác không bắt buộc phải có nghĩa là

đồng minh, và cũng không phải chỉ xảy ra trong khuôn khổ của một thỏa hiệp. Ở đây cũng không thể có câu hỏi giản đơn "có hợp tác với đảng cộng sản hay không?". Vấn đề là nhận diện cái gì cần thiết và có lợi cho đất nước và cái gì chỉ có lợi cho đối phương. Cứ giả thử chúng ta tự đặt trong thế thù địch với chính quyền cộng sản thì vẫn có những việc mà chúng ta phải hợp tác với chính quyền cộng sản. Lấy thí dụ nếu Trung Quốc lại lấn chiếm quần đảo Trường Sa (một việc mà họ đã từng làm năm 1988), chúng ta vẫn phải làm tất cả những gì có thể làm để giúp chính quyền cộng sản giữ lấy Trường Sa, chúng ta sẽ không thể cư xử như đảng cộng sản hồi tháng 1-1974 khi Trung Quốc đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa. Một thí dụ khác, chắc chắn sẽ xảy ra, là trường hợp đảng cộng sản chấp nhận sinh hoạt đa đảng và bầu cử tự do. Trong cuộc bầu cử tự do đầu tiên chúng ta sẽ để một mình đảng cộng sản tổ chức cuộc bầu cử, hay sẽ phải đòi được tham dự trong một chính phủ chuyển tiếp tổ chức bầu cử, hay ít nhất trong ủy ban tổ chức bầu cử? Như thế trong trường hợp này, mặc dù chống đối đảng cộng sản tới đâu, chúng ta không những không từ chối sự hợp tác mà còn đòi được hợp tác.

Phản bác vì dị ứng và cảm tính khiến nhiều người sử dụng tất cả mọi lý do để chống đối chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc, kể cả những lý do rất hời hợt.

Một trong những lý do được lặp lại nhiều nhất là cụm từ "Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc" cộng sản đã dùng rồi. Cộng sản đã dùng rất nhiều cụm từ như "độc lập dân tộc", "chủ quyền dân tộc", "đoàn kết dân tộc", kể cả "tự do", "dân chủ". Nếu chúng ta phải từ chối mọi cụm từ mà cộng sản đã dùng thì chúng ta sẽ không còn ngôn ngữ. Và lại những ai theo dõi sát hội nghị Paris (1968-1973) đều biết rằng cụm từ "Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc" không do đảng cộng sản chế ra mà là một cụm từ mà họ đã phải miễn cưỡng chấp nhận. Họ cũng chỉ dùng trong một thời gian rất ngắn, từ tháng 1-1973 đến tháng 4-1975, và ngay trong thời gian ngắn ngủi này cũng thường chỉ nói "hòa hợp dân tộc", hay "hòa hợp hòa giải" chứ ít khi dùng cụm

từ "hòa giải và hòa hợp dân tộc".

Một phần bác có nội dung hơn là "Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc" đã được cộng sản sử dụng như một chiêu bài để đánh lừa dân chúng. Điều này quả nhiên có thực, nhưng ta cũng cần nhìn rõ hơn chút nữa. Đây là một tình thần được hai bên chấp nhận trong hiệp định Paris, nếu cả hai đều đề cao tinh thần này và mở ra một cuộc thảo luận toàn quốc về hòa giải dân tộc để tìm hiểu chúng ta đã có những đổ vỡ nào, và phải hàn gắn thế nào, trong tinh thần nào v.v... thì chắc chắn cuộc thảo luận sẽ rất bất lợi cho cộng sản vì họ chính là tác giả của hầu hết mọi đổ vỡ. Nhưng điều rất bất hạnh cho miền Nam là ông Thiệu và bộ tham mưu của ông quá kém về nhận thức chính trị nên đã bài xích lập trường này ngay sau khi ký kết hiệp định Paris, tự đặt mình vào thế bị động lúng túng và để phe cộng sản một mình khai thác theo ý họ một lập trường đáng lẽ rất bất lợi cho họ. Việc bài xích lập trường hòa giải và hòa hợp dân tộc sau này phần lớn là tàn dư của chọn lựa tai hại của một ông tổng thống đã đưa chế độ mà ông lãnh đạo đến thảm bại. Tôi không nhớ tên nhà tư tưởng nào đã nói rằng bài học lịch sử rõ nét nhất là người ta thường không biết rút ra những bài học lịch sử. Và lại phải thẳng thắn mà nói chế độ Sài Gòn đã thất bại vì không biết tranh thủ dư luận quốc tế, nhất là dư luận quần chúng Mỹ, để rồi bị cô lập và bị bỏ rơi chứ không phải vì đã bị lường gạt bởi chiêu bài hòa giải và hòa hợp của cộng sản.

Hơn thế nữa, nếu cộng sản quả thực đã lợi dụng được lập trường "hòa giải và hòa hợp dân tộc" (trên thực tế họ đã chỉ lợi dụng được chút ít) thì phải nhìn nhận rằng lập trường này đáp ứng nguyện vọng của đông đảo nhân dân Việt Nam, đó lại càng là lý do để những người dân chủ nắm lấy để tranh thủ lòng dân trong cuộc vận động dân chủ hiện nay khi đảng cộng sản đang bối rối và mất tín nhiệm. Chính đảng hơn nữa, nếu đây là một lập trường đúng đã bị kẻ gian lợi dụng và chúng ta là nạn nhân thì lại càng là lý do khiến chúng ta đặt lại để đòi công lý. Kẻ oan ức sao lại sợ mở lại phiên tòa?

Còn một câu hỏi chiến lược rất quan trọng mà những người dân chủ

phải đặt ra. Chắc chắn sẽ có một ngày không xa đảng cộng sản sẽ phải từ bỏ thái độ ngoan cố và chấp nhận sự hiện diện của đối lập trong một cuộc cạnh tranh hòa bình. Đảng cộng sản và các lực lượng dân chủ sẽ tranh giành nhau sự hỗ trợ của nhân dân Việt Nam và dư luận quốc tế. Hãy thử tưởng tượng cái gì sẽ xảy ra nếu đảng cộng sản lại đưa ra lập trường hòa giải và hòa hợp dân tộc trong khi các lực lượng dân chủ chống lại lập trường này? Lúc đó dù chúng ta có biện bạch, tố giác sự giả dối của cộng sản thế nào đi nữa, trước mắt thế giới (và một phần dân chúng) sự thực vẫn là phe cộng sản chủ trương hòa giải trong khi những người đối lập với họ không chịu hòa giải. Thế đứng của chúng ta sẽ mạnh hay sẽ yếu?

Sau hơn mười năm tranh cãi, vấn đề hòa giải và hòa hợp dân tộc đã được khai thông rất nhiều và, nói chung, mọi người đã chấp nhận trong nội dung, chỉ còn một thiếu sót không đáng kể cố tình đồng hóa nó với một chiêu bài cộng sản, và chính thiếu sót này cũng tự biết là mình nguy hiểm. Đó là một tiến bộ rất khả quan. Thế nhưng vẫn còn những lẩn tránh từ ngữ, lẩn tránh thực sự cũng có mà lẩn tránh do lòng tự ái không chịu chấp nhận mình đã lầm cũng có. (Một thân hữu có lần đã nói đùa: "Cái tội của các anh là đã có lý sớm hơn người khác. Ngày trước người ta ghét các anh vì cho rằng các anh ngậy thơ ấu trĩ, ngày nay họ ghét các anh vì đã dám có lý trước họ"). Nhiều cụm từ thay thế được đề nghị: "Hòa Đồng Dân Tộc", "Hóa Giải", "Giải Hòa"... Tất cả chỉ là những gán ghép gượng gạo, vốn đã tối nghĩa ngay trong tiếng Việt và hoàn toàn vô nghĩa trong ngôn ngữ chính trị quốc tế. Đối với thế giới chỉ có National Reconciliation (hay Réconciliation Nationale) và dịch ra tiếng Việt là hòa giải dân tộc. Tại sao lại mất thì giờ đến thế?

Cuộc bàn cãi sẽ dễ dàng hơn nếu chúng ta nhìn vào nội dung của hòa giải. Hòa giải, vì là một tình cảm quảng đại nên không loại bỏ bất cứ ai, trái lại nó còn nhằm thuyết phục và tranh thủ trước hết những người đang chống hoặc đang sợ hòa giải. Nhưng hòa giải cũng có những đòi hỏi rõ rệt. Cửa chùa mở cho

mọi người nhưng muốn qui y thì phải lễ Phật. Hòa giải không thể thực hiện được trên công thức "tôi quyết định, anh tuân phục; tôi mãi mãi cầm quyền, anh suốt đời bị trị". Hòa giải bao hàm sự bình đẳng và kính trọng lẫn nhau giữa những người khác quan điểm. Như vậy nền tảng của hòa giải là dân chủ, và là dân chủ đa nguyên. Vận động cho hòa giải dân tộc cũng là vận động cho dân chủ đa nguyên, bởi vì những người hưởng ứng lập trường hòa giải dân tộc sẽ nhanh chóng nhận ra rằng dân chủ đa nguyên là điều kiện để thực hiện hòa giải.

Hòa giải cũng đòi hỏi những hành động rất cụ thể: bài bỏ mọi biện pháp phân biệt đối xử, cấm tuyệt những hành vi và ngôn ngữ xúc phạm, phục hồi danh dự và bồi thường thiệt hại - dù chỉ là bồi thường một cách tượng trưng - cho các nạn nhân. Xóa bỏ hận thù là điều không đơn giản, hòa giải không có nghĩa là chấp nhận toàn bộ những sự đã rồi. Hòa giải không phải là xí xóa. Nhà nước có thể sẽ xóa bỏ, và chắc chắn sẽ phải xóa bỏ, mọi xúc phạm và thiệt hại đối với nhà nước nhưng không thể, và cũng không có quyền, xóa bỏ những xúc phạm và thiệt hại đã gây ra cho một công dân nếu công dân này đòi được cứu xét. Công lý vẫn phải là công lý, nghĩa là vẫn phải sòng phẳng, dù là sòng phẳng trong tinh thần khoan dung. Hòa giải không có nghĩa là dành quyền bất khả xâm phạm cho một ai.

Đúng, người cầm quyền là người có bổn phận và có phương tiện để thực hiện hòa giải hơn cả, nhưng chính quyền này không làm và chúng ta cũng không hy vọng họ làm, trừ khi bị đặt trước một sức ép rất mạnh. Nhưng không phải vì thế mà chúng ta đành thụ động. Chúng ta vẫn có thể đưa hòa giải và hòa hợp dân tộc ra như một mẫu số chung để đoàn kết các lực lượng dân chủ, và chúng ta vẫn có thể đưa nó ra như một dự án chính trị.

Có những việc rất quan trọng và có ý nghĩa nhưng tương đối dễ làm: trùng tu lại những nghĩa trang và mồ mả đã bị xúc phạm; dựng những đài tưởng niệm cho những người đã bỏ mình trong cả hai hàng ngũ; trùng tu lại Tháp Chàm và dùng tên các anh hùng Chàm cho một số đường phố; dựng một đài tưởng niệm

cho những người đã bị giết về tội phản quốc trong cả hai bên vì chính họ là thành phần có nhiều người yêu nước hơn cả; tổ chức một ngày lễ giải oan cho những người Công giáo bị bách hại dưới chính sách cấm đạo của triều Nguyễn; dựng một tượng Mẹ Việt Nam thật lớn trên đảo Côn Sơn hướng về biển cả thương nhớ những đứa con đã bỏ nước ra đi, nhất là những đứa con đã bỏ mình trên biển cả; dựng những đài kỷ niệm cho các nạn nhân của Cải Cách Ruộng Đất, của Học Tập Cải Tạo, của Chiến Dịch Phụng Hoàng, của những đợt dội bom; chọn một ngày thực ý nghĩa, chẳng hạn như ngày lễ xá tội vong nhân, làm ngày Hòa Giải Dân Tộc và Quốc Khánh, v.v...

Nhưng phần còn lại của cố gắng hòa giải rất khó. Trước hết là khó đối với một chính quyền dân chủ trong tương lai có quá nhiều oan ức cần phải giải tỏa nhưng lại chỉ có những phương tiện hạn hẹp của một nước rất nghèo. Cũng khó vì phải giải tỏa những bất mãn do quá khứ để lại mà không tạo ra những bất mãn mới, phải bồi thường thiệt hại cho các nạn nhân mà không tạo ra những nạn nhân mới.

Và khó khăn lớn nhất vẫn là lòng người. Có những người sẽ rất khó chấp nhận hòa giải bởi vì có những đồ vớ không thể hàn gắn. Không ai trả lại được một người cha hay một đứa con đã mất. Và cũng không thể bồi thường thiệt hại cho một thiếu niên Sài Gòn năm 1975 bị đuổi khỏi trường, bị đẩy đi vùng kinh tế mới, ngày nay đã là một người đầu hai thứ tóc, thất học, bệnh tật và nghèo khổ, bởi vì cả một cuộc đời đã gãy đổ rồi. Hòa giải như thế là một lộ trình bắt buộc nhưng vất vả và khó khăn, mỗi người lên đường với một gánh nặng khác nhau. Có những người không thể đi mau, họ là những nạn nhân đau khổ nhất, vì thế cũng là những người cần được cảm thông và săn sóc nhiều nhất. Võ sư Trần Huy Phong, một trí thức lớn ở trong nước đã vào tù ra khám nhiều lần dưới chế độ này, trước khi qua đời đã có dịp xuất ngoại và trao đổi với tôi. Có lúc anh dừng lại rồi nói một cách trầm ngâm: "Việt Nam ngày nay bề mặt có vẻ như yên lặng, nhưng nếu có thay đổi chế độ mà không có chuẩn bị chắc chắn sẽ có đổ máu lớn".

Khi viết những dòng này, tôi nhớ rất rõ nét mặt lo âu của anh. Ở đây, anh Phong chỉ bày tỏ một lo ngại trong tương lai, nhưng cả hai chúng tôi đều đã đồng ý với nhau từ lâu là nếu không có hòa giải dân tộc chúng ta sẽ không chấm dứt được chế độ độc tài này.

Ngày nay, khi phần lớn những đam mê và hiểu lầm đã được giải tỏa, chính là lúc mà chúng ta có thể nhìn lại vấn đề hòa giải và hòa hợp dân tộc một cách bình tĩnh.

Khi một tập thể, dù là một gia đình hay một dân tộc, đã có xung đột và đổ vỡ thì chỉ có ba trường hợp. Một là một phe tiêu diệt hẳn hay khống chế hẳn được đối phương; hai là hai bên hòa giải với nhau để tập thể tiếp tục tồn tại và bành trướng; ba là tập thể bị phân hóa, tê liệt và tiến đến tan rã. Trong suốt tám thế kỷ nay, và cho tới bây giờ, dân tộc Việt Nam đã chỉ được biết có giải pháp tiêu diệt và khống chế. Nhưng ở thời đại của văn minh và nhân quyền này, giải pháp thô bạo này không thể áp dụng được nữa, nó đang phá sản và đe dọa đưa đất nước tới phá sản. Chỉ còn lại hai giải pháp: hòa giải hay tan vỡ.

Hòa giải và hòa hợp dân tộc là tình cảm tự nhiên của một dân tộc muốn tiếp tục chia sẻ một tương lai chung, nghĩa là một thể hiện của lòng yêu nước. Đó là lập trường phải có để tiến tới một tập hợp dân tộc mới trên đồng thuận chấm dứt chế độ độc tài và xây dựng dân chủ đa nguyên. Đó cũng là một chiến lược bắt buộc để cô lập và đánh bại nhóm ít người ngoan cố đang cầm quyền và đang lì lợm chống lại sự chuyển hóa của dân tộc để hội nhập vào dòng sống của loài người tiến bộ.

Nhưng, vượt lên trên mọi tính toán chính trị, đó là con đường duy nhất để sau này Việt Nam có thể động viên mọi khối óc và mọi bàn tay cho cố gắng vươn lên khỏi sự nghèo khổ và thua kém, điều kiện để đất nước có lý do, và có thể, tồn tại.

Nguyễn Gia Kiểng

*Thông Luận hoan nghênh mọi ý kiến
đóng góp, mọi ủng hộ tài chính
và cảm ơn quý vị đã cổ động
và phổ biến tờ báo*

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm
11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)
Giá báo một năm: 200 FF
(hoặc tương đương)
Ngân phiếu xin đề
VIETNAM FRATERNITE
(xin đừng đề Thông Luận)

Địa chỉ liên lạc :
THÔNG LUẬN

124 bis, rue de Flandre
75019 Paris, FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với
đại diện Thông Luận tại Đức:

Nguyễn Thanh Lương
Habsburgerallee 104
60385 Frankfurt aM.
Tel: 069-4940048
Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn
(60 DM/năm) vào trương mục:
Frankfurt Volksbank e G
THANH LUONG, NGUYEN
Konto-Nr: 00 77 70 82 94
Bankleitzahl: 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada
có thể liên lạc và góp ý kiến với
Thông Luận qua địa chỉ:

Thong Luan, P.O. Box 7592
Fremont, CA 94537 - 7592
e-mail: qml@juno.com

Khi thanh toán tiền mua báo
(40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:
Mrs Quan-My-Lan

THÔNG LUẬN

Ấn bản Hòa Lan

phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
do **Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam**
(Stichting Mensenrechten voor Vietnam)

Đại diện nhóm chủ trương: **Phan Bá Việt**
Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hòa Lan
Braamlanden 76
7542 CJ Enschede

Telefax: 053.476 75 56 - 024.373.06 52

Giá báo một năm: 30 Euro,
xin chuyển vào trương mục của hội:
Giro nr 6234112

Ổn định hay Nhân quyền?

LTS. Đây là bài phát biểu của giáo sư Đoàn Viết Hoạt tại hội luận "Ổn định ưu tiên hơn Nhân quyền?" do Hiệp hội Nhân quyền Quốc tế tổ chức tại Koenigstein, Đức Quốc, ngày 20.3.99

Thưa Quý Vị,

Hôm nay tôi hân hạnh được có mặt ở đây để trình bày với Quý Vị những ý kiến cá nhân về hai vấn đề quan trọng của thời đại chúng ta: đó là ổn định và nhân quyền.

Đây là thời điểm rất tốt để chúng ta suy ngẫm về vấn đề này vì chúng ta đang ở vào những năm cuối cùng của thế kỷ. Năm ngoái, cộng đồng thế giới đã kỷ niệm 50 năm Ngày Quốc tế Nhân quyền. Năm nay thế giới sẽ bận rộn chuẩn bị cho năm 2000, năm quan trọng chuyển tiếp từ thế kỷ này sang thế kỷ khác. Liệu chúng ta có chuyển được từ thế kỷ này sang thế kỷ khác một cách êm thấm, không rối loạn hay không? Liệu sự chuyển tiếp đó sẽ là một sự chuyển tiếp từ nghèo đói và hỗn loạn sang phồn vinh và ổn định, từ độc đoán sang dân chủ và tự do cho toàn thế giới và cho một số nước hay không?

Để trả lời những câu hỏi trên đây tôi cho rằng trước hết phải đồng ý với nhau về định nghĩa thế nào là ổn định. Nhưng trước khi định nghĩa thế nào là ổn định chúng ta cần xác định rõ rệt rằng chúng ta đang nói về sự ổn định của xã hội con người chứ không phải sự ổn định của thế giới tự nhiên hay của một hệ thống máy móc. Sự phân biệt này rất quan trọng vì sự ổn định của thế giới tự nhiên và của máy móc là sự ổn định của một hệ thống phi nhân, không có con người, một hệ thống có thể tồn tại và vận hành không cần đến sự hiện diện và tham dự của con người. Với con người vừa là người sáng tạo, người hành động, lại là vừa là người được thụ hưởng, thì chắc chắn sự ổn định trong xã hội con người phải mang những tính chất đặc thù cả về cơ cấu lẫn vận hành. Chính bản chất của xã hội con người quyết định tính chất, cấu trúc và sự vận hành của sự ổn định của xã hội.

Ngành xã hội học hiện đại đã khám phá ra rằng đa dạng là một tính chất căn bản của xã hội con người. Sự đa dạng của xã hội con người bắt nguồn từ tính chất đặc thù trong hệ thống gen và trong sự

tiến hóa lịch sử của loài người. Con người khác biệt cả giữa từng nhóm lẫn giữa những cá nhân với nhau. Nói chung thì có hai loại khác biệt trong đời sống con người: khác biệt giữa các cá nhân và giữa các nhóm trong cùng một xã hội, và khác biệt giữa các xã hội, các quốc gia trong cộng đồng quốc tế. Những khác biệt này là những món quà mà thiên nhiên đã trao cho loài người. Những khác biệt đó làm cho đời sống con người đa dạng và phong phú hơn. Những khác biệt đó đã cung cấp cho loài người những sự lựa chọn, những cơ hội và những cánh cửa hầu như vô tận để con người phát triển và luôn luôn tiến hóa. Bất cứ một ý định nào nhằm xóa bỏ tính đa dạng này nhân danh bất cứ lý tưởng nào không những chỉ đưa con người xa rời khỏi tính chất căn bản của xã hội mà còn triệt tiêu mọi cơ hội tiến bộ và phát triển nữa.

Tuy nhiên, khác biệt có thể và sẽ dẫn tới mâu thuẫn và hỗn loạn nếu không được điều phối một cách nhịp nhàng vào hòa điệu. Thực ra tính đa dạng trong đời sống con người chính nó đòi hỏi sự tôn trọng chấp nhận nhau và hợp tác với nhau. Nếu không thì mâu thuẫn và rối loạn sẽ đe dọa chính sự tồn tại của mỗi thực thể xã hội. Qua hàng trăm ngàn năm tồn tại và tiến hoá loài người đã học được một bài học đắt giá. Đó là cả những sự đa dạng lẫn sự điều hợp những đa dạng ấy đều cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của đời sống con người. Loài người chỉ có thể tồn tại và tiến bộ nếu những sự khác biệt được bảo tồn không phải chỉ như những sự khác biệt nhưng như những yếu tố cần thiết và tích cực cho sự tiến hóa của đời sống con người. Nói một cách khác loài người không thể tiến bộ nếu không có những cố gắng để tiến bộ một cách đa dạng và cạnh tranh. Đồng thời loài người cũng không thể tồn tại trong mâu thuẫn và rối loạn. Trên thực tế, hai mặt này của đời sống con người quyết định những nguyên tắc chỉ đạo cho cả cơ cấu lẫn sự vận hành của xã hội loài người. Đây là điều mà ngày nay chúng ta gọi là "thống nhất trong đa dạng", một nguyên tắc được dùng để làm

sáng tỏ tương quan giữa ổn định - cần cho tồn tại- và đa dạng - cần cho tiến bộ- và được dùng để điều hòa chúng.

Trong nội dung thực tế đó, ổn định trong hòa điệu xã hội khác hẳn với sự ổn định được duy trì bởi quyền lực độc tài. Sự ổn định được định nghĩa trong nguyên tắc "thống nhất trong đa dạng" chỉ có thể duy trì được bằng pháp trị và bằng sự đồng thuận, chứ không thể bằng bạo lực và đàn áp. Chúng ta đề cao sự ổn định này chứ không phải sự ổn định do các nhà độc tài đưa ra như là một cái cớ để duy trì độc quyền chính trị của họ. Ổn định trong nguyên tắc "thống nhất trong đa dạng" chỉ có thể đạt được bằng việc thực thi các quyền tự do: tự do phát biểu và trao đổi ý kiến, tự do thông tin và tiếp nhận thông tin, cởi mở và tự do tiếp thu kiến thức, tự do ganh đua và lựa chọn về văn hóa và chính trị. Hiểu như thế sự ổn định hoàn toàn không gây cản trở và mâu thuẫn với nhân quyền. Trái lại ổn định sẽ tạo một khung cảnh luật pháp và dân chủ thuận lợi cho việc tôn trọng và thực thi nhân quyền. Tương tự như vậy sự tôn trọng và thực thi nhân quyền sẽ bảo đảm được sự ổn định thông qua pháp trị và đồng thuận xã hội. Sự ổn định như thế sẽ mở rộng cánh cửa cho tiến bộ và phát triển đồng thời làm cho những khác biệt và đa dạng được thống nhất và hòa điệu.

Để kết luận, tôi cho rằng không có sự mâu thuẫn nào giữa nhân quyền và ổn định. Chỉ có những nhà độc tài muốn duy trì sự ổn định bằng bạo lực và áp bức và như là một cái cớ để bảo vệ độc quyền chính trị mới cho rằng nhân quyền là mối đe dọa đối với sự ổn định xã hội. Và do đó mới hết sức vi phạm nhân quyền nhân danh ổn định và thực thi luật pháp. Tôi tin tưởng mạnh mẽ rằng chính vì thế mà chúng ta, những người đấu tranh cho nhân quyền, phải thẳng thắn làm cho những nhà độc tài trên thế giới hiểu rõ điều này dù họ có mạnh tới đâu và dù họ nhân danh bất cứ gì.

Đoàn Viết Hoạt

Hành trình thanh niên trên con đường cách mạng dân chủ

Quốc Hưng

LTS: Quốc Hưng, 24 tuổi, tốt nghiệp kinh tế tài chính trong nước và cử nhân thương mại tại hải ngoại, vì lý do gia đình phải dùng bí danh.

Chỉ còn một năm nữa chúng ta sẽ bước sang thiên niên kỷ thứ ba, một thiên niên kỷ mới đầy ánh sáng văn minh nhân bản trong đó quyền con người được xác nhận ở vị trí cao nhất. Những tiến bộ khoa học xã hội chắc chắn sẽ mang lại ấm no, hạnh phúc, tự do đến cho phần lớn nhân loại, ngoại trừ những quốc gia còn chưa rũ bỏ được ách độc tài, chuyên chế như Việt Nam, những nơi mà quyền sáng tạo, tự do chính kiến, tự do phát triển nhận thức xã hội vẫn còn đang bị đàn áp, gò bó bởi lao tù, giáo dục nhồi sọ và thông tin một chiều. Tại sao người Việt Nam vẫn cam chịu một nền chuyên chính vô nhân đạo như vậy? Vì sao không những trong nước đã không có một phong trào dân chủ thật sự có tầm vóc thu hút được đông đảo quần chúng mà cả ở hải ngoại, sau 24 năm kể từ ngày chủ nghĩa cộng sản thắng thế hoàn toàn tại Việt Nam, các tổ chức dân chủ vẫn chưa dựng nổi một tập hợp thống nhất trong hành động? Không chỉ thanh niên mà bất cứ ai còn tấm lòng hướng về đất nước, hướng về tự do cũng nên tìm hiểu cội nguồn sự thật, phân tích thực tế xã hội nhằm tìm ra câu trả lời và định hướng hành trình tương lai thật rõ trước khi dấn thân vào con đường cách mạng dân chủ.

Phong trào dân chủ hải ngoại

Diễn qua một số sự kiện mắt thấy tai nghe qua giới báo chí, truyền thông hải ngoại, kể cả qua chuyện kể trực tiếp của một số lãnh tụ dân chủ hải ngoại hoặc mới từ trong nước qua thì tiến trình dân chủ đang ngày càng phát triển mạnh, với tốc độ liên minh và hợp tác giữa các đảng phái ngày càng nhanh hơn. Đó là một tiềm năng rất lớn, một tương lai sáng sủa hơn cho phong trào dân chủ. Điều đáng mừng nhất là từ con số hàng trăm thứ đảng phái, phe nhóm to nhỏ khác nhau, ngày nay tựu chung chỉ còn lại chủ yếu bốn tổ chức chính trị lớn nhất, những tổ chức nhỏ đang chết dần vì đường lối lỗi

thời nên thiếu nhân tài trẻ tham gia hay mâu thuẫn nội bộ. Hơn ai hết, chính người Việt lớn tuổi, thế hệ 40-50 tuổi hoặc lớn hơn, hiểu rõ sự phân hóa chia bè kéo đảng, thiếu đoàn kết, thiếu tổ chức mạnh và đường lối phù hợp đã làm hại cho phong trào quốc gia dân chủ từ xưa cho tới gần đây như thế nào. Do đó sự rút bớt về số để phình to về lượng là điều thiết yếu nhất để rồi tiến tới phát triển về chất của các tổ chức dân chủ.

Một nguyên nhân chính đưa đến thành quả kể trên là những suy thoái không cách gì thoát nổi của những lực lượng quốc gia quá khích, trong khi tư tưởng đấu tranh vì dân chủ lấy bao dung, xóa bỏ hận thù làm nền tảng đã chiến thắng ngoạn mục trên trường chính trị hải ngoại. Không những thế, tư tưởng ấy có thể bắt nhịp dễ dàng với những phong trào tranh đấu dân chủ trong nước chủ chốt do tuổi trẻ, cán bộ cộng sản đã được dân chủ hóa, các tầng lớp dân chúng thấp trong xã hội như nông dân, công nhân vốn đã từng luôn là nền tảng dựa dẫm của chủ thuyết cộng sản và là những tầng lớp bị ảnh hưởng tuyên truyền của chính quyền cộng sản nhiều nhất. Thực lực của phong trào dân chủ hải ngoại đã tiến xa trong những năm gần đây và sẽ còn tiến nhiều hơn trong thời gian ngắn sắp tới.

Vai trò chính của phong trào dân chủ hải ngoại là sự ủng hộ tài chánh cho phong trào trong nước, tạo áp lực quốc tế ép chính quyền cộng sản phải thực hiện tự do nhân quyền hay ít ra phải giảm nhẹ đàn áp và phóng thích tù nhân chính trị. Những ủng hộ này rất quan trọng với phong trào trong nước vì nếu không gây được sự chú ý quốc tế thì phong trào đấu tranh vì nhân quyền trong nước sẽ trầm phần nguy hiểm hơn, đảng cộng sản có thể thủ tiêu hay gây án "tai nạn" cho tất cả những ai dám đứng lên tranh đấu cho dân chủ.

Nhược điểm của phong trào dân chủ hải ngoại còn khá nhiều. So sánh giữa tình hình đấu tranh dân chủ trong nước là đường lối tranh đấu tại hải ngoại còn quá nhiều khác biệt. Những khác biệt này là do cuộc sống xa cách tình trạng thực tại của xã hội Việt Nam.

Người đấu tranh ở hải ngoại chủ yếu là giới trí thức thường mắc một lỗi lớn đó là cố gắng áp dụng những đường lối đấu tranh không phù hợp với thực tế Việt Nam. Điển hình nhất là mọi nỗ lực đưa báo chí tuyên truyền từ hải ngoại vào Việt Nam đều chưa đạt được kết quả nào đáng kể cả. Những phương thức truyền tải điển hình như qua hệ Internet, Website, ngay cả khi có nội dung tốt cũng chưa đạt kết quả trong thời điểm hiện tại vì lượng người sử dụng và có computer ở Việt Nam chưa nhiều. Thậm chí những vụ tảo bạo theo kiểu cướp máy bay để rải truyền đơn đều là vô dụng, hình ảnh cho dù rất can đảm đó chỉ đến với đa số nhân dân qua hình ảnh cướp máy bay mà thôi.

Phong trào dân chủ hải ngoại tuy luôn nỗ lực vận động giới trẻ tham gia nhưng chưa có những phương án phát triển về chiều sâu tư tưởng mà chủ yếu chỉ chú trọng về số lượng tham gia. Một điều cần lưu ý là không phải chỉ có một tổ chức dân chủ đã dùng cách "dụ lừa bằng cà rốt", vẽ ra những triển vọng huy hoàng nhất nhằm thuyết phục thanh niên hải ngoại hướng về tổ quốc, đấu tranh cho tự do dân chủ. Đáng buồn là nêu ra những triển vọng lớn chủ yếu dựa trên sự kiện rằng họ có thể đạt được những địa vị cao trong chính quyền hoặc những thứ mà họ sẽ không bao giờ có thể đạt được tại hải ngoại. Đành rằng cần nêu ra được một tương lai sáng sủa để thanh niên hăng hái tham gia, nhưng chỉ e rằng tư tưởng vụ lợi cách mạng ấy sẽ càng ngày càng phát triển và tồn tại trong giới lãnh đạo ngày mai. Khi ấy người dân Việt sẽ phải kêu trời cho cái khổ "tránh vô đưa dụng vô đưa".

Người cộng sản đã từng lợi dụng chiêu bài đánh đuổi ngoại xâm, thống nhất đất nước làm sức keo đoàn kết đại đa số nhân dân tham gia và sức mạnh tinh thần to lớn này quả đã tạo nên những sự tích phi thường, nay không lẽ nào. Đấu tranh cho dân chủ, cho công bằng xã hội, chống độc quyền bạo ngược lại không có ý nghĩa lớn nào sao? Chẳng lẽ phe dân chủ hải ngoại đang ngày càng lớn mạnh hơn so với đầu thế kỷ cả về chất và lượng lại không đào tạo ra được những nhân tài

có tấm lòng yêu nước thiết tha sao? Người viết hoàn toàn tin là cộng đồng hải ngoại hiện nay và tương lai sẽ có những nhân tài ấy, cũng như trong nước vẫn có những người như vậy dù tình hình xã hội rất khó khăn cho phát triển tư duy và thẩm nhuần tư tưởng dân chủ. Vì đó là chân lý cho sự trường tồn của dân Việt như Cáo Bình Ngô (Nguyễn Trãi) đã tự hào viết:

Từ Đinh, Lê Lý Trần bao đời gây nền độc lập,

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau song hào kiệt đời nào cũng có...

Một nhược điểm khác của phong trào dân chủ hải ngoại là cho tới nay vẫn chưa có một dạng liên minh hay mặt trận thống nhất về tư tưởng và phương cách đấu tranh giữa các tổ chức. Trong số các đảng phái và liên minh lớn của hải ngoại còn tồn tại, có những đảng phái và liên minh coi nhẹ bắt tay hợp tác với các chiến sĩ đấu tranh trong nước, một số còn dùng những hành vi lợi dụng, ngăn chặn ảnh hưởng chính trị, để giành quyền phát triển và lãnh đạo cho riêng phe phái mình. Nhiều phe còn quá khích, thiếu hiểu biết dân chủ dân đến chà đạp lên tự do chính kiến của người khác, thậm chí dùng bạo lực tấn công họ. Phong trào dân chủ hải ngoại nhất thiết cần lên án gay gắt những con sâu làm rầu nồi canh này.

Phong trào dân chủ trong nước

Dù sống trong tình trạng luôn luôn bị đàn áp, thiếu thông tin, thiếu môi trường tự do để phát triển, phong trào dân chủ trong nước vẫn đang có những thắng lợi rõ rệt tuy còn rất giới hạn về nhiều mặt.

Nội bộ đảng cộng sản đã phân hóa nghiêm trọng, vụ án Nguyễn Hộ - Lê Đình Mạnh hay Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ là một bước ngoặt, một ngòi nổ quan trọng chưa biết khi nào bùng lên thật sự. Ngoài ra, những vụ chống đối đảng cộng sản khác như vụ tướng Trần Độ, Hoàng Minh Chính, Tiểu Dao Bảo Cự... cũng là những bức phá vào thành trì đảng Cộng sản, có khác chăng là những chống đối này không có tổ chức nên rất dễ bị dập tắt bằng một vài sắc lệnh đơn giản mà đảng cộng sản vừa ban hành như tù tại gia, cách ly với quần chúng bên ngoài. Những nhân vật dân chủ trên dù có muốn hành động cũng

không thể hành động gì hơn được nữa. Dù họ có nổi tiếng qua những bài viết đã được truyền trước ra hải ngoại thì nay họ cũng không thể tác động thêm được gì lên quần chúng vì vậy khả năng vận động thực của những cá nhân này rất giới hạn.

Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ bao gồm những đảng viên cộng sản giác ngộ tinh thần dân chủ và là điểm hẹn của rất nhiều kẻ sĩ Việt Nam cùng hướng về mục tiêu chung là đưa phong trào dân chủ đến thành công, chuyển đổi nền chuyên chính vô sản sang nền dân chủ tự do, chấp nhận đa nguyên chính trị như một sự tồn tại tất yếu với bản thể của xã hội loài người. Dưới sự lãnh đạo của hai ông Nguyễn Hộ và Lê Đình Mạnh, câu lạc bộ đã chuyển hóa hoàn toàn sang đối lập với chính quyền cộng sản. Lần đầu tiên trong lịch sử 69 năm tồn tại, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã bị thách đố bởi một tổ chức lớn gồm những đảng viên đã từng là đồng chí của họ, từng chiến đấu dưới cùng một màu cờ, một lý tưởng.

Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ với những lãnh đạo trên của nó hiểu rõ về đảng cộng sản, về khả năng tổ chức, tuyên truyền, đấu tranh chính trị lẫn quân sự, cũng như mặt mạnh và yếu của nó. Cũng như đảng cộng sản, Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ bao gồm những đảng viên có kỷ luật cao, tinh thần vững chãi đã được trui rèn qua bao năm chiến tranh, đấu tranh đủ loại. Chắc chắn nếu được dư luận quốc tế và người Việt hải ngoại nỗ lực giúp đỡ, câu lạc bộ này có thể đã đưa chính quyền cộng sản tới cáo chung nhanh chóng.

Tương tự tại Trung Hoa, chính quyền cộng sản Việt Nam đã rút tĩa được bài học trấn áp phong trào dân chủ do sinh viên học sinh tổ chức. Vì thế phong trào thanh niên đấu tranh còn bị giới hạn về nhiều mặt. Thứ nhất là do sự thiếu thông tin nặng nề về xã hội dân chủ bên ngoài, lớp trẻ chủ yếu lớn lên sau 1975 đã mặc nhiên bị ảnh hưởng tuyên truyền và nếp sống của xã hội cộng sản. Thứ hai là do chính sách mở cửa mang lại một cuộc sống tốt hơn về mặt vật chất cho dân chúng. Dù gần đây đất nước có bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế Châu Á thì cũng không mấy tai hại đến vị thế của đảng cộng sản vì đa số dân chúng đều cho rằng "đấy là tình hình chung, những xứ giàu hơn như Indonesia, Thái Lan... còn bị thảm hơn ta thì sao?". Ta nên nhớ rằng đại đa số nhân dân không có khả năng lý

giải trọn vẹn về cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội trên. Xin dẫn chứng bằng vài dòng phân tích sơ lược trong một lá thư từ quốc nội của một thanh niên rất giàu nhiệt huyết với phong trào dân chủ sau đây:

"Còn về tình hình Việt Nam, ta không nên phiến diện nhìn từ phía hải ngoại vào mà xét đoán thì không đúng hoàn toàn mà nhiều khi sai lệch phương hướng. Trong nước hiện nay, do ảnh hưởng thiên tai, khủng hoảng kinh tế khu vực và do nhiều luật mới về thuế... mà đời sống rất khó khăn, nhưng tâm lý chung của người dân là muốn sống ổn định để làm giàu. Dù có một số thành phần rất bất mãn nhưng họ cũng không dám làm gì nên tình hình khá lắng đọng".

Đằng sau bộ mặt lắng đọng đó là sự bùng nổ sôi sục sẵn có của thanh niên sinh viên chỉ chờ cơ hội là bùng lên chống đối chính quyền, cho dù trong thực tế họ thực hiện những vụ khuấy động phản đối không có mục tiêu chính trị rõ rệt hay vì phong trào dân chủ. Đó là kết quả của sự mất định hướng trong nhận thức xã hội, là thành quả trấn áp tạm thời của chính quyền cộng sản. Dù sống trong tình hình khó khăn như vậy, giới trẻ trong nước vẫn có những tài năng kết trái, vẫn có những kẻ sĩ đang ẩn mình chờ thời cơ chín muồi để vận động cho phong trào dân chủ. Khác với lớp trẻ hải ngoại, những người tuổi trẻ nhiệt tình với phong trào dân chủ và tiền đồ tổ quốc trong nước lại nhìn rất rõ thực tế xã hội Việt Nam và khi thời cơ đến có thể trở thành lực lượng tiên phong nòng cốt cho phong trào dân chủ.

Bên cạnh hai phong trào có tiềm năng lớn trên, những vụ nổi dậy có tiếng vang như vụ Thái Bình, là những vụ nổi dậy địa phương có tính tự phát chống cường hào ác bá là cán bộ cộng sản chứ không có tính tổ chức vững vàng. Tuy nhiên sự bộc phát trên đã cho thấy hố sâu phân cách giữa dân chúng và chính quyền cộng sản. Đó là bằng chứng hiển nhiên không chối cãi được là đảng cộng sản đã mất lòng dân. Có lẽ ngày nay khi khủng hoảng kinh tế càng làm người dân nghèo đi, chính quyền bắt lực quá nhiều mặt thì hố ngăn giữa chính quyền và nhân dân lại càng sâu rộng hơn. Đảng cộng sản đang dần bị cô lập như trường hợp Đảng Cộng Sản Liên Xô trước ngày Liên Bang Xô Viết sụp đổ hoàn toàn.

Hành lý của thanh niên ngày nay và hướng đi trên con đường cách mạng dân chủ

Thanh niên ngày nay do ảnh hưởng bởi môi trường sống và nguồn thông tin chính trị khác nhau nên quan điểm sống và trình độ hiểu biết về phong trào dân chủ và xã hội Việt Nam cũng rất nhiều khác biệt. Nguyên nhân chính gồm có:

1. Thông tin tuyên truyền bị bung bít, khác biệt và mâu thuẫn.

2. Thiếu tài liệu tham khảo như sử sách, báo chí cũ, tài liệu nội bộ đã được phổ biến của các chính quyền, sách tự thuật của chính khách, tướng lãnh mọi phía...

3. Thiếu sự khuyến khích từ gia đình và xã hội.

4. Thiếu vốn kiến thức cơ bản về chính trị và lịch sử đất nước, do đó không thể hấp thụ thêm kiến thức dù được sống những môi trường rất đầy đủ điều kiện học hỏi, phát triển.

Có thể nói, nếu đem so sánh ưu và nhược điểm của hai phía thanh niên, hải ngoại và trong nước, thì cả hai đều có điểm hay và điểm chưa được trọn vẹn.

Thanh niên sinh ra và lớn lên trong nước trước đây do bị ảnh hưởng của hệ thống tuyên truyền qui mô của đảng cộng sản nên phần lớn có quan niệm còn rất tiêu cực về xã hội dân chủ bên ngoài, đặc biệt là về các phe phái hải ngoại. Sự bung bít thông tin làm họ chỉ quen tiếp xúc với những hình ảnh tuyên truyền đẹp đẽ về Hồ Chí Minh và đảng cộng sản. Thông qua báo chí, truyền thanh, truyền hình, những tài liệu phỏng vấn các danh nhân hay tư bản ngoại quốc ủng hộ đảng cộng sản, thanh niên ở lứa tuổi từ 30 trở xuống đa phần đều bị khủng hoảng trong cái nhìn về chính quyền Sài Gòn xưa, vô hình chung cảm tình của họ nghiêng về phía đảng cộng sản. Từ sau 1986, khi chính sách mở cửa được áp dụng xã hội như được tiếp thêm sức sống, không những về mặt kinh tế phát triển mà cả về thông tin cũng tăng thêm phần đa dạng. Đảng cộng sản do đó càng ngày càng khó khăn trong cố gắng kiểm soát thông tin. Thanh niên vì thế đã mau chóng tiếp thu được nhiều điều mới lạ từ nước ngoài mang vào. Tùy theo nhận thức, họ phân ra làm nhiều bộ phận. Một bộ phận lớn chỉ mong học cho xong để xin được một việc làm tốt, có một cuộc sống an nhàn dư dật là đủ. Một bộ phận nhỏ nhưng đang lan rộng trong giới thanh niên như một

con dịch là ham muốn ăn chơi, hưởng thụ, chích choác, nghiện ngập, không còn ý niệm về trách nhiệm với gia đình, với xã hội. May mắn sao, vẫn còn một bộ phận tuy chiếm tỷ lệ rất nhỏ nhưng so với thời kỳ 1980-1989 đã lớn hơn nhiều là những thanh niên giàu nhiệt huyết với đất nước, với dân tộc. Dù sao đi nữa lực lượng thanh niên yêu nước này hiện nay vẫn còn mơ hồ trong nhận thức cách mạng và hướng đi, nguyên nhân chính như sau:

1. Sự thất bại của các lực lượng dân chủ trong nước và hải ngoại đã không thể mang thông tin tuyên truyền tới đại chúng. Một ví dụ điển hình đó là ngay cả những nhóm thanh niên sinh viên hăng hái nhất cũng không biết gì mấy về các tù nhân chính trị nổi tiếng như giáo sư Đoàn Viết Hoạt, bác sĩ Nguyễn Đan Quế... Những vụ nổi dậy như Thái Bình chỉ đến với quần chúng rất sơ lược và được mô tả như một nhóm những kẻ phá rối an ninh xã hội cần được dẹp bỏ.

2. Sự thất bại trong chuyển đổi cơ cấu xã hội hậu cộng sản của Nga và một số các nước Đông Âu mà chúng đã mau chóng được Đảng Cộng Sản Việt Nam thổi phồng lên như một sự thất bại tất yếu của chủ nghĩa tư bản. Sự thất bại được tô đen thêm của Nga và các nước kể trên đã giáng một đòn tâm lý nặng nề lên thanh niên Việt Nam vốn vẫn còn mơ hồ trong tư tưởng, nó mang đến sự hoài nghi những giá trị thật của một xã hội dân chủ. Bên cạnh đó những quốc gia Châu Á dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản (như Trung Quốc), của chính quyền độc tài, hay chưa thực sự dân chủ, như Malaysia, Nam Dương, Đài Loan, Thái Lan, Nam Triều Tiên, Singapore... đều rêu rao thống nhất ở giá trị chung của Châu Á "không chấp nhận dân chủ kiểu phương Tây". Những quốc gia nằm trong khu vực kinh tế phát triển mạnh nhất thế giới này đã luôn luôn thách thức kiến thức về dân chủ của thanh niên Việt Nam.

Hai nguyên nhân lớn vừa kể giải thích sự trì trệ trong phong trào thanh niên tại Việt Nam. Bên cạnh những mặt hạn chế vừa kể trên, thanh niên trong nước có một ưu điểm lớn mà thanh niên hải ngoại không có là họ nắm rất vững về thực tế xã hội, về điểm mạnh yếu của chế độ cầm quyền, điểm quan tâm chính, phụ của quần chúng nhân dân. Những kiến thức này vô cùng xung yếu nếu muốn một cuộc cách mạng dân chủ thành công

tại Việt Nam.

Thanh niên hải ngoại, tựu chung nhờ được nuôi dưỡng trong những môi trường đầy đủ vật chất, tiếp cận với đa dạng thông tin, văn hóa nên có được hiểu biết dân chủ vững vàng hơn các bạn đồng trang lứa trong nước. Qua giáo dục và đời sống xã hội phong phú đa dạng của các nước phương Tây, các bạn trẻ chắc chắn phải có bản lĩnh độc lập suy nghĩ sáng tạo hơn các bạn trẻ trong nước. Đây là điều đáng mừng nhất cho dân tộc Việt Nam vì càng có nhiều người Việt thông minh tài giỏi thì càng có nhiều hứa hẹn cho một cuộc đổi đời cho dân tộc, càng có nhiều cơ hội đưa đất nước thoát khỏi đói nghèo lạc hậu, tiến đến một kỷ nguyên dân chủ, ấm no hạnh phúc.

Điểm thiếu sót lớn nhất đó là phần lớn các bạn trẻ còn chưa nắm được thực tại đất nước, chưa hiểu cặn kẽ về lịch sử Việt Nam, bên cạnh đó do báo chí Việt ngữ hải ngoại còn thiếu tính lịch sử công bình nên chưa nêu ra được sự thật trong quá khứ vì thế nhiều bạn có những ngộ nhận rất tai hại cho quá trình dân chủ hóa chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc ngày nay.

Điểm mấu chốt trong chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc là những người dân chủ yêu nước (dân chủ thật sự chứ không phải chống cộng cuồng tín) mở rộng vòng tay thân ái với những người cộng sản yêu nước đã được dân chủ hóa. Xóa bỏ hận thù quá khứ, vì tương lai dân tộc đoàn kết cho một cuộc cách mạng dân chủ hóa đất nước. Để hiểu được điều này một cách rõ ràng, ta phải nắm vững chân lý cơ bản nhất của lịch sử đó là lịch sử là một dòng chảy không ngừng, người ta có thể tạm thời chuyển hướng chảy của nó nhưng không ai có thể làm nó dừng lại vĩnh viễn hoặc bắt nó chảy ngược về nguồn, con người vừa chủ động vừa thụ động tham gia vào dòng lịch sử.

Một học giả người Anh tên Griffin, trong cuốn sách *The Peoples's War* (Chiến Tranh Nhân Dân), nói rằng sự thành công của phong trào cộng sản Trung Quốc và Việt Nam là sự tất yếu của dòng lịch sử trong giai đoạn đã qua. Nhìn vào lịch sử một cách công bình, phê phán đúng sai không thiên vị, ta sẽ hiểu rằng người cộng sản thắng lợi là do đại đa số nhân dân đã ủng hộ họ vì những khẩu hiệu của họ nêu ra được nhiều điểm trọng yếu cần thiết cho nhân dân. Đó là đòi

công bằng xã hội, đòi quyền lãnh đạo về cho đại đa số nhân dân, những người nghèo khổ đứng dưới tận cùng của kim tự tháp xã hội. Dưới những khẩu hiệu ấy đã có biết bao người Việt Nam trí thức yêu nước chân chính đã hăng hái tham gia, xả thân đổ máu trong hàng ngũ cộng sản. Để rồi rất nhiều người có trí thức ấy vụt hiểu ra chủ nghĩa cộng sản không còn thiết thực nữa, nó không có khả năng đưa dân tộc tới ấm no hạnh phúc được nữa mà chỉ có tự do dân chủ mới làm được, nên những Trần Độ, Nguyễn Hộ, Bùi Tín... mới dấn thân cho phong trào dân chủ. Điểm mấu chốt ở đây là ta không nên để tư tưởng hận thù, căm ghét tồn tại mà phải thông cảm, phải thật sự hòa giải với những người đã giác ngộ tư tưởng dân chủ.

Thanh niên hải ngoại vì thế nên quan tâm hơn nữa đến thực tế trong nước thông qua những chuyến hồi hương hay tham gia những diễn đàn tuổi trẻ. Cố gắng nuôi dưỡng một tư tưởng cởi mở, công bằng để thực hiện đúng sứ mệnh của những người dân chủ nhằm đáp ứng được đầy đủ mong mỏi thiết tha của nhân dân.

Thanh niên Việt Nam, nói chung, nên tích cực tham gia các diễn đàn dân chủ, những tổ chức dân chủ, tích cực tìm hiểu để hoàn thiện những nhược điểm của mình. Một diễn đàn quốc tế dành cho tuổi trẻ trong và ngoài nước là rất quan trọng. Diễn đàn này có thể bước đầu thông qua những ý kiến bàn luận trên một tờ báo, qua một trang e-mail... Sau này có thể cùng nhau xây dựng những liên hội thanh niên tạo sức hỗ trợ mạnh hơn cho phong trào thanh niên trong nước, đồng thời đóng góp tạo nên móng cộng đồng vững vàng hơn tại hải ngoại thông qua các thể thức bang hội kinh tế, các hoạt động văn hóa, từ thiện, v.v...

Sẽ không bao giờ là quá sớm hay quá trễ cho những ai muốn làm nên lịch sử. Với những ước mong tốt đẹp, thanh niên Việt Nam sẽ cùng tiến tới chủ động đưa dòng lịch sử dân tộc đi về đúng hướng của nó và tạo nên những trang sử mới vẻ vang hơn cho dân tộc Việt.

Nhiệt liệt hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp, xin gửi về địa chỉ e-mail: mle@uk.packardbell.org.

Quốc Hưng

Có cần chống Khổng Giáo?

Doan Hùng

Chỉ cách đây hơn một trăm năm ông cha chúng ta còn coi Tây phương như một lũ "bạch quỷ" mọi rợ, thiếu văn hóa cho đến khi bị cái lũ này đánh cho một trận đòn đến nơi đến chốn thì các cụ mới sáng mắt ra. Kể từ đó mới "húi hè, húi hè này! bỏ cái ngu này! bỏ cái đại này". Các cụ húi tóc, cầm ba toong, dận giày da, học tiếng tây.. Và từ đó đến nay con cháu các cụ nhắc đi nhắc lại luận điểm "vì cụ Khổng mà chúng ta lạc hậu" như là một chân lý bất khả tư nghi! Nhưng..

Có thật là vì Khổng giáo mà Trung Hoa và các nước Đông Á kéo dài sự trì trệ cả ngàn năm không?

Nếu ta xét lại toàn bộ lịch sử 20 thế kỷ qua thì cái "chân lý" này khó đúng vùng. Giải thích thế nào đây khi trong mười lăm thế kỷ đầu nếu Á Đông nếu không hơn thì cũng chẳng thua Âu Châu trong cổ lạc hậu là mấy! Thế mà hai bên cho đến ngày nay nào có thay đổi cái "đạo" của mình? Âu châu nào có phải đã "dân chủ, khai phóng" cả ngàn năm để có được ngày nay? Khổng giáo trì trệ mà sao không cản được sự tiến bộ của Á Châu trong thời đó? Đứng ở thời nhà Đường, khi Trùng An là "kinh đô thế giới"(1), người ta phải thốt lên: "nhờ cụ Khổng"! Thời nhà Tống văn hóa Trung Hoa phát triển rực rỡ, Nho giáo du nhập, dung hòa thêm tư tưởng Phật giáo mà sinh ra Tống Nho (một thứ mà ngày nay chúng ta cho rằng thật tệ hại!). Đứng ở thời Nguyên, Thanh người ta lại phải thốt lên: "nhờ cụ Khổng mà bọn Mông Cổ, Mãn Châu tuy chinh phục được Trung Hoa mà lại biến thành.. tầu!". Không nói đâu xa, nước Đại Việt từ khi thu hồi độc lập cũng tự nguyện phát triển Khổng giáo, du nhập hệ thống thi cử, quản lý xã hội v.v. Sự hùng cường của nước ta trong thời đại gọi là "phong kiến" (tương đối so với láng giềng!) phải chăng cũng có sự góp sức của Khổng giáo?

Sau thế kỷ 15 Âu Châu càng ngày càng qua mặt, nhưng cũng phải chờ cho đến giữa thế kỷ 19 mới "thò tay" vào được Đông Á. Điều gì khiến cho nơi này bị thuộc địa hóa sau nhất so với nơi khác (cùng rất văn minh) như Ấn Độ, Nam Dương..?

Với chiều dài lịch sử như thế "chân lý" trên sai hết ba phần tư! Di nhiên ta lại có thể phản bác rằng chân lý nào mà chẳng tương đối. Chúng ta sống thời đại ngày nay thì có cái chân lý ngày nay! Sự nghèo nàn cơ cực, tù túng của Á Châu chẳng phải là những bằng chứng hết phương chối cãi hay sao? Nhưng khoan vội đã! Thời đại chúng ta sống cái gì cũng nhanh cả. Cả đến "chân lý" cũng thay đổi xoành xoạch. Đang nghèo nàn lem luốc, các nước con.. chuột nghiêng răng lại làm lụng.. Đùng một cái hoá hổ báo rùng. Thiên hạ té ngựa tìm nguyên nhân rồi gật gù nói "tại cụ Khổng"! Mà cả "ông Tây" cũng nói vậy chứ nào phải ai!

Lại đùng một cái, con hổ.. gậy rãng, con rỗng sút móng. Thiên hạ nhao nhao lên, có kẻ khoái chí thốt lên: "thấy chưa! đã bảo mà! tại cụ Khổng". Thôi thì đủ thứ nguyên nhân: thiếu tự do, thiếu sáng tạo, xơ cứng, bảo thủ vân vân và vân vân..(2) Nói như vậy thì nói gì nữa! Bạn sẽ bảo: thế là chân lý.. ba phải chứ còn gì nữa! Tôi đưa ra điều này không phải là để bảo vệ cho ông "ba phải" mà chỉ muốn nhấn mạnh là chúng ta cần thận trọng vì cũng như các tư tưởng, tôn giáo khác, cái gì đã tồn tại hàng ngàn năm và cũng có thời có tác dụng tốt của nó, thì "bên trong hẳn lắm điều hay" mà không chừng chúng ta vẫn còn có thể dùng được! Trong giòng lịch sử có những nền văn minh phát triển cực cao rồi bạo phát, bạo tàn.. Nền văn minh Trung Hoa có đặc điểm là rất lý lợm, nó có vẻ.. bày bày, hồ hồ như một tiệm chụp phôi! Nhưng nó.. sống dai, có sức thu hút không nhỏ, và điều đó tất phải có nguyên nhân của nó!

Khổng giáo là lợi khí của các chế độ độc tài và các nước cộng sản cuối cùng là các nước chịu ảnh hưởng của đạo Khổng?

Điều này theo tôi nghĩ chưa hẳn đúng. Sự kiện các nước chịu ảnh hưởng Khổng giáo vẫn còn theo cộng sản trong khi ở Âu Châu đã bị xập tiệm không mình chứng được sự tai hại của cụ Khổng. Nhìn một mặt khác phải thấy là chế độ CS ở Nga nơi hoàn toàn thiếu vắng "cụ" kéo dài hơn Trung Hoa những hai mươi năm. Ngoài ra chế độ Castro tuy sát nách Mỹ nhưng vẫn tiếp tục tồn tại thì ta phải giải thích sao

đây? Tất nhiên trong Khổng giáo có nhiều điểm mà giới cầm quyền nào cũng lấy làm thú vị! Nhưng đây nào phải là biệt lệ của Khổng giáo? Ở Âu Châu các chế độ phong kiến cũng lợi dụng giáo hội để củng cố quyền lực của mình. Nếu tuyệt đối hóa mối quan hệ nhà nước- giáo hội đó thì sẽ dẫn đến nhận định sai lầm của người cộng sản: "tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân"! Trong Khổng giáo vừa có "quần tử như gió, tiểu nhân như cỏ" lẫn "dân vi quý.. quần vi khinh". Dĩ nhiên kẻ ở địa vị thống trị thường thích quên cái về thứ hai đi! Mà cái tình hay quên này không phải chỉ có ở các ông vua đâu. Ngay trong chế độ dân chủ người dân cũng phải luôn luôn điều trị cái bệnh mau quên của các chính khách!

Có hai lý do khiến cho các chế độ CS phương đông sống dai đó là: Một là họ "lâu" hơn! biết xử xử bấp kịp thời bằng biện pháp "đổi mới", cho dù nửa vời, vẫn có tác dụng làm dịu mâu thuẫn xã hội để ngăn cản một sự bùng nổ. Hai là tính hữu hiệu của bộ máy đàn áp của cường quyền. Chúng ta có thể "sốt ruột" khi nhìn thấy tình hình trì trệ đó, nhưng không thể đổ tội cho cụ Khổng! Thử so sánh xem: Cùng ảnh hưởng Khổng giáo nhưng ở các nước Nam Hàn, Đài Loan, và Nam Việt Nam cũ dân chúng vẫn xuống đường biểu tình âm ỉ. Qua đó các thể chế dân chủ phương đông được xây dựng và hoàn thiện dần dần. Còn ở Trung Quốc, Bắc Hàn, Việt Nam thì viễn tượng dân chủ còn khá xa vời. Ảnh hưởng của Khổng giáo trên sự tồn tại của các chế độ này liệu có là lý do chính không? Chế độ tồn tại vì đảng viên CS giữ chữ "trung" với Đảng? Tôi e rằng không! Có "trung" thì cùng "trung" với tiền và quyền hơn là với đảng! Người dân quen lối phục tùng nhà cầm quyền theo truyền thống "tiểu nhân như cỏ"? Tôi cũng e rằng không! Chế độ của ông Diệm, một cụ thượng thư thối nát nhàn nhõm giáo, không đứng vững quá chín năm. Người dân còn "sợ" nhà cầm quyền chăng? Có lẽ điều này đúng! Nhưng đó là chuyện thường tình ở khắp nơi trên thế giới khi nhà cầm quyền có một bộ máy đàn áp hữu hiệu. Ở Âu Châu với truyền thống dân chủ lâu dài mà chế độ Hitler, Franco, Honecker, Ceausescu.. đứng vững trong thời gian khá dài(4)! Khi điều kiện tích lũy chưa được đầy đủ thì không thể mong chờ người dân dám "ương ngạnh" với chính quyền, và ở đâu cũng vậy thôi! Có hay không có cụ Khổng thì điều đó cũng không ảnh hưởng gì!

Chúng ta có cần chống ảnh hưởng Khổng giáo?

Như đã nói ở trên, nhà cầm quyền nào cũng "thích" cắt xén lý thuyết theo ý đồ của mình. Không ai đang cầm quyền lực mà lại dờ dơi đi thích người dân.. xuống đường! Họ muốn người dân giữ phận "tiểu nhân như cỏ" là chuyện của họ. Xin lấy một ví dụ: Ta có mỹ tục thờ cúng ông bà, nhà cầm quyền mang ảnh hưởng để kể lên bàn thờ, bắt dân lễ bái, thì cái đồ ở đây nào có phải là bản thân cái bàn thờ! Chẳng lẽ vì thế mà ta tung hô tất cả? Mà nếu chúng ta cần chống Khổng giáo thì thử đặt câu hỏi: chúng ta có cái gì để mà chống? Bởi vì liệu đất nước ta có còn một thứ gì có thể thực sự gọi là Khổng giáo?

Ông vua cuối cùng đã chết, các cụ tú, ông nghè, quan huyện, quan phủ đã xuống mồ trờm trờm cũng đến nửa thế kỷ? Bộ khung cho Khổng giáo đã mất nhưng tư tưởng còn tồn tại chăng? Cùng e rằng không! Có ai còn giữ được chữ "trung"? Nếu như "đầy vai không Khã.." thì ông cụ thượng thư truat phé ông cụ hoàng đế! Ai giữ được chữ "tín"? Cứ so sánh thương gia Việt Nam và Trung Hoa thì sẽ biết! Trong khi chữ tín có thể là một yếu tố lớn dẫn đến thành công của các con rồng. "Lễ nghĩa" thì giữ được.. đại khái còn "tam tông tứ đức" là để.. các ông nói cho sướng miệng..

Chúng ta còn giữ được gì có thể gọi là di sản của cha ông? Chúng ta cứ định ninh là Việt Nam chịu ảnh hưởng Khổng giáo. Khi các nước con Hồ thành công chắc hẳn không ít người Việt hí hửng tưởng mình rồi cũng khá! Đờng vẫn đờng chúng mà ily! Tôi còn nhớ ông Lý Quang Diệu, trong một bài viết, đã nhấn mạnh là khi ông bàn về các nước Khổng giáo thì chủ yếu là về các nước: Trung Hoa, Đài Loan, Đại Hàn, Nhật Bản, Singapore. Tuyệt nhiên ông không đã động gì đến Việt Nam! Cơ hồ như ông muốn loại cái anh "tây lai" ra khỏi cái "câu lạc bộ" quý hóa của mình. Thế đấy! Cứ tưởng bỏ! Ông có lý chăng? Tôi e rằng có!

Hãy dỡ một quyển sử hay sách nói về văn minh, nghệ thuật thế giới ra thì thấy các tác giả tây phương rất lúng túng khi xếp đặt chương nói về Việt Nam. Thông thường họ chia ra khối Đông Á: Trung hoa, Nhật Bản, Triều Tiên, khối Đông Nam Á: Thái Lan, Campuchia, Nam Dương v.v. Còn Việt Nam bỏ đâu cũng không lọt! Bỏ vào Đông Á thì không có gì xuất sắc, mà địa lý lại không chính! Bỏ vào Đông Nam Á thì Việt Nam.. không giống ai, lại trông có

về tàu tàu thế nào ấy. Sự lúng túng ấy tất phải có lý do làm ta suy nghĩ. Ấy là nói về thời xưa, chứ ngày nay nếu so sánh với láng giềng thì có thể nói là Việt Nam là nước triệt để nhất, "kiên quyết" nhất trong sự.. đoạn tuyệt với quá khứ. Có thể nói ta đã đánh mất chính mình. Có thể nói ta đã chịu ảnh hưởng của tây phương hơi nhiều! Cần nhấn mạnh sự khác biệt như trời với đất của "bị ảnh hưởng" và "học hỏi". Đánh mất chính mình ta cũng đánh mất luôn khả năng học hỏi.

Khổng Tử có ảnh hưởng nào trên tư tưởng Việt Nam chăng?

Đến đây bạn có thể nghĩ là người viết bài này là một cụ già lẩn thẩn và cổ hủ dăm bệnh vực cho một chủ thuyết đã lỗi thời, đáng vất vào sọt rác! Xin nói ngay: cho dù bệnh vực cho Khổng giáo nhưng thật ra, nói cho ngay, tôi không hiểu gì về.. Khổng giáo hết trơn! Và điều đó tuy đáng xấu hổ, nhưng xin tha lỗi cho tôi! Tôi cũng chỉ giống như 99% người Việt khác mà thôi. Từ khi các cụ "vất bút lông đi, lấy bút chì", xóa bỏ cái học hán nôm để truyền bá chữ quốc ngữ thì những thế hệ sau bị cắt đứt với quá khứ một cách triệt để. Phần lớn chúng ta (ngay các cụ cỡ 100 tuổi!) đều không có khả năng đọc trực tiếp Khổng Tử cùng như các tác phẩm khác của A Đông. Nếu không ai dịch thì phần lớn đành.. chịu chết. Trên thế giới có dân tộc nào được may mắn như chúng ta là được đọc tác phẩm của chính dân tộc mình.. qua bản dịch? Tôi dám bảo đảm rằng phần lớn người có học Việt Nam (như kể viết bài này) không hiểu Lê Quý Đôn, Nguyễn Du... bằng bà con lao động hiểu Lương Triều Vi, Lý Tuyết Hoa. Đơn giản là phim bộ Hồng Kông được càn mần "dịch thuật" nhiều hơn. Bản thân tôi khi muốn tìm hiểu về Khổng giáo thì không có cách nào khác hơn là đọc ba tác phẩm của học giả Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Đăng Thục hay của cụ Phan Bội Châu, Trần Trọng Kim... và thế là hết! Vì không còn nhiều học giả cho ngành văn hóa A Đông nên cái biết của khá nhiều người cũng chỉ được giới hạn đến thế. Xin lấy một ví dụ khác: Khi nhắc tờ bộ luật Gia Long thì ai nấy đều cho là đây là một bộ luật sao chép lại luật nhà Thanh, thua xa luật Hồng Đức. Điều này thường hay được nêu lên như bằng chứng về sự "nô lệ" của nhà Nguyễn. Bản thân tôi cũng tin điều đó là đúng cho đến khi đọc được bản dịch thì mới biết đó chỉ là ý kiến của giáo sư Vũ Văn Mẫu được người khác

lập đi lập lại. Tôi tin là phần lớn người nhắc lại luận điểm của giáo sư không hề kiểm chứng lại bằng cách đọc bộ luật này một cách nghiêm túc. Không phải tại "lười" mà đơn giản là vì thiếu hẳn kiến thức để thực hiện việc đó, nói tóm lại chúng ta.. mù chữ. Điều tệ hại này, tôi nghĩ không thể xảy ra nơi người Nhật hay Đại Hàn nơi mà văn tự truyền thống không biến thành "tử ngữ".

Chữ quốc ngữ từ lâu được coi là một lợi thế của dân tộc ta để phát triển văn hoá. Nó quả là tiện lợi, trẻ con học ba tháng đã biết viết, bỏ vào Computer thì ai cũng có thể đánh băng băng. Nhưng xét lại xem! Người Trung Hoa và Nhật Bản nào có mù chữ, dốt nát hơn người Việt Nam. Chữ quốc ngữ gần với Tây Phương ta có thể học hỏi nhiều hơn? Đáng ngờ lắm! Chắc gì ta hiểu tây phương hơn người Nhật, người Tàu? Cái lợi của chữ quốc ngữ chưa chắc bù được cái hại của sự đánh mất gốc rễ.

Lẽ dĩ nhiên không sức mạnh nào có thể phục hồi được hán nôm. Tôi chỉ lấy ví dụ này để chúng ta có những cái tưởng như dở mà vất đi thì trong tương lai có hối cũng không kịp. Không phải chỉ có "Tây" bắt ta bỏ nền học vấn cũ, mà chính các cụ của ta muốn canh tân mà tự mình phát triển quốc ngữ. Suy nghĩ lại ta thấy tại sao tiếng Nhật ít âm tiết hơn tiếng Việt, là tinh hóa hẳn dễ dàng, mà họ vẫn "bảo thủ" mà giữ lấy chữ kanji? Phải chăng trong sự "bảo thủ" ấy chứa đựng tầm nhìn xa, một sự cân nhắc đến nơi đến chốn của họ [3]. Và đằng sau sự thành công của Nhật Bản chắc hẳn có những chiều sâu mà ta cần học hỏi.

Trở lại vấn đề Khổng giáo, tôi tin là: tuy còn "đồng chủng" nhưng chẳng còn "đồng văn" nên có lẽ ông Lý có lý khi ông loại Việt Nam ra khỏi "câu lạc bộ" của mình. Khổng giáo tuy còn ảnh hưởng trong lối sống người Việt, và nó không còn tồn tại thực sự với tư cách học thuật, tư tưởng. Và theo sự suy nghĩ của tôi, đây cũng là điều tệ hại.

Người Việt, trí thức Việt phần lớn không còn hiểu Khổng giáo nên mọi sự dù phê phán hay bênh vực đều mang nhiều cảm tính! Không hiểu rõ nên cái hay ta chẳng thể phát huy, cái dở ta chẳng thể khử trừ. Dù muốn dù không dân tộc ta cũng sống với nền văn hóa đó cả ngàn năm, thấm sâu vào máu thịt chúng ta, và mọi sự phát triển, cho dù mới đến đâu thì cũng như một thân cây, cần được mọc lên trên gốc rễ của nó.

Có cần đập phá.. ngôi đình?

Tôi nghĩ rằng Khổng giáo ở nước ta cũng như các giá trị truyền thống đang lụi tàn, bởi thế chống Khổng giáo trong thời đại ngày nay cũng như đẩy một cánh cửa đã mở toang hoang, như đập phá một ngôi đình đã đổ nát! Thế giới chúng ta đang sống đang tây phương hóa cực độ, mà nước ta kể ra cũng thuộc loại.. tiền phong trong việc xài đồ ngoại! Tôi xin lấy một thí dụ để so sánh: hoàn cảnh nước ta trong thế giới ngày nay cũng giống như.. trẻ Việt sinh bên Tây! Nghĩa là không cần dạy chúng tiếng tây mà chúng vẫn đương nhiên biến thành.. tây con! Có cần chăng là cần dạy tiếng Việt. Các bậc bố mẹ Việt Nam, với sự cố gắng một cách vô vọng, dạy con mình khoanh tay cúi đầu trước người lớn, cũng khó lòng uốn nắn chúng ra khỏi con đường "khai phóng, tự do"! Và trước sau gì chúng cũng ứng xử một cách "thời đại" là đưa chúng ta vào.. viện dưỡng lão!! Tương tự như thế, chúng ta không còn sống thời đại của các cụ Nguyễn Trường Tộ hay Phan Chu Trinh, để cần phải hô hào "húi hê húi hê" như các cụ nữa, vì chúng ta nào còn có.. bú ti đồ đâu? Ngược lại chúng ta cần bảo vệ, nói cho đúng hơn là nhặt nhạnh những gì đã bị phá hủy, điều tàn! Điều đó có phải là thuần tình cảm không? Tôi nghĩ không hẳn. Hãy nhìn trào lưu bảo vệ môi trường hiện nay trên thế giới: Khi người ta bảo vệ cho một.. con tê giác cũng như các thực vật hiếm thì ngoài lý tình cảm, đạo đức ra còn chứa đựng sự khôn ngoan là trong các loài tưởng như lạc hậu đó có những "hạt giống" đã được sàng lọc, hình thành trong quá trình thời gian dằng dằng, mà nếu tiêu diệt chúng đi, cũng có thể tiêu diệt lấy chính mình!(5) Tóm lại: bảo vệ quá khứ còn mang ý nghĩa bảo toàn cho tương lai! Khổng Giáo, cũng như các tôn giáo hay tư tưởng khác, và các giá trị cổ truyền của dân tộc đã tồn tại và phát triển, khá lâu trong lịch sử, và như thế có thể nói chúng đã được lựa lọc bởi thời gian, và "túi khôn" đó khó có thể xem thường.

Chúng ta đã xem thường khá lâu!

Hình như chúng ta đã xem thường.. hơi nhiều. Các cụ đã xem thường tây phương để hậu quả là con cháu lại xem thường.. các cụ và chính mình. Hình nước ta do hoàn cảnh bó buộc (hoặc do tự chính mình hỏi hợ? hoặc vì thiếu chủ động nên bị đưa vào chỗ phải quyết định một cách bị

động?..) , đã không có một chọn lựa nào thật sự sâu sắc và có tầm nhìn tương lai. Khi bảo thủ thì bảo thủ đến độ ngớ ngẩn, khi cấp tiến thì tung hê tất cả. Hình như chọn lựa nào cũng vì lý do chính trị trước mắt. Chọn lựa nào cũng gấp gáp và không có một chiều sâu tư tưởng. Ông Hồ từng nói ông chọn lựa chủ nghĩa Marx-Lenin chỉ vì để tam quốc tế chống chủ nghĩa thực dân. Nhưng khoan vội chê ông! Ông không phải là người Việt duy nhất có tính.. chọn liều! .

Nhìn lại các nước láng giềng người Việt há chẳng xấu hổ khi thấy, Nhật Bản, Thái Lan chẳng hề đánh mất văn tự, hi sinh phong tục tập quán của mình, chẳng cần truất phế ông vua nào.. mà vẫn giữ được độc lập và xây dựng đất nước dân chủ và văn minh.

Trước thế kỷ thứ 8 khi Nhật Bản còn "man rợ" họ đã cử người sang học hỏi Trung Hoa (thời nhà Đường), và phát triển nền văn minh của mình một cách độc lập. Đến khi thấy được sức mạnh của Tây Phương họ cũng sẵn sàng học hỏi ngay mà gây dựng được nền văn minh hiện đại. Cái "đáng sợ" là họ làm cái gì cũng đến nơi đến chốn! Họ vừa rất "bảo thủ" rất "cứng đầu" mà cũng vừa rất "cấp tiến". Không tự đánh mất mình, không "tung hê tất cả" mà vẫn tiếp thu được cái mới. Nhật Bản, Đại Hàn đều là những nước nơi đó Hán học, Phật học được phát triển một cách sâu sắc. Còn Việt Nam ta thế nào? Tôi sợ rằng ở ta cái gì cũng "đại khái"(6)! Ở ta cái gì cũng được "đơn giản hóa"! Một tý Khổng Tử, một tý Rousseau, một tý Karl Marx. Cái gì cũng để "xài liền" ngày mai!! Ta bị "ảnh hưởng" từ muôn phía, nhưng có chắc là ta đã "học hỏi" thật sự?

Nói người thì dễ nhưng còn chính mình thì sao? Tôi chỉ sợ cái tính "chọn liều" bàng bạc trong mỗi chúng ta.

Phải chăng chính vì người Cộng Sản Việt Nam làm le thờ các ông Lý Quang Diệu, Phác Chính Hy làm tôn sư, tôn mô hình "con rồng Khổng giáo" làm mẫu mực phát triển, mà chúng ta đâm "ghét lây" cụ Khổng và kịch liệt phản đối cái mô hình "con rồng" này.

Các "con rồng" hiện nay đang thất bại thế thảm, nhưng không phải họ đã không từng thành công một cách ngoạn mục! Nhờ Khổng giáo? Hay chẳng dính líu gì đến Khổng giáo cả?

Trong Khổng giáo cũng như các giá trị khác của phương đông hay nước ta nói riêng, cái gì hay cái gì dở? Cái gì cần bỏ cái gì cần phát huy?

Những vấn đề văn hóa ấy thiết tưởng cần được suy xét một cách vô tư và điều cần nhất theo ý kiến của tôi là nên xét nó một cách khách quan ra ngoài mục tiêu chính trị ngắn hạn trước mắt!

Đoan Hùng

(1) Ở thời này Trường An là nơi tụ hội của nhiều sắc dân, và văn hóa. Có thể sánh như New York, Paris ngày nay.

(2) Tôi e rằng những phê phán về các nước này mang nhiều thiên kiến, và bị ảnh hưởng không ít bởi "lập trường" chính trị.

(3) Tôi nghĩ rằng nếu nước ta không bị lệ thuộc thì có thể chữ Nôm sẽ được giản hóa (như đề nghị của Nguyễn Trường Tộ), và khi không hoàn toàn bị cắt đứt với dĩ vãng, thế hệ chúng ta cũng sẽ hiểu sâu sắc hơn về dân tộc mình và phương Đông.

(4) Chưa kể Nam Mỹ là nơi có truyền thống "viva la revolucion" mà các chế độ độc tài cũng tồn tại dài dài.

(5) Nền Văn Minh thế giới chúng ta đang sống lấy "tiến bộ" làm động lực. Hiên nhiên là con người "tiến bộ" rất nhiều. Nền kinh tế không thể không lấy "tăng trưởng" làm gốc và (tự bản chất) không thể không tàn phá thiên nhiên một cách vô độ. Trong sự tiến bộ ấy ẩn chứa tiềm tàng khả năng tự hủy diệt, hủy diệt địa cầu, muôn loài và cả chính con người. Tôi nghĩ những "hạt giống" văn hóa ngoài Tây Phương cần được bảo tồn như một đối trọng vô cùng cần thiết cho tương lai (thí dụ ngay cả đến quan niệm về thiên nhiên của người da đỏ cũng được "phát hiện" trở lại!)

(6) Khi đọc "Đại Việt Sử Ký Toàn Thư" và biết rằng những sử phẩm về Việt Nam như bộ này và "Khâm Định Thông Giám Cương Mục" hay "An Nam Chí lược" đều được sưu tập và in lại ở Nhật Bản từ thời Minh Trị, tôi lạnh người thán phục sự "đến nơi đến chốn" của họ. "In lại" có nghĩa là họ có đủ nhiều học giả (chứ nếu ít thì chỉ cần chép tay!) để nghiên cứu về Việt Nam, là một nước khá xa xôi. Việt Nam ta ngày nay, sau cả trăm năm, liệu có ai đủ trình độ hiểu biết về láng giềng (nói chi đến thế giới!)? Lê Quý Đôn lúc có dịp tiếp xúc với sứ thần Triều Tiên đã khen là "sách vở nước họ có nhiều thứ Trung Quốc không có"! Tôi nghĩ rằng đằng sau sự thành công của các nước này có những "tầm sâu" những "nội lực" đáng sợ! Và muốn thành "rồng" thành "hổ" không phải chỉ "muốn" là được!

Vài suy nghĩ về

"CÁCH MẠNG NHUNG" VÀ "DIỄN TIẾN HÒA BÌNH"

Lê Minh Văn

I-Từ "mùa xuân Prague 1968" đến "cách mạng nhung 11.89".

Cuộc cách mạng xảy ra mùa thu năm 1989 ở liên bang Tchecoslovaquie chấm dứt nền độc đảng toàn trị, và từ đó chế độ cộng sản, là một tiếp nối mang tính logic của lịch sử Tiệp Khắc. Chính xác hơn "cuộc cách mạng nhung" hoàn tất một quá trình chuyển biến bắt đầu từ "mùa xuân Prague" 1968. Những người cộng sản tiến bộ đứng đầu là đệ nhất bí thư Dubcek chủ trương một "chế độ cộng sản nhân bản" với những cải cách về kinh tế, văn hóa, xã hội và cả trong lãnh vực chính trị đã làm Liên Xô và khối đông Âu Varsovie lo ngại. Xe tăng 5 nước CS anh em đã càn qua thủ đô Prague, đè b(c)p nguyện vọng thay đổi của quần chúng Tiệp. Dubcek bị loại khỏi chức vụ lãnh đạo, Husak thay ông ở chức vụ bí thư thứ nhất đảng CS Tiệp. Nhưng những cố gắng "bình thường hoá" đời sống chính trị kinh tế, xã hội của Liên bang Tchecoslovaquie, chủ trương vừa tiếp tục cải cách vừa thanh lọc cả hàng nửa triệu đảng viên các cấp và lưu đày vô số chính khách, trí thức, nghệ sĩ, nhà báo và cả công dân thường của tân bí thư đảng đã không thực hiện được. Nhiều khuynh hướng chính trị, ý thức hệ khác nhau nảy sinh sau "mùa xuân Tiệp Khắc" đã làm cho đảng CS chia rẽ, yếu đi; bên cạnh sự hiện diện nhứt nhối của hai ý niệm dân tộc Tchêque và Slovaque. Husak phải từ chức nhường chỗ cho Milos Jakes là người chủ trương phải "bình thường hoá đảng cộng sản Tiệp". Gọng kìm càng siết lại, đời sống càng khó khăn, quần chúng càng phẫn nộ. Ngày 1.1.1977, 243 nhân sĩ đã ký tuyên ngôn đòi nhân quyền và cải tiến bộ mặt xã hội Tiệp. Một cao trào bộc phát từ trong lòng quần chúng thầm lặng lớn lên, không có khẩu hiệu nào nhiệt, nhưng rất thuyết phục. Tuy không phải là một phong trào chính trị theo đúng nghĩa của nó, hiến chương 77 đòi phục hồi nhân quyền và quyền sống, hiện thực chúng từ những chương điều âm mồm của hiến pháp là một thể hiện hùng hồn niềm tự hào và ước vọng của một dân tộc tha thiết được sống một cách có nhân phẩm, được tự do

tham gia vào mọi công cuộc xây dựng lại một quốc gia đã từng đạt đến vị thế hàng đầu trong số những nước phát triển nhất châu Âu và thế giới giữa hai cuộc thế chiến. Những người cộng sản cải cách của "Mùa xuân Prague" trở lại sân khấu chính trị, sát cánh với Havel Vaclav cùng những nhân vật đầu não của Hiến chương 77 mà đa số thuộc thế hệ mới, đã dựng nên cao trào đối lập, đòi dân chủ hoá đời sống Tiệp, làm cuộc "cách mạng nhung" cuối tháng 11.89, đẩy đảng CS đến chỗ phải chịu thương thuyết, bỏ vai trò đảng độc tôn, tan rã dần và cuối cùng rời khỏi quyền lực. Không giống như các nước láng giềng Ba lan, Hung gia Lợi, Đông Đức và cả Liên Xô trong quá trình tan rã hệ thống xã hội chủ nghĩa, Tiệp Khắc đã chuyển hẳn từ chế độ chuyên chính toàn trị qua chế độ cộng hoà với cuộc tuyển cử tổ chức ngay vào cuối tháng 12.89 trong đó Dubcek được bầu làm chủ tịch quốc hội và Havel Vaclav ở cương vị tổng thống cộng hoà liên bang Tchecoslovaquie; không phải kinh qua thời kỳ "hậu cộng sản" với một đảng và nhà nước CS chuyển tiếp.

II- Từ "cách mạng nhung" ở Tiệp Khắc 1989 đến "phong trào diễn biến hòa bình" ở Việt Nam hiện tại.

Phân tích những yếu tố lịch sử, văn hoá và con người Tiệp Khắc nói chung trong giai đoạn 1968-1989, ta dễ dàng nhận ra những điểm tương đồng với bối cảnh chính trị của cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ thời điểm thống nhất hai miền nam bắc 1975 đến nay: 1 - Hai dân tộc Tiệp và Việt Nam cùng chia sẻ một nỗi tự hào dân tộc đã từng hùng cường ở phía Tiệp hoặc đã từng làm nên những kỳ tích lịch sử, bẻ gãy tất cả ý đồ thôn tính của các đế chế bắc phương ở Việt Nam. Chế độ cộng sản áp đặt bởi những người Liên Xô chiến thắng ở Tiệp kể từ 1945 và ở Việt Nam bởi Nga, Tàu trong đó ảnh hưởng của Mao Trạch Đông mạnh nhất kể từ 1954 đã đặt ra không ít vấn đề gay gắt trong tương quan ý thức hệ chủ nghĩa cộng sản và dân tộc. Người Tiệp vẫn coi thường Liên Xô bao gồm những dân tộc

chậm tiến hơn họ. Cũng như người Việt Nam vẫn chán ghét những áp đặt của mô thức cộng hòa nhân dân Trung Hoa, qua những thể hiện lạ lùng trong nét văn hoá kiểu Mao. Đặc biệt kể từ ngày miền Bắc xã hội chủ nghĩa thắng miền Nam cộng hoà và áp đặt một chế độ chuyên chính vô sản cực kỳ khắc nghiệt với các chính sách cải tạo ác độc nhằm trả thù những người từng đối kháng họ, lập vùng kinh tế mới và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh để cướp tài sản của những người có máu mặt ở miền nam mà họ coi như kẻ thù, đối xử phân biệt với người dân miền nam nói chung như những công dân hạng hai trong cung cách những người chiếm đóng đã đẩy lên phong trào "vượt biên" của hàng triệu người lén bỏ nước ra đi, bên cạnh những tổ chức bán chính thức của đảng để vơ vét vàng cho đầy túi tham của những quan chức "đô hộ" mới và cho quỹ đảng. Sự thống nhất của đất nước ở bề mặt không che dấu nổi thất vọng cùng tột của tuyệt đại đa số nhân dân miền nam- với sự thông cảm của những người miền bắc có những liên hệ họ hàng ruột thịt- về sự cách biệt giữa hai mức độ phát triển kinh tế, xã hội, hai mức sống cao thấp khác hẳn nhau. Quan trọng nhất là vấn đề dị biệt văn hoá của dân chúng hai miền, không khác mấy trong chế độ liên bang Tchécoslovaquie, đa số quần chúng Slovaquie tỏ ra nhiệt tình với ý niệm cộng sinh liên bang trong lúc người Tchèque thường lạnh lùng coi họ như một gánh nặng. 2 - Chế độ CS từ chỗ đối kháng với những ý niệm dân tộc, đã tỏ ra thiếu hữu hiệu trong những cố gắng hàn gắn và phát triển quốc gia. - Ở Tiệp, sự áp đặt chủ nghĩa CS đã đưa cường quốc kinh tế xếp hàng thứ 8 thế giới trước chiến tranh thế giới thứ hai thành một quốc gia kém phát triển, đời sống dân chúng tuột dốc thê thảm so với các quốc gia Tây Âu trước đây ngang hàng hoặc thua kém họ. Mức độ khả tín của đảng lãnh đạo là tăng băng rã lạng lẹ trong lòng quần chúng Tiệp. Bên cạnh đó, dù hiến pháp liên bang có xác lập những định chế chung, nhưng những khuynh hướng sắc tộc vẫn hiện diện sâu kín trong lòng những lãnh đạo gốc Thèque hoặc Slovaquie. - Việt Nam, chế độ VNCH bị giải thể trước cuộc xâm lăng từ miền bắc xã hội chủ nghĩa. Một tân quốc gia thống nhất gọi là CHXHCN Việt Nam được thành lập sau biến cố 30.4.75; nhưng những ý niệm phức tạp và hiện thực vẫn là những con sóng ngầm âm ỉ dưới bề mặt thống nhất. Quốc - cộng, chính - nguy, cũ - mới, Nam - Bắc (trong lòng

đảng những cán bộ gốc nam bị kỳ thị thấy rõ, không được coi là vô sản chính thống), trầm trọng nhất là việc gạt bỏ những người lãnh đạo mặt trận giải phóng miền Nam sau chiến thắng 75. Về phương diện kinh tế, văn hoá, xã hội, người dân Việt Nam ở cả hai miền đã chứng kiến được một sự phá sản thê thảm của chế độ CHXHCN về mọi phương diện. Rõ nét nhất khi so sánh với các quốc gia láng giềng Thái Lan hoặc Mã Lai Á chẳng hạn, sự tụt hậu quá đáng về phát triển và mức sống của Việt Nam đã là một bản án không chối cãi được đối với đảng CS độc tôn vẫn muốn xây dựng "chủ nghĩa xã hội" và khi đất nước gần sụp đổ toàn bộ lại đổi mới theo hướng "thị trường xã hội chủ nghĩa"; trong khi trước năm 1975, VNCH ở miền nam đã có mức phát triển về nhiều mặt cao hơn hai nước này. Việc bám víu vào Trung quốc như thành trì XHCN cho sự tồn tại của chế độ CS cũng đặt ra biết bao nhiêu vấn đề phải bàn cãi; bởi Việt Nam có những điều kiện thuận lợi hơn về văn hoá, lịch sử, cách tiếp cận với phương tây, cộng đồng hải ngoại có những liên hệ thiết thân với tổ quốc.... để dân chủ hoá, củng cố nền kinh tế, đưa đất nước hội nhập vào đà phát triển toàn cầu hoá hơn là cứ nhất nhất cóp nhặt, lèo đèo chạy theo mô thức Trung Hoa. 3 - Một khuynh hướng cải cách cũng đã hình thành trong lòng đảng CS Việt Nam từ lâu với cựu ủy viên bộ chính trị Trần Xuân Bách, sau đó được công khai hoá với tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, và rõ nét nhất với Thủ tướng Võ Văn Kiệt cùng những đồng chí gốc miền nam của ông. Khuynh hướng bảo thủ miền bắc tạm thời thắng thế; nhưng những nhân tố phát triển ưu thắng của miền nam nói chung vẫn là một yếu tố quyết liệt trong cán cân quyền lực và đường lối phải chọn lựa. Thế đảng co của đảng CS Việt Nam hiện tại tỏ ra khó hiểu hơn nhiều so với thế ưu thắng hiển nhiên của phe cộng sản cải cách Tiệp hơn 30 năm trước, tiền "mùa xuân Prague"! Lịch sử Việt Nam có chậm sang trang, nhưng những qui luật khách quan của "diễn tiến hòa bình" sớm muộn cũng sẽ sản sinh những đứa con ưu tú cỡ Dubcek Trần Độ, Havel Vaclav Đoàn Viết Hoạt, Jian Patocka Nguyễn Đan Quế, Komarek Nguyễn Hộ, hoặc Dlouhy, Hà sĩ Phu... Sự khác biệt giữa Tiệp Khắc và Việt Nam nằm trong mức độ văn minh của hai dân tộc và khác biệt văn hoá nơi những con người. Trong nỗi tự hào dân tộc là nét chung, những đặc tính lịch sử và địa lý chính trị Tiệp đã hun đúc cho quần chúng

họ một tinh thần công dân cao độ (thể hiện cả trong guồng máy đảng CS cầm quyền), đặc biệt nổi bật trong giới trí thức, văn nghệ sĩ (nòng cốt của Hiến chương 77) và sinh viên là nòng cốt của diễn đàn công dân- Forum civique đã làm nên cuộc cách mạng nhưng. Người Tiệp và cả Slovaquie đã kết hợp tuyệt diệu vì quyền lợi chung của tổ quốc không hề chia rẽ, tị hiềm. Nền văn minh thực tiễn cũng tạo cho họ một nguyên tắc kỷ luật chặt chẽ trong những cuộc đình công, biểu tình hòa bình chống lại bạo quyền. Tinh thần văn nghệ của các nghệ sĩ, nhà văn, nhà thơ đã thi vị hoá những hành động chính trị, biến hí trường làm nơi đối thoại với quần chúng, mượn những cuộc du ca để nói với người dân về những vấn đề đất nước; hoặc hát và ngâm thơ trong những cuộc thịnh diễn dân chủ. Nụ cười cũng luôn luôn thể hiện một cách âm áp, duyên dáng nhưng mang đầy sức mạnh tinh thần dân tộc Tiệp. Ví như những biểu ngữ "một diễn đàn cho chính phủ độc đảng!", "mọi gánh hát đều đình công, ngoại trừ ủy ban trung ương đảng"... hoặc để diễu cợt những bài diễn văn rất kêu của lãnh đạo hoặc những chương nhân quyền chỉ có trên giấy tờ, những người biểu tình đáp lại với khẩu hiệu "đồng ý với tự do đọc diễn văn; nhưng cũng phải có cái gì sau diễn văn chứ!"... Không phải bởi bạo lực, nhưng là một tinh thần kỷ luật cao độ, thể hiện qua tổ chức khéo léo của những người lãnh đạo và tính công dân biết tự chế của mọi người tham dự, cùng tinh thần hòa hợp và hoà bình của người dân không phân biệt Tiệp hay Slovaquie, các thế hệ trẻ già sát cánh bên nhau, những người bỏ đảng và cả đảng viên ưu tú như Komarek, Dlouhy tranh đấu bên cạnh những lãnh đạo đối lập của các đảng phái khác như dân chủ thiên chúa giáo hoặc đảng xã hội, những người tự do văn nghệ sĩ sinh viên, những phong trào bảo vệ nhân quyền, những khuynh hướng chính trị xã hội khác nhau đã kết hợp lại, không phân biệt, tị hiềm hoặc thù hận. Cũng không phải đơn thuần sự trở lại sân khấu chính trị của cá nhân Dubcek và những lãnh đạo của cánh cộng sản cải cách của "mùa xuân Tiệp Khắc 68" hay uy tín cá nhân trên chính trường quốc nội và quốc tế của người chiến sĩ nhân quyền Havel Vaclav đã quyết định sự thành công của cách mạng mùa thu 89 đưa đất nước Tiệp ra khỏi ách cộng sản trị trị; mà là sự kết hợp mẫu mực của mọi khuynh hướng chính trị, quần chúng trong một thời điểm cần thiết cần đối đầu với kẻ thù

chung là nền độc tài đảng trị đã làm nên cuộc "cách mạng Nhung" tháng 11.89 ở liên bang Tchecoslovaquie. Yếu tố tối hậu này Việt Nam chưa có. Trong nước nhiều tiếng nói, bài viết đòi nhân quyền và dân chủ đã xuất hiện một cách can đảm. Nhưng cũng chỉ là những phát biểu cá nhân riêng lẻ của một Nguyễn Đan Quế từ chế độ miền Nam cũ; hoặc từ trong lòng đảng như nhóm Đà Lạt của những Hà Sĩ Phu, Tiêu Dao Bảo Cự, Bùi Minh Quốc; Nguyễn Hộ, Đỗ Trung Hiếu của Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ; các nhà khoa học Phan Đình Diệu, Nguyễn Thanh Giang; các nhà văn Lữ Phương, Dương Thu Hương, Hoàng Tiến... và đặc biệt mới đây tướng hồi hưu Trần Độ, nhà văn nhân bản, đã từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong guồng máy đảng và quốc hội đặt vấn đề đổi mới đảng, dân chủ hoá chế độ... hoặc mười đảng viên lão thành và vài chuyên viên trẻ chất vấn chính phủ về vấn đề tham nhũng và cải tổ guồng máy hành chính... - hải ngoại từ lâu những nhà ly khai như Bùi Tín, người đại diện phe chiến thắng tiếp nhận sự đầu hàng của tổng thống VNCH Dương văn Minh, nhà thơ Nguyễn chí Thiện, người tù của lương tâm nhân loại, nhà văn Vũ Thư Hiên, nạn nhân trong "Đêm giữa ban ngày" cũng đã dần thân như những người dân chủ. Đặc biệt là nhà "ly khai" Đoàn Viết Hoạt, một chiến sĩ dân chủ nổi tiếng quốc tế đã được phóng thích từ nhà tù cộng sản và bị tổng xuất thẳng sang Mỹ. Sau thời gian nghỉ ngơi để hồi phục sức khỏe và hàm dưỡng tinh thần, ông đã quyết định dần thân vào con đường tranh đấu cho nhân quyền Việt Nam. GS Đoàn viết Hoạt đã tiếp xúc với các cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ, chu du Gia Nã Đại, Pháp, Anh, Đức, Hoà Lan nói chuyện với quần chúng, làm việc với các giới văn hoá chính trị Việt Nam và quốc tế để vạch một đường lối chung. Những bài diễn văn của người chiến sĩ nhân quyền mẫu mực này rất chính xác, sâu sắc, thể hiện đúng suy nghĩ của những người Việt Nam hải ngoại vẫn luôn hướng về tổ quốc với những nguyện vọng không khác mấy những người Việt ưu tư về vận mệnh dân tộc còn sống ở trong nước. Nhưng vấn nạn lớn nhất hầu như vẫn chưa được khai thông. Tín hiệu hoà hợp từ những lần cần chia rẽ, căn bệnh trầm kha của người Việt, chưa được rõ ràng lắm. Bước đi cụ thể đầu tiên của sự kết hợp thông qua một nhận định chung về tình hình chính trị Việt Nam và những nét phác thảo về nhân quyền Việt Nam chưa

đạt được. Bao giờ những người dân chủ hải ngoại có thể ngồi lại được với nhau, để tiến đến một nhịp cầu mong đợi giữa GS Đoàn Viết Hoạt và cựu tướng Trần Độ, giữa BS Nguyễn Đan Quế và tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang hay phó tiến sĩ Nguyễn Xuân Tụ (Hà Sĩ Phu) chẳng hạn... hoặc lý tưởng hơn, giữa tất cả những nhà ly khai, những người dân chủ ở trong nước và hải ngoại? Đến bao giờ thì sự kết hợp mong đợi ấy có thể dẫn đến một tuyên ngôn nhân quyền Việt Nam kiểu Tuyên ngôn hiến chương 77 Tiệp Khắc đã ra đời 22 năm trước? Hy vọng những dấu hỏi sẽ không còn mãi mãi là những dấu hỏi. Sự kết hợp sẽ là hiện thực, chứ không còn là những diễn văn, bài nói, phát biểu... Một Dubcek, H.Vaclav đã thành danh và thành công đưa đất nước Tiệp ra khỏi thời kỳ tăm tối của đất nước họ, và đang hội nhập một cách đáng phấn khởi vào đà phát triển chung của nhân loại; trong lúc cựu tướng Trần Độ, "người cộng sản - kẻ sĩ" dù tuổi già vẫn dũng cảm đương đầu với chế độ toàn trị đang bủa vây, cô lập ông, và một GS Đoàn viết Hoạt bị lưu đầy khỏi quê hương cũng chỉ mới bắt đầu dò dẫm gỡ mối chỉ rối "kết hợp". Tư cách và khả năng của tướng Trần Độ không thua kém Dubcek. GS Đoàn Viết Hoạt, nhà mô phạm, tiến sĩ giáo dục, đồng thời là nhà thơ, nhà văn đầu có khác mấy nhà văn kiêm kịch giả Havel Vaclav? Có khác chăng là những người trí thức và quần chúng Việt Nam, trong bối cảnh nhiễu loạn của hằng thế kỷ dài suy thoái đã đánh mất không ít tinh thần công dân. Nền văn hoá chính trị không định hướng, đang đổ dốc không thể cung ứng được một cái nền đủ dày, đủ chắc cho những nhân tố chính trị xây dựng cao trào dân chủ. Viễn cảnh nguy hại nhất là một thế hệ trẻ lớn lên không có đủ hiểu biết về lịch sử đất nước, bị ru ngủ bởi những giá trị vật chất nhất thời, thiếu niềm tự hào chính đáng về những công trình chống ngoại xâm và dựng nước của cha ông mình. Một sự kết hợp mẫu mực của những người "lớn" nhằm đánh thức niềm tin nơi tầng lớp sinh viên học sinh "trẻ" vẫn là công thức sinh tử cho lối ra và tương lai của dân tộc. Có lẽ mọi người Việt Nam chúng ta không nên quên điều đó.

Lê Minh Văn

1- Phụ chú về thân thế và sự nghiệp của nhà văn, kịch tác gia Havel Vaclav, Tổng thống Liên bang Tchecoslovaquie từ tháng 12.89 đến tháng 7.92 và sau đó được tái tin

nhiệm ở chức vụ Tổng thống cộng hoà Tiệp sau khi Slovaquie tách ra khỏi liên bang và thu hồi chủ quyền :

*Cuối năm 76 : Chuẩn bị tuyên ngôn 77 mà ông là phát ngôn nhân (cùng với GS Jian Patocka). *21.5.77 ngay sau khi được phóng thích, Vaclav từ chức phát ngôn viên.

*27.4.78 ông lập Ủy ban VONS (Ủy ban bảo vệ những người bị truy bức bất công).

*Tháng 8.78 gia nhập PEN club, Văn bút Thụy điển.

*Tháng 11.78 trở lại chức vụ phát ngôn viên nhóm hiến chương 77.

*17.12.78 Husak bị thay thế ở chức vụ Tổng bí thư đảng CS Tiệp, nhường chỗ cho Milos Jakes. Tân lãnh đạo đảng đánh giá thấp các "phong trào diễn tiến hòa bình" đòi nhân quyền, thấy các cuộc xuống đường lúc đầu không qui tụ được nhiều người, Jakes ra lệnh bắt giam Havel Vaclav, linh hồn nhóm Hiến chương 77 và xử tù các nhà ly khai khác như Otakar Vevrerka, hội viên của "câu lạc bộ hoà bình John Lennon" (12 năm tù giam), Jana Petrova của "hiệp hội hòa bình độc lập" (6 tháng tù giam), Sasa Vondra, phát ngôn viên HC 77 (2 tháng tù giam), David Nemecek, người ký HC 77, cùng lúc hội viên các nhóm đối lập khác (6 tháng tù treo), Stanislav Penc thuộc "câu lạc bộ Lennon" (2 tháng tù treo)...

*21.11.89 Vaclav bị tòa kết án 9 tháng tù ở với tội danh "xúi dục dân chúng tụ tập bất hợp pháp" và "chống lại nhân viên công lực" (sau khi kháng án, tòa rút xuống còn 8 tháng tù ở).

*17.5.89 được tạm thả có điều kiện.

*17.11.89 nhân dịp lễ tưởng niệm một sinh viên Tiệp tên Jan Optelel bị phát xít Đức sát hại năm 1939, một cuộc biểu tình lớn đã được tổ chức ở Prague. Cảnh sát đàn áp thô bạo, đã làm dấy lên làn sóng biểu tình liên tục. Đó là thời kỳ tiền cách mạng Nhung. Cuối tháng 11.89 Vaclav, Dubcek biểu tình sát cánh với những nhà ly khai ở các quảng trường Vencelas và Letua.

*Dưới áp lực của những ủy ban diễn đàn công dân-Forum civique và phân ban Slovaque mang tên quần chúng chống bạo lực quyền lực đảng độc tôn tan vỡ. Husak từ chức chủ tịch nước. *28.12.89: Dubcek được bầu làm Chủ tịch quốc hội. *29.12.89 Vaclav được bầu làm Tổng thống cộng hòa Tchecoslovaquie.

Một động cơ chiếm đất, hai chính sách chiếm dụng

Năm 1925, phong trào tìm đất trồng cây kỹ nghệ (cao su, trà và cà phê) trở nên rầm rộ trên toàn cõi Đông Dương. Tại khắp nơi, chính quyền Pháp cử nhiều đoàn thám hiểm dò tìm các vùng đất mới để chiếm và nhượng lại cho các tập đoàn tư bản khai thác sau đó. Các loài cây kỹ nghệ này chỉ có thể canh tác trên những vùng đất cao có khí hậu nhiệt đới, do đó chỉ khu vực rừng núi đất đỏ thuộc Trung Kỳ, Nam Kỳ và Cambodge là được chiếu cố. Nhưng đây không phải là những vùng đất vô chủ, người Thượng đã sinh sống bằng nghề làm rẫy tại đây từ lâu đời. Phải làm gì để chiếm hữu đất đai của người Thượng? Đó là câu hỏi mà chính quyền thuộc địa Pháp phải giải quyết.

Trên cao nguyên Darlac, công sứ Sabatier dùng người Rhadé trấn áp các bộ tộc Mnong, Mạ và Koho để chiếm đất. Tại Kontum, công sứ Fournier dùng người Bahnar áp đảo người Djarai và Sedang. Các sắc tộc Thượng yếu thế hơn hoặc chấp nhận hợp tác và làm công trong các đồn điền trà và cà phê với một đồng lương vô nghĩa, hoặc trốn sâu vào những vùng núi non hiểm trở hơn. Năm 1927, các công ty nông nghiệp được cấp hơn 50.000 hecta đất trồng trọt, riêng Công ty Cao Nguyên Đông Dương sở hữu 13.200 hecta, hai công ty Nông Nghiệp Annam và Thương Mại Đông Dương làm chủ hơn 16.000 hecta.

Trên cao nguyên miền Đông, quân Pháp gặp sự chống trả mãnh liệt của người Thượng. Dưới sự lãnh đạo của Nơ Trang Long (Pu Trang Long), các nhóm Mnong, Stieng và Mạ đã chống cự trong suốt 20 năm liền, từ 1914 đến 1934, và gây nhiều thiệt hại cho một quân đội có tổ chức và trang bị tối tân hơn. Sự kiện này làm giới tư bản Pháp không hài lòng, họ làm áp lực trên quốc hội Pháp tại mẫu quốc. Năm 1935, các chính quyền Đông Dương vừa làm áp lực quân sự bao vây các căn cứ địa của Nơ Trang Long vừa dùng mưu mua chuộc dân Thượng. Biện pháp sau cùng mang lại hiệu quả, Nơ Trang Long bị bộ hạ làm phản, bị bắt và bị giết, công cuộc xây dựng đường sá và thành lập đồn điền diễn ra nhanh chóng. Hơn 150.000 hecta đất rừng đã được phân phối cho các công ty nông nghiệp, hội truyền giáo, công chức và quân đội. Những người Thượng hợp tác với Pháp sau đó được tuyển dụng vào quân đội

hay làm công trong các đồn điền và xây dựng đường sá.

Nhắc lại giai đoạn lịch sử đau buồn trên để đối chiếu với những gì đang xảy ra cho 457 hộ dân thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh Hà Nội hiện nay. Số lượng đất đai tuy ít hơn, chỉ 93 hecta, nhưng là nguồn sinh sống chính của hơn 2.000 miệng ăn. Dân làng Thọ Đa đã âm thầm chống lại cả một bộ máy công quyền đồ sộ, đã dùng đủ mọi mưu mẹo không chế dân làng để chiếm đất trong hơn ba năm liền, từ tháng 9-1995 đến tháng 12-1998, mà không ai hay biết.

Tháng 9-1995, thủ tướng Võ Văn Kiệt ban hành nghị định số 559 thu hồi 93 hecta đất canh tác thuộc thôn Thọ Đa, cách trung tâm Hà Nội 30 cây số về phía Bắc, để giao cho công ty Đại Hà, một liên doanh giữa Việt Nam và Hàn Quốc, xây dựng một khu giải trí có sân đánh cù (golf). Chính quyền ấn định giá đền bù một sào đất (360m²) là 12 triệu đồng (đã tính mọi phí tổn), và nếu hộ nào tự túc thu dọn mặt bằng (dỡ nhà) sẽ được công ty Đông Hà trả thêm 300.000 đồng cho mỗi sào. Ngoài ra công ty Đại Hà hứa sẽ tuyển dụng 1.500 nhân công để xây dựng sân golf và sẽ dàn xếp cho hơn mười thanh niên Thọ Đa, phần lớn là con em cán bộ trong làng, được vào làm công trong khách sạn Daewoo. Trung bình mỗi hộ dân làm chủ khoảng 2.000 mét vuông đất, nếu chịu bàn giao họ sẽ nhận khoảng 70 triệu đồng (4.650 USD), nhưng làng Thọ Đa không nghe như vậy.

Tưởng cũng nên nhắc lại giá trung bình một mét vuông nhà ở tại khu vực trung tâm Hà Nội hiện nay từ 3 đến 5 lượng vàng, ở ngoại ô từ 1 đến 2 lượng vàng và ở các thôn xóm xa hơn từ 150.000 đồng đến 200.000 đồng. Như vậy giá trung bình một sào đất ở thôn Thọ Đa phải là 56 triệu đồng và mỗi hộ dân phải được đền 310 triệu đồng (khoảng 21.000 USD) mới đúng. Thế là có bất đồng, sự chênh lệch quá lớn (240 triệu đồng) để dân làng Thọ Đa chấp nhận, công trình xây dựng sân golf Việt-Hàn bị đình hoãn. Công an được lệnh vào làng chiếm đất nhưng bị đánh bật ra. Dân làng Thọ Đa thành lập các tổ tự vệ ngày đêm canh phòng không cho công an tiến vào làng, nhiều cuộc đụng độ dữ dội đã xảy ra làm nhiều người bị thương.

Phải làm gì để dân làng Thọ Đa giao nộp đất? Câu trả lời là bạo lực và chia rẽ dân làng. Phòng PA38 Công An Hà Nội cùng các lực lượng an ninh địa phương vừa mua chuộc những công bộc của chế độ trong thôn vừa bao vây, chặn bắt từng người ra đồng làm ruộng. Cuối năm 1998 những hộ cuối cùng đã hạ khí giới chấp nhận giao đất cho công ty Đại Hà.

Qua hai sự kiện vừa kể, thế lực của đồng tiền quá mạnh để giới cầm quyền tại Việt Nam có thể từ chối yêu sách của các tập đoàn tư bản. Người Thượng tuy có mất nhiều đất trên cao nguyên nhưng họ vẫn còn nhiều vùng đất khác. Người Pháp đã làm mọi cách để nâng cao mức sống người Thượng, nếp sống định canh định cư thay thế dần đời sống du mục; họ không còn là những dân "man" như người đồng bằng thường gọi. Dân làng Thọ Đa thì ngược lại, họ không có "may mắn" đó. Đối tượng đến sân golf giải trí không phải là nông dân; chính quyền Hà Nội không có một chính sách tái định cư nào cho 457 hộ dân vừa bị lấy đất. Từ nếp sống định canh định cư, dân làng Thọ Đa có thể biến thành những dân du mục. Với số tiền nhận được, chắc chắn họ không thể dựng lại mái nhà trong hoặc quanh thành phố Hà Nội mà phải đi về các vùng xa hơn. Với trình độ giới hạn về kỹ thuật, họ khó tìm việc trong các thành phố. Lợi tức nông nghiệp trước kia tuy không cao nhưng đủ sống (trung bình mỗi nhân khẩu sản xuất 200 kí gạo mỗi năm), mất đất họ mất tự lập; tương lai của họ chỉ có thể là cuộc sống lang thang và đi làm công cho thiên hạ. Chính vì không muốn có tương lai đó, dân làng Thọ Đa đã chống lại cường quyền để bảo vệ cuộc sống; chắc chắn tại nhiều nơi khác trên đất nước Việt Nam cũng đã và đang xảy ra nhiều vụ tương tự.

Chính quyền cộng sản đang tìm cách lún sâu vào lô-gic thù hận, giới lãnh đạo hiện nay đang biến thành cai thầu cho các thế lực tư bản ngoại quốc, bóc lột và ức hiếp dân lành tàn tệ hơn cả dưới thời thực dân. Không ai lường trước hậu quả những cuộc nổi dậy của quần chúng bất mãn chống lại bạo quyền. Nhu cầu hòa giải người Việt Nam với nhau trong lúc này hơn lúc nào hết rất là cần thiết.

Nguyễn Văn Huy

Đọc báo nước ngoài :

Đề phát triển kinh tế dân chủ là điều cần thiết

LTS: Nhân tham dự Hội thảo "Hướng về việc xây dựng một hệ thống tiền tệ và chiến lược phát triển kinh tế mới" do Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) và Bộ Tài Chính Nhật tổ chức hồi tháng 2-1999 tại Tokyo, tiến sĩ A. Sen, 65 tuổi, giáo sư khoa trưởng phân khoa kinh tế tài chính thuộc Viện Đại Học Cambridge, giải Nobel 1998 về kinh tế, đã trả lời phỏng vấn báo Yomiuri như sau:

Khi bàn về chính sách kinh tế, giáo sư lúc nào cũng nhấn mạnh đến vai trò quan trọng của tự do dân chủ, xin giáo sư nói rõ thêm.

- Để phát triển kinh tế, dân chủ đóng vai trò quan trọng vì ba lý do:

1. Dân chủ đem lại cho mọi người dân trong một nước quyền tự do chính trị và các quyền lợi phát huy khả năng của mọi người.

2. Dân chủ đem lại động cơ chính trị khiến chính phủ mỗi nước phải đáp ứng các yêu cầu của quốc dân. Vì chính phủ phải tiếp nhận các lời phê bình từ các đảng đối lập, từ các cơ quan thông tin, từ quốc hội, vì chính phủ không muốn thất bại trong các cuộc tuyển cử nên chính phủ buộc lòng phải xem các nỗi khổ của dân chúng là nỗi khổ của chính mình. Vì vậy, dưới chế độ dân chủ không xảy ra nạn đói. Nạn đói chỉ xảy ra ở Ấn Độ dưới thời thực dân, ở các xứ độc tài quân phiệt hay độc tài do một đảng duy nhất cầm quyền.

3. Việc được tự do bàn bạc và trao đổi ý kiến là một điểm quan trọng của dân chủ. Nếu không được nghị luận rộng rãi, công khai người ta khó lòng quyết định thứ tự ưu tiên của chính sách một cách đầy lý tính bằng những thủ tục hợp pháp được.

Có phải cuộc khủng hoảng kinh tế ở Châu Á vừa rồi đã trầm trọng hơn vì thiếu dân chủ hay không?

- Đúng là trong cuộc khủng hoảng kinh tế vùng Đông Á gần đây có mặt đó. Trong cuộc khủng hoảng ở Nam Dương và Thái Lan, những người khốn khổ nhất là những người không cất tiếng đòi hỏi chính phủ các nước trên có chính sách cứu trợ cho họ được.

Chủ nghĩa tư bản bị nghi ngờ khó có thể làm công cụ để nuôi dưỡng dân chủ thực sự. Ông nghĩ sao về chủ nghĩa

tư bản những ngày sắp tới?

- Để làm cho xã hội dân chủ hơn, tôi cũng đồng ý rằng chủ nghĩa tư bản có giới hạn của nó nhưng nó vẫn còn hơn chủ nghĩa cộng sản. Tương lai của chủ nghĩa tư bản ra sao sẽ tùy thuộc vào chỗ loài người còn giữ nguyên kinh tế thị trường hay không. Xã hội vốn được cấu thành từ thị trường, nhà nước, các đoàn thể dân sự (NGO), chính đảng, cơ quan truyền thông nên sự quan tâm của xã hội và việc hành xử trách nhiệm của nhà nước có thể làm cho kinh tế thị trường tư bản đi quá độ, nhưng có thể điều chỉnh được.

Các nước tiền tiến cũng mang các vấn đề đặc thù của mình như vấn đề suất thất nghiệp cao?

- Ở các nước tiền tiến, mỗi nơi đều có mang vấn đề đặc thù của mình như vấn đề thất nghiệp ở Châu Âu. Còn ở Mỹ có vấn đề số người chưa vào bảo hiểm y tế. Số người này lên đến 43 triệu người làm cho tiền đi khám bác sĩ quá cao khiến nhiều người bị bệnh không được khám bệnh. Nghĩa là ở Châu Âu cần phải có chính sách về thất nghiệp trong lúc Mỹ cần chính sách về y tế.

Ở Mỹ người ta xem trọng trách nhiệm cá nhân. Vấn đề thất nghiệp ở xứ này là ở chỗ làm sao tự lập được nên ở xứ này vẫn ưu tiên nghĩ về chính sách thu dụng nhân công. FRB nêu lên hai mục tiêu song song là suất thất nghiệp và lạm phát đều giảm thấp. Trong lúc đó ở Châu Âu Ngân Hàng Trung Ương Châu Âu (ECB) chỉ xem suất lạm phát là mục tiêu chính. Ở Châu Âu từ đây phải nghĩ đến chính sách kinh tế vì mô có thể mở rộng được việc thu dụng nhiều lao động.

Ông đánh giá sao về các phương thức trị liệu nguy cơ ở các nước thị trường mới (emergency market) mà Quỹ

Tiền Tệ Quốc Tế và Ngân Hàng Thế Giới đề ra?

- Tôi nghĩ rằng việc chuẩn bị đòi hỏi các nước trên phải cải cách của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế không trật. Đúng là cần phải cải cách. Tuy nhiên cải cách ấy đã được thực thi một cách sát sườn hay không là điều còn đáng nghi ngờ. Có ba điểm đáng phê bình ở các chương trình của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế:

1. Vì Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế đòi hỏi nghiêm khắc chính sách nâng cao lãi suất và đóng cửa các ngân hàng (không còn hiệu năng) kết quả lại làm cơn sốt nguy cơ thêm trầm trọng lúc thể lực bệnh nhân còn yếu.

2. Cái bảng tuyên bố của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế rằng cho đến khi các nước trên thực thi chương trình 1 sẽ không viện trợ lại làm cho tình trạng hoảng hốt xảy ra, làm cho tư bản đầu tư ngắn hạn bỏ chạy khỏi các thị trường mới đó.

3. Bộ tham mưu Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế lại ít quan tâm các điểm nghiêm trọng của khủng hoảng kinh tế, chỉ để ý nhiều về khủng hoảng tiền tệ trong khi hai mặt khủng hoảng có liên quan chặt chẽ với nhau.

Ở các nước như Nam Dương, Thái Lan vốn đã tăng trưởng kinh tế 5-10% trong 20-30 năm nay, bây giờ trong vòng một năm tăng trưởng kinh tế bị âm đến 10% làm cho giới người nghèo chịu ảnh hưởng nặng nề. Dường như IMF chưa quan tâm đến mạng lưới an toàn xã hội trong cải cách tài chính.

Cả Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế và Ngân Hàng Thế Giới phải quan tâm hơn đến chương trình chi viện kịp thời và phương sách phòng chống, không cho đầu tư tư bản bỏ các thị trường các nước đang lên quá dễ dàng khiến việc phát triển kinh tế và dân chủ ở các nước này bị tụt hậu.

Nguyễn Minh dịch

THỜI SỰ... TUYÊN TỨC... THỜI SỰ...

Aung San Suu Kyi không rời Miến Điện

Michael Aris, gốc người Anh và chồng của Bà Aung San Suu Kyi vừa từ trần vì bệnh ung thư ở Oxford. Ông Aris là giáo sư đại học ở Oxford, chuyên gia về Tây Tạng và Phật giáo. Từ khi bà Aung San Suu Kyi về nước tranh đấu cho tự do dân chủ, hai vợ chồng ít khi được gặp nhau vì chế độ quân phiệt của Miến Điện là một chế độ vô nhân đạo. Cách đây hai tháng ông Aris biết mình sắp từ trần xin chiếu khán sang Miến Điện để gặp vợ lần chót nhưng bị chính quyền Miến Điện không cho phép. Ý đồ của họ là muốn bà Aung San Suu Kyi sang thăm chồng ở Anh Quốc để sau đó họ sẽ không cho trở lại Miến Điện. Dưới áp lực của cộng đồng quốc tế, chính quyền Miến Điện buộc phải nói là cho phép bà Aung San Suu Kyi xuất cảnh sang thăm chồng và "có thể" trở lại.

Đứng trước sự lựa chọn khó khăn giữa tiền đồ dân tộc và gia đình, bà lựa chọn tiền đồ dân tộc vì thừa biết rằng chế độ quân phiệt sẽ nuốt lời hứa và sẽ không cho bà trở lại. Vì lý do trên, bà không dám rời Miến Điện để tiến đưa chồng đến nơi an nghỉ cuối cùng mặc dầu bà rất muốn. Tổ lòng kính trọng và tin chắc là ông Aris hiểu bà đã nói là "ông ấy là một người chồng tuyệt vời luôn luôn thông cảm những điều mà bà cần tới." Bà Aung San Suu Kyi, người đã được giải thưởng Nobel về Hòa bình, là người thật đáng kính trọng.

Giang Trạch Dân mất bình tĩnh

Giang Trạch Dân, chủ tịch nước Trung Quốc, công du sang nước Ý, Thụy Sĩ và Áo từ ngày 20 đến ngày 30-3. Họ Giang đã nhiều lần thăm viếng nước Ý nhưng hai nước sau cùng thì là lần đầu tiên. Mục đích của chuyến công du là tìm thị trường mới cho kinh tế Trung Quốc đang ở trong thời kỳ xuống dốc.

Ở Ý, chuyến công du của ông Giang được diễn ra bình thường không có gì đáng nói. Trái lại ông Giang gặp phải chống đối về nhân quyền khi vừa bước chân đến thủ đô Bern của Thụy Sĩ. Thụy Sĩ là một nước trong Âu Châu đã đón nhận nhiều người Tây Tạng tỵ nạn chính trị cách đây đúng 40 năm khi xứ này bị Bắc Kinh chiếm bằng võ lực. Genève là thành phố có nhiều chi nhánh của Liên Hiệp Quốc trong đó có một ủy ban về

nhân quyền đang cứu xét những nước vi phạm trầm trọng về nhân quyền. Ông Giang đến đây vừa "đúng lúc".

Ở thủ đô Bern, đoàn người biểu tình dương cao cờ rừng cờ Tây Tạng đòi Bắc Kinh phải thương lượng với vị Phật sống Đạt Lai Lạt Ma, và cảnh sát bắt buộc phải phủ một cờ khổng lồ với 11.000 thước vuông đang trải ở một sân vận động nhưng dưới cửa sổ nơi cư ngụ của ông Giang và phái đoàn. Chính quyền Thụy Sĩ rất bối rối và cho cử hành nghi thức một cách nhanh chóng. Không dẫn được bình tĩnh và nóng giận, ông Giang đã nói với bà Ruth Dreifuss, tổng thống Thụy Sĩ như sau: "Quý quốc đã mất một người bạn tốt, không lẽ bà không có năng lực để cai trị xứ của quý quốc". Họ Giang lại nói thêm: "Trong 10 năm qua, tôi đều được đối đãi nhiệt tình qua các chuyến công du". Không may cho họ Giang là bà Ruth Dreifuss là người đàn bà đầu tiên thuộc cánh tả của Thụy Sĩ được bổ nhiệm làm tổng thống năm. Bà rất ghét những lãnh tụ vi phạm nhân quyền lại còn muốn cho họ một "bài học" về dân chủ. Bà trả lời rằng Thụy Sĩ có truyền thống tự do dân chủ, ai cũng có thể biểu tình và nói thêm: "Quý quốc chủ trương thương lượng chính trị trong khủng hoảng ở Kosovo sao không đem áp dụng ở Tây Tạng?". Bà lại đưa một danh sách các nhà ly khai Trung Quốc cho ông Giang, yêu cầu được trả tự do cho các người này. Mặt mày ông Giang trở nên xanh đờn.

Tuy vậy nhân dân Trung Quốc không được biết các sự kiện này. Bài tường thuật của báo Nhân Dân ngày 27-3 chỉ nói ông Giang đã giải thích cho tổng thống Thụy Sĩ là vấn đề Tây Tạng không phải là vấn đề tôn giáo mà là một vấn đề chính trị và đức Đạt Lai Lạt Ma là một tập đoàn chính trị có cương lĩnh chủ trương phân chia đất nước (sự thật, vị này vừa tuyên bố chấp nhận không về Tây Tạng nếu Bắc Kinh chịu cho xứ ông có chế độ tự trị rộng rãi). Về cái gọi là sự "ồn ào" ngày hôm trước, báo Nhân Dân không nói là gì mà chỉ cho biết ông Giang đã đem Khổng Tử ra diễn đàn. Khổng Tử đã nói: "Hữu bằng từ viễn phương lại, bất diệc lạc hồ?". (có bạn hữu từ phương xa đến, phải chăng là điều lạc thú?).

Phải chăng ông Giang tôn trọng nhân quyền trong xứ ông thì lạc thú biết bao! Giới báo chí Thụy Sĩ đều đồng tình về việc Thụy Sĩ đã cho ông Giang một bài học về dân chủ.

Tin giờ chót cho biết Hoa Kỳ đã đề trình một nghị quyết lên án Bắc Kinh vi phạm nhân quyền ở Ủy ban Nhân quyền tại Genève trái lại Liên Hiệp Âu Châu không đưa ra đề án nào.

Nữ văn sĩ Băng Tâm từ trần

Nữ văn sĩ Băng Tâm (Bing Xin), một nhà văn lớn Trung Quốc vừa từ trần ngày 28-2-99 ở Bắc Kinh, hưởng thọ được 99 tuổi.

Nữ văn sĩ Băng Tâm tên thật là Tạ Uyển Oanh (Xie Wan Ying) sinh năm 1900 ở tỉnh Phúc Kiến trong một gia đình phong lưu. Bà thuộc vào loại các nhà văn lớn đã chứng kiến sự sụp đổ triều đại Mãn Thanh, cuộc nội chiến quốc cộng và cuối cùng sống trong chế độ cộng sản. Bà bắt đầu viết từ thuở còn học ở đại học Bắc Kinh, tham gia phong trào "ngủ tử" năm 1919 và đóng vai trò chủ yếu cho phong trào giải phóng phụ nữ. Năm 1923 bà sang Mỹ du học và sau đó về lục địa năm 1926 để theo đuổi sự nghiệp văn chương. Trái với những nhà văn đương thời, bà không vào "đất thánh" Diên An (Yan An) như nữ văn sĩ Đinh Linh (Ding Ling), Chu Lập Ba (Zhou Li Bo), Vương Thực Vị (Wang Shi Wei), v.v... để rồi sau đó bị chế độ dùng làm binh phong; riêng Vương Thực Vị phải "tự tử".

Sau khi Nhật thất trận năm 1945, bà sang Đại học Đông Kinh giảng dạy văn chương Trung Quốc và sau đó trở về nước năm 1951 mặc dù lúc bà có thể ở lại.

Bà tự cho mình là một nhà văn phục vụ đại chúng chứ không phục vụ chế độ như một số văn nô nổi tiếng đã chạy theo. Quách Mạc Nhược (Guo Mo Ru), một trong những nhà văn lớn đã trở thành ủy viên Trung ương Đảng trong ba khóa liên tiếp cho đến ngày chết, trong khi một nhà văn nổi tiếng khác Ba Kim (Ba Jin), mặc dù đã 95 tuổi ngoài, còn đứng làm binh phong với chức vụ phó chủ tịch Chính Trị Hiệp Thương, một cơ quan vô quyền lực.

Trong thời kỳ cách mạng văn hóa (1966-1976), đại đa số văn nghệ sĩ bị trấn áp bắt buộc phải sống trong thâm lạng nếu không bị cư ông bức phải tự vẫn như nhà văn Lão Xá (Lao She). Bà cầm bút trở lại khi có cơ hội và lên tiếng khi cần phải lên tiếng. Cơ hội đó là sự kiện Thiên An Môn. Bà ủng hộ phong trào sinh viên học sinh xuống đường đòi tự do dân chủ mặc dù lúc đó bà đã gần 90 tuổi trong khi một số lớn văn sĩ và thành phần trí thức tìm cách lẫn trốn. Nữ văn sĩ Băng Tâm để lại nhiều

THỜI SỰ... TUYÊN TỨC... THỜI SỰ...

tiểu thuyết phần lớn viết về thanh niên và tuổi trẻ như Tịch Mịch (Ji Mi), một năm xa nhà (Li Jia yi nian), sau khi từ biệt (Bie Hou) Băng Tâm tuyển Tập (Bing Xin Xuan Ji), v.v... Nữ văn sĩ là hiện thân của tự do sáng tạo trong nền văn chương Trung Quốc.

Một con gái của Mao Trạch Đông được vào Chính Hiệp

Bà Lý Nạp (Li Na) là con gái độc nhất của Mao và Giang Thanh (Jiang Qing) vừa được "bầu" vào Chính Trị Hiệp Thương, một cơ quan vô quyền thực nhưng cũng có nhiều "đặc quyền". Lý Nạp sinh năm 1940 ở Diên An sau khi mẹ là bà Giang Thanh chính thức lấy Mao năm 1938. Bộ chính trị đảng cộng sản Trung Quốc lúc đó đặt điều kiện là Giang Thanh không được làm chính trị trong một thời gian 30 năm vì di vãng của bà Lý Văn Hạc (Giang Thanh) quá "dày" lúc còn là nữ minh tinh màn bạc ở Thanh Hải. Vì lẽ nói trên mà Giang Thanh sau này uất hận có dịp trả thù các "đồng chí" của mình là Lưu Thiếu Kỳ, Chu Đức, Đặng Tiểu Bình, Trần Văn, Trương Văn Thiên, v.v... mặc dù Giang Thanh chỉ sau một thời gian ngắn đã là một trong 5 bí thư riêng của Mao. Về tên họ của Lý Nạp, lẽ ra phải là họ Mao theo họ cha nhưng Mao và Giang Thanh đặt họ Lý vì lẽ bí danh của Mao là Lý Đức Thắng (Li De Sheng) và họ Lý cũng là họ của Giang Thanh. Một người con gái khác của Mao với bà Hạ Tử Trân (He Zi Zhen) cũng lấy họ Lý tên là Lý Mẫn (Li Min). Còn tên Nạp được Giang Thanh đặt cho là vì một trong những chồng cũ của bà tên là Đường Nạp (Tang Na). Về đời tình ái của Mao, không ai biết Mao có bao nhiêu tình nhân. Chính thức Mao có bốn vợ. Người vợ đầu do cha mẹ đặt để, Mao không ăn ở chỉ biết họ là La Thị. Người vợ thứ hai mà Mao thương và quyến luyến nhất là bà Dương Khai Tuệ (Yang Kai Hui), con gái của ông Dương Tế Xương (Yang Ji Chang), một cựu giáo sư Đại học Bắc Kinh. Mao có ba con trai với bà này là Mao Ngạn Anh (Mao An Ying), Mao Ngạn Thanh (Mao An Qing) và Mao Ngạn Long (Mao An Long). Sau khi bà Dương Khai Tuệ bị Quốc Dân Đảng giết vào năm 1930, ba con của Mao bị thất lạc. Khi về Diên An, Mao tìm lại được hai người con đầu, Mao Ngạn Long bị chết vì không có người chăm sóc. Mao Ngạn Anh bị tử trận trong chiến tranh Triều Tiên, còn Mao Ngạn Thanh thì bị

bệnh thần kinh trở nên "khùng khùng" mặc dù Mao đã cho chữa trị nhiều năm ở Liên Xô. Người vợ thứ ba là bà Hạ Tử Trân cùng Mao đi "Vạn Lý Trường Chinh" nhưng khi về Diên An thì bị Mao bỏ rơi cho đi "duỡng bệnh" ở Liên Xô để lấy Giang Thanh. Gia đình của Mao hiện nay có ba người còn sống sót là Mao Ngạn Thanh, Lý Mẫn và Lý Nạp. Mao Ngạn Thanh có vợ là bà Thiệu Hoa (Shao Hua) có quân hàm trung tướng và một con trai tên Mao Tân Vũ (Mao Xin Yu) đã tốt nghiệp đại học. Lý Mẫn có chồng tên Khổng Linh Hoa (Kong Ling Hua) và có một người con trai và một người con gái (Khổng Đông Mai). Ông Khổng này nghe đâu cũng là cháu mấy trăm đời của Khổng Tử. Đây cũng là điều mỉa mai của lịch sử về mối liên hệ giữa Mao và Khổng Tử vì trong thời kỳ cách mạng văn hóa, Hồng vệ binh của Mao đã đập phá không biết bao nhiêu đền thờ Khổng Tử trong xứ. Còn Lý Nạp sau khi cha mẹ mất, gia thế cô đơn, phải tái giá với một cảnh vệ của... Lưu Thiếu Kỳ tên là Vương Cảnh Thanh (Wang Jing Qing).

So với con cái của Đặng Tiểu Bình, hầu hết đã vinh hiển, con cái của Mao tương đối còn lặn lội.

Việt Nam cầu viện Nhật

Ngày 29-3-99, trong chuyến công du Nhật Bản và Úc Châu, thủ tướng Phan Văn Khải đã xin chính quyền Nhật Bản cho Việt Nam được hưởng phần trong quỹ hỗ trợ kinh tế châu Á được lập ra năm 1998. Quỹ này mang tên quỹ Miyazawa, cho tới nay, dành cho Thái Lan, Nam Hàn, Mã Lai, Nam Dương và Phi Luật Tân là những nước đã bị nhiều ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế vùng vừa qua. Nhật Bản đã giải tỏa một ngân khoản là 30 tỷ USD cho chương trình này.

Thủ tướng Phan Văn Khải tuyên bố là sẽ dùng viện trợ này để tăng gia cải cách điền địa, phát triển các xí nghiệp cỡ nhỏ và trung và các xí nghiệp quốc doanh. Ông Miyazawa trả lời rằng sẽ gửi chuyên gia đến Việt Nam vào tháng tư này để chứng kiến những cố gắng cải cách của Việt Nam. Sau đó, Nhật Bản có thể nghiên cứu "một cách thuận lợi" yêu cầu của Việt Nam.

Nhật Bản là quốc gia có mức đầu tư đứng hàng thứ ba tại Việt Nam với 265 chương trình đầu tư trị giá 3,71 tỷ USD. Năm 1998, tổng trị giá giao thương giữa Việt Nam và Nhật là 3,23 tỷ USD, thứ nhì

sau Tân Gia Ba.

Hà Nội phản nộ về phúc trình của ông Amor

Chính quyền Việt Nam đã tỏ ra rất tức giận về phúc trình của ông Abdelfayyah Amor, báo cáo viên đặc biệt của Liên Hiệp Quốc về vấn đề tự do tôn giáo ở Việt Nam. Ông Amor đã kêu gọi Việt Nam nên tôn trọng hơn quyền tự do tín ngưỡng. Ông Lê Sỹ Vương Hà, phát ngôn viên bộ ngoại giao Việt Nam, đã tuyên bố rằng ông Amor đã không am hiểu tình hình Việt Nam và không tỏ ra khách quan. Ông còn tuyên bố rằng Việt Nam sẽ không cấp chiếu khán nhập cảnh cho những quan sát viên về quyền con người của Liên Hiệp Quốc. Ông còn khẳng định rằng ông Amor đã được gặp tất cả những người ông muốn (mà quên nói rằng ông Amor đã không được gặp thượng tọa Thích Quảng Độ và những đại diện của Cựu Giáo Hội Phật giáo Việt Nam thống nhất...). Trong bản báo cáo, ông Amor cũng đã nhận xét là có sự phá hoại của một số chùa và sự ngược đãi những phân hội tín lành của những dân tộc thiểu số.

Nguyễn Thanh Giang bị bắt

Chiều ngày 4-3-1999, nhà trí thức đấu tranh cho dân chủ Nguyễn Thanh Giang đã bị công an chặn bắt ngoài đường phố Hà Nội. Đến nay chưa biết ông Giang đang bị giam tại đâu.

Nhà riêng của ông Giang hiện bị canh gác, khách tới thăm bị hỏi giấy và cấm vào, điện thoại của gia đình ông cũng bị cắt. Thân phụ ông Giang, năm nay 86 tuổi, sinh sống tại Washington DC, Hoa Kỳ, từ 1975 về nước từ sáu tháng nay với ý định sống những ngày cuối đời tại Việt Nam đã bị gọi ra Sở Công An Hà Nội và bị buộc phải ký cam kết bảo lãnh cho ông Giang, nhưng sau đó ông Giang vẫn bị giam giữ. Gia đình chỉ được phép gửi đồ đạc cá nhân của ông Giang qua sở công an chứ không được cho biết nơi giam giữ.

Việc chặn bắt ông Giang ngoài đường làm người ta nhớ lại vụ bắt phó tiến sĩ sinh học Nguyễn Xuân Tú, bút hiệu Hà Sĩ Phu, tháng 12-1995. Ông Tú sau đó bị kết án một năm tù. Sự kiện nhà cầm quyền bắt một cụ 86 tuổi, không thường trú tại Việt Nam, viết giấy bảo lãnh cho người con đã 63 tuổi và đã nghỉ hưu như ông Giang lại càng lộ bịch.

Tin ông Giang bị bắt đã gây xúc động

THỜI SỰ... TUYÊN TỨC... THỜI SỰ...

lớn trên dư luận thế giới và người Việt hải ngoại. Một bản lên tiếng của trí thức Việt Nam tại hải ngoại đã thu được trên 300 chữ ký sau ba ngày được đưa ra. Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã chính thức lên tiếng đòi nhà cầm quyền Hà Nội trả tự do tức khắc và không điều kiện cho ông Giang. Các tổ chức nhân quyền Human Rights Watch và Amnesty International cũng cực lực phản đối việc bắt giam này và đòi Hà Nội trả tự do cho ông Giang. Ủy Ban Bảo Vệ Ký Giả, Tổ Chức Ký Giả Không Biên Giới, Hiệp Hội Báo Chí Thế Giới cũng lên tiếng với nội dung tương tự. Hàn Lâm Viện Khoa Học New York, mà ông Giang là thành viên, qui tụ 40.000 nhà khoa học lớn trên khắp thế giới, đã đòi chính quyền Hà Nội làm sáng tỏ vụ bắt giữ một đồng viên của họ và cũng đã đòi trả tự do tức khắc và không điều kiện cho ông Giang. Một số dân biểu, nghị sĩ Mỹ và Pháp cũng đã lên tiếng bênh vực ông Giang.

Phong trào bảo vệ ông Giang chỉ mới bắt đầu.

Hà Nội đã lúng túng, phát ngôn viên bộ ngoại giao đã chỉ xác nhận ông Giang bị bắt sau gần hai tuần lễ, nhưng cũng không nói ông Giang bị bắt vì lý do gì và hiện bị giam ở đâu.

Giới trí thức Hà Nội quả quyết rằng ông Nguyễn Thanh Giang đã bị bắt theo một quyết định trước đó từ cấp cao chứ không do một lý do đặc biệt nào cả. Lý do chính theo họ là vì ông Giang là khuôn mặt dân chủ có uy tín nhất miền Bắc hiện nay, phong trào này đang phát triển nhanh chóng nên chính quyền cảm thấy cần bắt ông Giang để răn đe.

Sinh ngày 6-6-1936, ông Giang đã chọn lựa ở lại miền Bắc một mình khi gia đình di cư vào Nam năm 1954. Từ đó ông đã phấn đấu trong những điều kiện vật chất vô cùng khó khăn để đạt tới học vị phó tiến sĩ địa chất (phó tiến sĩ là bằng cấp cao nhất miền Bắc vào thời điểm đó). Ông tiếp tục làm việc và nghiên cứu trong ngành địa chất, viết hai cuốn sách và nhiều bài báo khoa học giá trị. Năm 1998, Nguyễn Thanh Giang được bầu vào Viện Hàn Lâm Khoa Học New York. Ngoài ông Giang còn hai nhà khoa học Việt Nam khác được hàn lâm viện này nhận làm thành viên.

Về mặt chính trị, ông Giang đã gia nhập Đoàn Thanh Niên Cứu Quốc và trở thành một cấp lãnh đạo thanh niên. Ông Phạm Thế Duyệt, thường trực bộ chính trị đảng cộng sản, đã từng hoạt động dưới sự

hướng dẫn của ông Giang. Ông Trần Đức Lương, ủy viên ban thường vụ bộ chính trị và đương kim chủ tịch nước, cũng là bạn thân của ông Giang.

Ông Giang đã có thể có địa vị rất cao trong đảng nếu chịu gia nhập đảng cộng sản, nhưng ông đã từ chối vì sớm nhận ra những bất đồng quan điểm với chủ nghĩa Mác-Lênin.

Từ đầu thập niên 1980, ông Giang bắt đầu đưa ra những phê phán đối với đảng cộng sản. Năm 1991, ông ra ứng cử đại biểu quốc hội Hà Nội nhưng giờ chót bị gạch tên khỏi danh sách ứng cử viên theo quyết định của bộ chính trị. Từ đó ông Giang thẳng thắn lên tiếng đòi dân chủ, công khai cổ võ cho việc tu chính hiến pháp để chấp nhận đa nguyên, đa đảng. Trái với phần đông những người xuất phát từ guồng máy chính quyền cộng sản, ông Giang, vì chưa bao giờ là đảng viên, không kêu gọi cải thiện đảng, một điều mà ông coi là việc của đảng, mà thẳng thắn đòi hỏi dân chủ đa nguyên trong cương vị của một công dân.

Do thái độ đối lập, ông Giang bị buộc phải từ chức về hưu từ 1997. Cuối năm 1997, công an Hà Nội mở chiến dịch truy bức ông Giang, ông bị tố giác là phản bội trong nhiều cuộc mít-tinh tại khu phố và bị hăm dọa đuổi nhà. Nhiều người được huy động đến ném đá vào nhà ông. Những phiên nhiều này chỉ chấm dứt sau khi ông Giang đe dọa tự thiêu để phản đối. Đầu năm 1998, ông Giang tổ chức một chương trình xã hội với mục đích trợ giúp cho các thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa (trong một bài báo đã được đăng trên Thông Luận số 86, tháng 10/95 "Thấp chung nên nhang cho tám trăm kịch quá khứ", ông Giang đặt câu hỏi nhà nước cộng sản lo cho thương phế binh cộng sản, còn thương phế binh của miền Nam thì ai lo cho họ?). Tháng 3-1998, trong lúc đi vận động cho công tác này tại tỉnh Bình Phước, ông lại bị bắt giam và đã lập tức tuyệt thực, ba ngày sau ông được trả tự do. Sau đó ông bị thiếu tướng Không Minh Dự triệu tới đối chất nhiều lần nhưng lúc nào ông cũng giữ thái độ kháng khái.

Những người biết ông Giang cho biết ông quyết định đấu tranh mạnh mẽ cho đến thắng lợi toàn diện của dân chủ.

Hội nghị "Ổn định và Nhân quyền" tại Đức

Ngày 20.3.99, nhận lời mời của Hiệp hội Nhân quyền Quốc tế, giáo sư Đoàn

Viết Hoạt đã cùng với ông Nguyễn Kinh Sinh (Wei Jingsheng, Trung Quốc) và bà Ludmila Alexeeva, Chủ tịch Hội Helsinki Moskova (Cộng hòa Nga) tham dự Hội luận mang chủ đề "Ổn định ưu tiên hơn Nhân quyền?" được tổ chức tại Koenigstein, Đức Quốc.

Hai ông Đoàn Viết Hoạt và Nguyễn Kinh Sinh cũng như bà Alexeeva, tuy đi từ những thực tế chính trị khác nhau nhưng đã cùng kết luận rằng ổn định thực sự chỉ có thể bảo đảm bằng sự thực thi nhân quyền.

Phần trình bày về một kế hoạch chuyển đổi hài hòa trong trật tự và ổn định của giáo sư Đoàn Viết Hoạt đã bị gián đoạn bởi nhiều tràng pháo tay hoan nghênh của cử tọa cũng như được sự biểu đồng tình của ông Nguyễn Kinh Sinh. Giáo sư Đoàn Viết Hoạt đã nhấn mạnh rằng ổn định thực sự chỉ có thể đạt được bằng việc thực thi các quyền tự do.

Ông Nguyễn Kinh Sinh báo động rằng nếu các chính phủ dân chủ Tây phương ủng hộ các quan điểm về ổn định chính trị của các nhà độc tài như ở Trung quốc và Việt Nam thì họ đã vô tình ủng hộ sự bất ổn định. Hiện nay chỉ những nhà độc tài mới kêu gọi ổn định còn những nhà dân chủ thì mong muốn một sự thay đổi để tạo điều kiện cho một sự phát triển trong ổn định chân chính.

Bà Alexeeva đã làm rõ rằng không phải việc thực thi các quyền tự do căn bản ở Nga đã tạo ra những bất ổn mà chính guồng máy hành chính do chế độ cộng sản để lại đã bắt tài không giữ được pháp luật. Hiện nay các tổ chức bảo vệ nhân quyền và dân quyền ở Nga đang đấu tranh để những điều khoản nhân quyền ghi trong hiến pháp và luật pháp Nga phải được tôn trọng trên thực tế.

Bà Alexeeva cũng bác bỏ ảo tưởng về "một con đường phát triển kiểu Trung Quốc". Theo bà chính nhóm của ông Gorbachev cũng đã tính đưa Liên Xô cũ đi theo kiểu mẫu này nhưng cuối cùng đã thất bại vì gặp phải sự chống đối của guồng máy thư lại cộng sản và đã phải quyết định cải tổ chính trị.

Được biết bà Alexeeva là thành viên sáng lập Hội Helsinki Nga vào năm 1976, sau đó, vì thế bị tù và bị trục xuất khỏi Liên Xô vào năm 1977. Bà trở về Nga từ năm 1993. Những đại diện từ những nước Cộng hòa Độc lập (Liên Xô cũ) đã có những hẹn ước làm việc chung với giáo sư Đoàn Viết Hoạt. **Tin VQD**

Thuộc gia

Kết thúc cuộc tranh đấu của nông dân Kim Nỗ

Tháng 9-1995, chính quyền cộng sản Hà Nội quyết định cướp 93 ha đất trồng lúa một năm hai mùa của 457 hộ thuộc hai thôn Bắc và Thọ Đa, xã Kim Nỗ, ngoại thành Hà Nội để xây dựng một khu nghỉ ngơi giải trí và sân gôn. Đất này là nguồn sống chính của 2.056 nhân khẩu.

Tội vạ đổ lên đầu người nông dân nghèo. Đảng đã bàn cùng hóa nông dân trong việc cướp đất này. Tại sao lại xây dựng khu nghỉ ngơi giải trí trong khi Trung ương Đảng đã có hàng chục biệt thự nghỉ mát ở Quảng Bá nội thành, những biệt thự nghỉ mát ở Hạ Long và Đồ Sơn. Đó là chưa kể những biệt điện do chính quyền miền Nam để lại như những biệt điện của vua Bảo Đại và toàn quyền Đông Dương ở Đà Lạt, những biệt thự sang trọng dành cho Trung ương Đảng ở Sài Gòn và Vũng Tàu. Những biệt thự nghỉ mát trên đây chưa đủ mà còn phải cướp đất của nông dân nghèo xây dựng thêm khu nghỉ ngơi giải trí.

Nguồn gốc đất nông nghiệp ở Kim Nỗ tuyệt đại bộ phận là từ điền do tổ tiên ông cha khai phá xa xưa từ nhiều thế hệ. Từ khi xây dựng chủ nghĩa xã hội trên toàn miền Bắc sau 1954, vì là tư liệu sản xuất nên trở thành đất đai thuộc sở hữu toàn dân hay sở hữu tập thể, toàn bộ đất đai thuộc xã Kim Nỗ bị đưa vào hợp tác hóa. Khi giải tán các hợp tác xã nông nghiệp, thay vì trả lại đất đai Nhà nước cho nông dân thuê lại trong thời gian 25 năm.

Trước quyết định bất công vừa nói, nông dân Kim Nỗ đã quyết định đấu tranh để giữ đất hương hỏa của ông cha để lại và vì không còn nguồn sống nào khác ngoài nghề nông. Hơn nữa vụ chiếm đất này chỉ để xây dựng một khu giải trí có sân gôn. Nông dân xã Kim Nỗ đã có nhiều kinh nghiệm đấu tranh như cuộc nổi dậy của anh hùng Hoàng Hoa Thám đã dựa vào rừng núi chống Pháp 25 năm, rồi toàn quốc kháng chiến chống Pháp những năm 1946-1954 theo lối đánh du kích mỗi làng là một pháo đài. Nhưng hiểu rõ đây là một cuộc đấu tranh không cân sức, nông dân Kim Nỗ không thể đào hầm, đào hào bí mật như

thời chống Pháp vì quân xâm lược Pháp chỉ đi càn một hay hai giờ rồi về, còn bây giờ xã Kim Nỗ bị công an bao vây hàng mấy năm liền. Đồng bào Thái Bình thuận lợi hơn Kim Nỗ vì hơn 100 xã đồng khởi biểu tình, lực lượng rất mạnh, còn Kim Nỗ thì cô đơn chỉ có hai thôn. Do đó chiến thuật của Kim Nỗ đã rất khôn khéo và thông minh. Không đủ sức để bắt công an như ở Thái Bình, nông dân Kim Nỗ lập chốt chặn ở các ngã đường vào thôn không cho công an vào làng, nếu vào thì đánh kặng báo động. Nhờ thế cuộc đấu tranh đã kéo dài hơn ba năm, dài hơn vụ việc ở Thái Bình, và đã giữ đất tiếp tục canh tác, không nhận tiền đền bù, ngăn chặn không cho thi công sân gôn.

Trước cuộc đấu tranh của nông dân Kim Nỗ, chính quyền cộng sản đã dùng lực lượng công an Phòng An Ninh PA38 thuộc Sở Công An Hà Nội bao vây Kim Nỗ trong suốt ba năm liền, không một tin tức nào lọt được ra ngoài. Đến đây mới thấy rõ bộ mặt của Đỗ Mười. Công an đề nghị nổ súng nhưng ông Đỗ Mười, thâm độc hơn, chủ trương bẻ dũa từng chiếc một, nghĩa là bao vây bắt dần và truy tố những người là linh hồn lãnh đạo cuộc đấu tranh. Những người bị bắt khi đang đi cày hay đi chợ, có người được giấy mời lên xã huyện họp rồi bị bắt luôn. Trong năm 1996, Tòa án Hà Nội đã mở 12 phiên tòa xử 19 người, trong đó 7 người bị án tù 5 năm. Tuy bị đàn áp, nông dân Kim Nỗ vẫn bất khuất tiếp tục kéo dài cuộc đấu tranh từ 1997 và 1998.

Ông Đỗ Mười còn gây chia rẽ trong nội bộ nông dân bằng cách bố trí tuyển dụng 10 người Kim Nỗ vào làm việc trong khách sạn Daewoo, tất cả đều là con em cán bộ trong thôn, những người chỉ điểm cho công an bắt những người lãnh đạo cuộc đấu tranh của nông dân. Quá căm phẫn vì nội phản, nông dân Kim Nỗ đã ném gạch đá vài nhà bí thư chi bộ Lê Khả Xuân.

Nói về khách sạn Daewoo, hôm khánh thành Đỗ Mười đã thân hành đến dự, trong dịp đi Nam Hàn, Đỗ Mười được quà biếu một triệu đô la Mỹ. Khách sạn Daewoo, cao 20 tầng, 400 phòng, được xây dựng trên một miếng đất rộng trên hàng chục hecta, ai chưa nhìn thấy chỉ cần nhìn Dinh Độc Lập ở

Sài Gòn, vừa rộng rãi vừa thênh thang. Không một khách sạn nào ở Việt Nam có đất rộng đến thế. Lịch sử sẽ phán xét việc Đỗ Mười bán đất quý cho người nước ngoài.

Năm 1998, công an Hà Nội tiếp tục bắt và truy tố thêm 9 người nữa. Cho đến đầu tháng 11-1998 vẫn còn 45 hộ không chịu nhận tiền đền bù nhưng trước sức mạnh của bạo quyền, ngày 28-11-1998, tất cả đã nộp giấy mác qui hàng và ngày 24-12-1998 đau đớn ký giấy giao nộp đất của cha ông để lại.

Cuộc đấu tranh đơn độc của nông dân Kim Nỗ tạm chấm dứt với 28 người bị bắt vì dám tự đứng ra bảo vệ gia sản của tổ tiên.

Lê Khả Đoàn (Hà Nội)

Cần phải sửa cho đúng

Tôi mới nhận được Thông Luận tháng Ba 99, xem qua bài "Một gia đình tại Sài Gòn" ở trang 32, thấy có một vài chi tiết nhỏ nhỏ cần phải sửa cho đúng:

- đường Lê Văn Sỹ trước kia là đường Trương Minh Giảng chứ không phải Lê Văn Duyệt. Đường Lê Văn Duyệt bây giờ có tên mới là Cách Mạng Tháng Tám.

- Kỳ Lam không phải "tên một cây cầu bắc qua sông Quảng Ngãi". Trước hết Kỳ Lam là tên một làng thuộc quận Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (gần làng Xuân Đài). Do đó cây cầu xe lửa bắc qua sông Thu Bồn đoạn chạy qua làng Kỳ Lam có tên là cầu Kỳ Lam, nhà ga xe lửa tại đó có tên Ga Kỳ Lam. Và không có con sông nào tên là "sông Quảng Ngãi" cả. Trong tỉnh Quảng Ngãi có ba con sông lớn là sông Trà Bồng, sông Trà Khúc và sông Vệ, ngoài ra không có con sông nào tên là Quảng Ngãi.

Phạm Phú Minh (California)

LTS: Chân thành cảm tạ những chỉ dẫn của anh Phạm Phú Minh. Những sai lầm vừa kể là do người viết bài điểm sách, không nắm rõ tên các địa danh, thêm vào. Nội dung quyển "Một gia đình tại Sài Gòn" không có đoạn nào giải thích hai địa danh kể trên. Tác giả Florence Nguyen-Rouault chỉ nói những gia đình miền Trung thường lấy tên những địa danh đặt cho con cái, Kỳ Lam là một thí dụ, để nhớ quê hương.

Bản Lên Tiếng

của trí thức Việt Nam hải ngoại nhân việc nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam bất giữ tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang

Chúng tôi, ký tên dưới đây, một số trí thức người Việt hiện đang sinh sống ngoài lãnh thổ Việt Nam, đồng nhận thấy rằng:

1. Ngày 4 tháng 3 năm 1999 vừa qua, nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam đã bắt giữ tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang ngay giữa đường phố Hà Nội trong những điều kiện thô bạo và kém văn minh: không loan báo lý do, không cho biết nơi giam giữ, và không truy tố theo thủ tục pháp lý. Nguyên nhân chỉ vì ông Nguyễn Thanh Giang có mang theo trong người những tài liệu mà nhà cầm quyền nói là chống Đảng Cộng Sản Việt Nam.

2. Tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang là một nhà địa chất được thế giới biết tiếng. Ông đã có những cống hiến đáng kể trong ngành địa chất tại Việt Nam, và đã rộng rãi truyền bá kiến thức đó trong giới trẻ. Trong cộng đồng địa chất thế giới, ông Nguyễn Thanh Giang đã từng tham dự nhiều hội nghị địa chất toàn cầu và được các đồng nghiệp quốc tế quý trọng.

3. Ngoài lãnh vực chuyên môn, tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang còn đóng góp rất nhiều về mặt tư tưởng để xây dựng một nước Việt Nam thực sự dân chủ, tự do và thịnh vượng. Trong tư thế một người trí thức, ông đã mạnh mẽ lên tiếng phê bình đảng Cộng Sản Việt Nam. Nhưng ông không hề chủ trương bạo động, mà chỉ công khai nói lên cảm nghĩ chân thực của một người trí thức có suy tư về hiện tình và tương lai của đất nước.

Nhân cách và kiến thức của Nguyễn Thanh Giang được giới trí thức trong và ngoài nước, Việt Nam cũng như ngoại quốc, kính nể.

Vậy mà nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam đã ngang nhiên và thô bạo bắt giữ ông, bất chấp những nguyên tắc sơ đẳng của một xã hội văn minh.

Chúng tôi, những người trí thức Việt Nam sinh sống tại khắp nơi trên thế giới:

1. Cực lực tố cáo trước dư luận toàn cầu hành động vi phạm nhân quyền trầm trọng của nhà cầm quyền Hà Nội.

Bất chấp thủ tục pháp lý sơ đẳng, nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam đã coi thường và vi phạm chính hiến pháp của họ, trong đó có ghi rõ quyền tự do phát biểu ý kiến của người công dân. Đồng thời, họ cũng chà đạp lên những quyền tự do căn bản của con người đã ghi trong Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền được cả nhân loại văn minh tôn trọng, và Công Ước Quốc Tế Về Các Quyền Chính Trị và Dân Sự mà họ đã công nhận và ký kết.

Chúng tôi kêu gọi dư luận thế giới, nhất là giới trí thức khắp năm châu, hãy làm áp lực mạnh mẽ với nhà cầm quyền Hà Nội, buộc họ phải thả tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang ngay lập tức, và vô điều kiện.

2. Cực lực tố cáo với toàn thể đồng bào, và nhất là với anh chị em trí thức trong nước, rằng đảng Cộng Sản Việt Nam, qua việc bắt giữ Nguyễn Thanh Giang, đang mở một chiến dịch đàn áp rộng rãi nhằm bóp nghẹt tiếng nói của người dân và nhất là của giới trí thức.

Chiến dịch này được tung ra chỉ nhằm củng cố địa vị thống trị của đảng Cộng Sản Việt Nam, để bảo vệ những đặc quyền đặc lợi của một thiểu số cầm đầu bất tài, tham ô, thối nát. Hành động đó cho thấy nhóm thống trị này bất chấp thực tế nguy ngập của xứ sở, bất chấp sự lầm than của đại đa số dân chúng, càng ngày càng đưa đất nước lún sâu vào con đường lạc hậu.

3. Tha thiết kêu gọi anh chị em trí thức, cùng mọi thành phần thức thời khác trong nước, hãy vì sự sống còn của đất nước và lẽ sinh tồn của dân tộc, kết hợp hoạt động bằng mọi cách, để phá vỡ kế hoạch đàn áp đang và sắp được thi hành.

Mọi người hãy mạnh mẽ và cương trực lên tiếng, thẳng thắn đặt vấn đề với nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam, như tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang, và bao trí thức khác trong nước, đã và đang làm.

Những tiếng nói hợp nhất và bất khuất đó sẽ thức tỉnh nhân dân trong nước, sẽ lay động dư luận thế giới, nhằm tạo áp lực đi tới một sự thay đổi toàn diện, hầu mang đến cho đất nước Việt Nam một tương lai

Mục lục

1. Nguyễn Thanh Giang, một biểu tượng lớn của phong trào dân chủ
Thông Luận
2. Dân chủ hay là chết
Huỳnh Hùng
3. Tu chính Hiến pháp & triển vọng phát triển kinh tế ở Trung Quốc
Nguyễn Phi Phụng
5. Chủ nghĩa quốc gia cực đoan phản quyền lợi dân tộc
Diệp Tường Bào
7. Một bản cáo trạng
Phạm Ngọc Lân
9. Sao lại khai trừ nhà cách mạng trung kiên Trần Độ?
Nguyễn Thanh Giang
11. Trở lại vấn đề Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc
Nguyễn Gia Kiểng
16. Ổn định hay nhân quyền?
Đoàn Viết Hoạt
17. Hành trình thanh niên trên con đường cách mạng dân chủ
Quốc Hưng
20. Có cần chống Khổng Giáo?
Đoan Hùng
23. "Cách mạng nhưng" và "Diễn tiến hòa bình"
Lê Minh Văn
26. Một động cơ chiếm đất...
Nguyễn Văn Huy
27. Phỏng vấn ông Sen
Nguyễn Minh dịch
28. Tin tức thời sự
31. Thư độc giả

tươi sáng, thực sự tự do và dân chủ.

4. Quyết tâm dùng hết sức mình để kêu gọi nhân dân và chính quyền khắp thế giới ủng hộ và hậu thuẫn cho công cuộc vận động của giới trí thức và đồng bào quốc nội.

Trí thức Việt Nam ở nước ngoài luôn luôn sát cánh với trí thức và đồng bào mọi giới trong nước.

Sứ mạng của đồng bào trong nước là đấu tranh trực diện với nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam. Sứ mạng của chúng tôi là vận động toàn thế giới để yểm trợ đồng bào. Chúng tôi sẽ hoàn thành sứ mạng đó.

Làm tại hải ngoại ngày 14- 3-1999

Tên ký theo mẫu tự.

LTS. Tính đến hết ngày 23 tháng 3-1999, có 521 chữ ký, sẽ còn được tiếp tục ký và phổ biến.